

Nguyễn Ngọc Hoa

Hồi Bần Hồi Đương

TẬP TRUYỆN NGUYỄN NGỌC HOA X

Biển Ngọc
2024

MỤC LỤC

Lời Tựa

1. Mây Trắng và Ráng Đỏ
 2. Một Đời Lật Lọng
 3. Dư Âm Cuộc Chiến
 4. Người Làm Nghề Thân Cộng
 5. Cha Nó Lú, Chú Nó Khờ
 6. Uống Phí Đời Hoa
 7. Càng Cao Danh Vọng
 8. Nhà Ngoại Giao Bất Ngờ
 9. Bao La Như Biển Thái Bình
 10. Nửa Kiếp Đàn Ông
 11. Như Múi Sầu Riêng
 12. Ác Ma Làng Vắn
 13. Ước Làm Tiến Sĩ
 14. Cây Kim Bọc Giẻ
 15. Cứ Tưởng Bờ
 16. Người Đẹp Trong Tranh
 17. Đôi BẠN Đôi Đường
 18. Hai Thằng Hai Nẻo
 19. Tôi Đi Học . . . Hoài
 20. Những Bước Đường của Mạc
 21. Con Voi và Chú Nài
 22. Cô Gái Đồng Hới
 23. Chỉ Vui Khi Các Anh Về
 24. Chuyện May Mắn của Diễn
- Tiểu sử Nguyễn Ngọc Hoa

LỜI TỰA

Chúng tôi sung sướng và hãnh diện gửi đến quý độc giả cuốn *Đôi Bạn Đôi Đường: Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa X*, tập truyện cảm mốc ghi tổng số 240 truyện ngắn được xuất bản từ năm 2013 đến nay. Chúng là những truyện ngắn riêng lẻ được đặt liên hoàn với nhau theo thứ tự thời gian và nối kết thành ký ức của một quãng đời xa xưa. Trong hơn một năm qua, các truyện ngắn trong *Đôi Bạn Đôi Đường* đã được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Ra Đứng Ngõ Sau” mà tên được lấy từ câu ca dao,

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

Mặc dù số truyện ngắn được ấn hành đã rất đáng kể, mộng làm văn chương của chúng tôi vẫn chỉ giới hạn vào việc kể lại cho bạn bè nghe những mẩu chuyện chúng tôi đã trải qua, chứng kiến, hay nghe thuật lại, và trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương. Để tránh ngộ nhận đáng tiếc, xin nhắc lại một lần nữa: Tác phẩm của chúng tôi không phải là hồi ký, tự truyện, hay tài liệu ghi lại dữ kiện lịch sử. Mặc dù nhiều tình tiết mô tả trong truyện có thể có thực, các nhân vật – kể cả nhân vật xưng “tôi” mà chúng tôi dùng như một chứng nhân để thuật lại chuyện quá khứ – được dựng nên và tiểu thuyết hóa cho phù hợp với chuyện kể, thường không tương ứng với nhân vật có thực ngoài đời.

Chúng tôi xin cảm ơn các thân hữu đã đọc bản thảo, góp ý, phê bình, và chỉnh sửa cũng như khích lệ chúng tôi trong việc sáng tác. Xin được kể tên vài người là các chị Lưu Phương Lan (nhà văn Phương Lan), Nguyễn thị Thanh Loan, Trần Thùy Mai (nhà văn), và Bùi Mỹ Trang, và các anh Nguyễn Trọng Dzũng, Nguyễn Đình Hiếu, Nguyễn Nhật Hoàng (báo Trẻ Dallas), Nguyễn Thanh Hoàng (nhà văn Phan Hạnh), Nguyễn Thành Nguyên, Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Khắc Phụng, Châu Hiền Quang (nhà thơ Kiều Phong (Toronto)), Nguyễn văn Sâm, Nguyễn Thiệp (nhà văn Tràm Cà Mau), Nguyễn Xuân Thiệp (nhà thơ), và Nguyễn Công Thuần. Tuy nhiên, nếu quý bạn tìm thấy điều gì sai sót thì đó hoàn toàn là lỗi chúng tôi.

Chúng tôi cũng không quên cảm ơn tiện nội là kịch tác gia, nhà văn, và đạo diễn Nguyễn thị Minh Ngọc đã thương yêu tạo điều kiện cho chúng tôi sáng tác và xuất bản tác phẩm đã viết.

Chúng tôi hy vọng, trong một tương lai không xa, sẽ có cơ hội ấn hành và ra mắt độc giả *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa XI* đang được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Cố Quốc Tha Hương.” Mời quý bạn đón xem.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày Hạ chí 2024
(20-06-2024)

Mây Trắng và Ráng Đỏ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đã gần sáu giờ chiều nhưng mặt trời còn khá cao, ánh nắng vẫn chói chang, và nhiệt độ ghi trên hộp đèn chữ nổi của ngân hàng bên kia đường nằm trên mức 85°F (khoảng 30°C). Không khí ẩm thấp của mùa hè Hoa Thịnh Đốn khiến da người nhớp nháp như đổ mồ hôi chẳng khác gì cái nóng bức của những buổi trưa hè Sài Gòn. Từ trong khách sạn Marriott, nơi tôi dự hội nghị về điện và ở lại trong chuyến đi thủ đô năm nay, tôi bước ra ngoài, loay hoay chùi mắt kính cận bị hơi ẩm làm mờ đục, dón dác nhìn từng chiếc xe di chuyển, và đợi anh Trực đến đón. Sau khi tan sở ở đài Tiếng Nói Hoa kỳ (VOA), anh sẽ chạy ngang qua, chỉ ngừng lại một khoảnh khắc để “vớt” tôi, và phải chạy đi ngay vì sẽ không thể tìm được chỗ đậu xe.

Anh Trực là anh của Bảo, người bạn thân thiết của tôi thuở học trường kỹ sư. Tôi gặp anh mùa thu 1965, khi từ Ban Mê Thuật về Sài Gòn học. Anh mới đi du học bên Úc về, ban ngày đi học Đại học Văn khoa, ban đêm đi dạy Anh văn, và những buổi tối đi về khuya, sang ngủ nhà người bà con là nơi tôi ở trọ. Nhờ đó hàng đêm tôi có dịp tán gẫu và cãi vã về đủ thứ chuyện trên trời dưới đất với anh. Về mặt tính tình, có lẽ tôi hợp với anh hơn với Bảo vì bạn tôi nghiêm trang như ông cụ non, trong lúc tôi thích đùa giỡn và cứng đầu – gần giống anh. Sau năm 1975, anh dời qua Hoa Thịnh Đốn làm việc trong ban Việt ngữ đài VOA. Kỳ này, tôi gọi điện thoại hẹn gặp trước, và mặc dù công việc bề bộn, anh dành buổi tối đưa tôi đi chơi và trò chuyện *bù khú*.



Anh Trực đưa tôi tới khu thương xá Eden, còn gọi là chợ Eden, ở Falls Church thuộc ngoại ô Hoa Thịnh Đốn. Lấy tên của thương xá Eden Sài Gòn và mô phỏng theo kiến trúc chợ Bến Thành Sài Gòn, chợ Eden là trung tâm thương mại và văn hóa của người Việt trong vùng. Hai người bạn anh, một nam một nữ, cả hai đều trạc tuổi tôi, đã tới trước lấy bàn ngồi đợi ở nhà hàng Ninh Hòa. Người đàn bà là nhà văn Nguyễn thị Hoài Bích duyên dáng và trẻ trung với kiểu tóc đuôi ngựa cột cao và chiếc áo *pullover* ngắn tay hở cổ. Người đàn ông có nét mặt tươi cười và cặp kính cận mắt tròn là Thoại ngày trước học Đại học Văn khoa Sài Gòn. Anh nổi tiếng xông xáo và cuối năm 1967, khi ra ứng cử phó chủ tịch ban Đại diện Sinh viên, bị một tổ ám sát Việt Cộng bắn lủng ruột trên sân khấu trong buổi văn nghệ do Trịnh Công Sơn và Khánh Ly trình diễn. Anh Trực cười chỉ tay giới thiệu Thoại bằng câu thơ nhái theo thơ Bút Tre,

*Hoan hô đồng chí Lê Vương,
Thoại ta bị bắn tại trường Văn khoa.*

Bút Tre làm thơ theo kiểu dân gian ở miền Bắc trước năm 1975; thơ ông gồm những câu thơ ngắn gọn và không câu thúc quy luật chữ nghĩa, nhưng dễ nhớ như,

Vào thăm lăng Bác âm u,

Các chị bộ đội ngã mu ra chào. [mu = mũ]

Hoài Bích tiếp lời anh Trực nói với tôi,

“Hồi đó *tui* học Văn khoa với Thoại. *Hắn* cởi mở, nhún nhường, và mê đàn đúm đấu láo với bạn bè. Từ ngày *tui* quen *hắn* ở Văn khoa đến thời gian tỵ nạn ở xứ Mỹ, *khi mô* *hắn* cũng dễ thương như *rứa*.”

“Năm trước anh Thoại bị bắn thì năm sau đến lượt anh Hồng học Triết Đông, chủ tịch ban Đại diện Sinh viên Văn khoa, bị bắn. Hồng hồi đó *trồng cây si* cô bạn tôi, bây giờ hai người lấy nhau đã có bốn đứa con,” tôi nhắc chuyện xưa để nhận người quen.

“Vào thời điểm đó, khủng bố Việt Cộng gia tăng nỗ lực ám sát các nhân vật quốc gia,” anh Trực xen vào, “Cú làm ăn lớn nhất của chúng là sát hại ông XxxxBằng, viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chánh (‘HVQGHC’), khi biết tin ông sắp được bổ nhiệm làm thủ tướng chính phủ. Sợ cải cách ông sẽ thực hiện đem lại bất lợi cho chúng.”

Tháng Mười Một năm 1971, hai tên Việt Cộng thuộc toán ám sát T4 đèo nhau trên xe Honda và ném cái cặp da chứa bốn kí chất nổ C4 kết với ba quả lựu đạn xuống gầm xe ông Bằng khi xe ngừng đèn đỏ ở ngã tư Cao Thắng - Phan Thanh Giản. Xe nổ tung và bốc cháy; ông Bằng, tài xế, và nhân viên bảo vệ thiệt mạng. Tên Hùng lái xe Honda là sinh viên Đại học Khoa học Sài Gòn, và Châu ngồi sau là Việt Cộng nằm vùng dưới lốt trung úy quân đội Việt nam Cộng hòa (“VNCH”). Vài tháng sau, chính phủ điều tra tóm được cả hai tên và đồng bọn, trong đó kẻ cung cấp lựu đạn là Thái cựu sinh viên Đại học Kiến trúc từng được bầu làm chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn và đang nằm vùng dưới lốt trung úy chiến tranh chính trị VNCH. Cả bọn bị đưa ra tòa xử có luật sư biện hộ, nhưng cảnh sát trưng chứng cứ vững chắc nên chúng bị tuyên án tù từ 20 năm đến chung thân.

Anh Trực đưa tay đẩy nhẹ cặp kính cận mắt kính dày cộm,

“Lúc ấy ông Bằng mới 42 tuổi, trẻ hơn tôi bây giờ. Ông mất, để lại vợ và ba con nhỏ. Hai đứa con lớn là cặp trai gái sinh đôi lên sáu, cậu con út lên bốn. Bà vợ kém ông 11 tuổi tên Vân Hà – chữ Hán nghĩa là mây trắng và ráng đỏ.”

“*Ai chớ* chị Vân Hà thì thân với em lắm,” Hoài Bích thân mật vịn tay anh Trực, “*Chừ* chị lập gia đình lại, lấy tên Jackie Bằng-Wrigley, và hết lòng giúp đỡ dân tỵ nạn người Việt ở vùng *ni*. Thịnh thoảng em cũng góp sức với chị và đi thông dịch cho người đồng hương.”

* * *

Vân Hà, con thứ chín và con gái nhỏ nhất trong một gia đình mười người con, sống những năm đầu đời trong nhung lụa ở đồn điền cao su khổng lồ do công ty Pháp *Les Terres Rouges* (“Xứ đất đỏ”) làm chủ ở tỉnh Kampong Cham, Cam Bốt. Cha mẹ nàng người Gò Công, nhưng cha nàng sang Cam Bốt làm việc, lên đến chức phụ tá quản đốc đồn điền, cai quản trên 4,000 người, và được chính quyền thuộc địa rất trọng vọng. Gia đình sống trong dinh cơ rộng lớn, mỗi đứa con

có một bà vú riêng, trong nhà có cả một đội tài xế và bồi bếp giúp việc, và mỹ phẩm của phụ nữ, đồ chơi trẻ em, áo quần, và đồ gia dụng đều đặt mua từ Pháp gửi sang.

Mùa hè 1940, năm Vân Hà ra đời, Đệ nhị Thế chiến xảy ra, quân đội Nhật chiếm đóng Đông dương bên cạnh chính quyền đô hộ. Tháng Ba năm 1945, Nhật đánh úp Pháp, và bộ máy cai trị của chế độ cũ sụp đổ. Ở Kampong Cham, Nhật bắt giam viên quản đốc đồn điền người Pháp và chỉ định cha Vân Hà lên thay thế. Đến mùa thu, Nhật đầu hàng, quân đội giải giới và rút về nước. Pháp trở lại cầm quyền, thả viên quản đốc cũ ra, và đuổi việc cha Vân Hà và trục xuất ông ra khỏi Cam Bốt.

Gia đình Vân Hà về Sài Gòn sinh sống, tuy có sa sút hơn thời Kampong Cham, nhưng vẫn còn khá giả. Vân Hà học tiểu học và trung học đệ nhất cấp ở trường nữ Marie Curie và được gọi bằng tên Pháp Jacqueline. Sau khi đậu *brevet* (bằng Trung học Đệ nhất cấp Pháp), nàng lên Đà Lạt học nội trú trường dòng *Le Couvent des Oiseaux* (“Ngôi tu viện của loài chim”) hay *Les Oiseaux*, dân Đà Lạt gọi gọn là “trường cu-văng.” Trong ba năm học dưới sự dạy dỗ của các *mère* (“mẹ” tiếng Pháp dùng để gọi các nữ tu), cô con gái nhỏ nhất trong gia đình phát triển khả năng chỉ huy và dung hợp với bạn bè. Cha nàng qua đời trong thời gian này.

Sau khi đậu Tú tài Pháp, Vân Hà sang Âu châu du học, học văn chương tại Đại học Sorbonne ở Paris, Đại học Bordeaux ở Bordeaux, và chi nhánh của một đại học Pháp ở Luân Đôn, Anh quốc. Đầu năm 1963, trong đám cưới một người bạn ở Paris, nàng gặp Bằng. *Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ* (có duyên nợ thì dù xa ngàn dặm cũng gặp nhau), hai người có cảm tình sâu đậm từ phút đầu tiên và khiêu vũ với nhau suốt buổi tối. Sau vài ngày hẹn hò, họ chia tay; Bằng về nước phục vụ, và Vân Hà trở lại Luân Đôn học tập.

Bằng sinh năm 1929 ở Gò Công và thuở bé ở với ông bà nội vì cha mẹ ly dị năm ông lên ba. Học giỏi nhưng nhà nghèo, từ năm 12 tuổi, ông làm đủ thứ việc vặt như sửa xe đạp, quét trường, và phụ đánh máy để kiếm tiền. Sau mấy năm làm việc, ông gom đủ tiền mua vé tàu thủy hạng ba đi Pháp để thực hiện giấc mơ du học. Ở Paris, ông làm nhiều nghề khác nhau như hầu bàn, khuôn vác, và giặt ủi để có tiền đi học. Sau khi đỗ Tú tài, ông vào Đại học Sorbonne học luật và chính trị học, đậu một lúc hai bằng tiến sĩ, một về luật và một về chính trị học, và được cấp danh hiệu thạc sĩ công pháp quốc tế.

Về nước, Bằng được bổ nhiệm dạy luật hiến pháp và chính trị học tại Đại học Luật khoa Sài Gòn và HVQGHC. Ông đến thăm mẹ Vân Hà thường xuyên, hàng tuần viết thư cho nàng, và cuối cùng, sáu tháng sau đêm gặp gỡ của hai người, chính thức cầu hôn. Mùa hè 1963, xa quê hương gần ba năm, nàng vâng lời mẹ về Sài Gòn sửa soạn lấy chồng và dự tính hoàn tất học trình tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Đám cưới cử hành đầu năm sau, ông giáo sư đại học và bây giờ viện trưởng HVQGHC nghèo nên chỉ đi cưới một chiếc nhẫn vàng. Nhưng mẹ nàng đã dành sẵn bộ hoa tai – theo tục lệ cổ truyền tượng trưng cho “hoa con gái” – kim cương quý giá cho con gái cưng mang về nhà chồng.

Hưởng hạnh phúc được vồn vẹn có bảy năm, Bằng bị ám sát. Trước cái chết bi thảm của chồng, Vân Hà gục ngã. Người đàn bà 31 tuổi nằm bẹp trên giường, khóc sưng húp mắt, mất ngủ, và

bỏ ăn. Nhưng rồi nghĩ tới các con và được hình ảnh người chồng đầy ý chí và kiên trì khích lệ, nàng bật dậy, tự nhủ mình phải can đảm và mạnh mẽ để lo cho con. Nàng nhận lời làm giám đốc văn hoá cho hội Việt Mỹ với nhiệm vụ tổ chức và điều hành các buổi thuyết trình, hội nghị, hòa nhạc, và triển lãm, và mở các lớp dạy nghề. Ngoài việc làm chính thức, người quả phụ trẻ cố gắng hỗ trợ các quả phụ chồng tử trận và các bà mẹ nghèo đông con gặp khó khăn trong cuộc sống hàng ngày.

Với nỗ lực phi thường, Vân Hà và các bạn cổ động chương trình kế hoạch hóa gia đình và vận động bộ Y tế đệ trình sang Quốc hội đạo luật cho phép phụ nữ dùng thuốc ngừa thai và các phương pháp ngừa thụ thai an toàn khác và do đó có quyền lựa chọn nếu, và lúc nào, muốn mang thai. Vân Hà bị nêu danh chỉ trích nặng nề, nhưng được bà mẹ – người đàn bà mang nặng đẻ đau và nuôi dưỡng mười người con – tán đồng và khuyến khích. Luật mới được thông qua và thi hành; dân miền Nam bắt đầu làm quen với thuốc viên Lyndiol và vòng xoắn ngừa thai. Đây là một điểm son của Đệ nhị Cộng hòa: Lần thứ hai trong lịch sử, người phụ nữ Việt nam được giải phóng khỏi ràng buộc vô lý của nền luân lý cổ hủ. Lần thứ nhất, luật cấm đa thê ban hành dưới thời Đệ nhất Cộng hòa.

Di tản sang Hoa kỳ năm 1975, một tay cắp ba đứa con dại, Vân Hà bắt đầu lại từ đầu. Nhưng bước đầu của nàng dễ dàng và suôn sẻ hơn hầu hết những người tỵ nạn khác cả trăm lần, nhờ những người Mỹ giàu có quyền thế quen thân hồi Sài gòn tận tình giúp đỡ. Thí dụ, cựu Đại sứ Hoa kỳ tại Việt nam Elliott Banker đã *give away* (“đưa dâu,” nghi thức khoác tay cô dâu đưa tới cho chú rể trong lễ cưới) khi nàng thành hôn với Larry Wrigley, một nhà ngoại giao từng phục vụ tại Việt nam. Sau khi lập gia đình, nàng lấy tên chính thức Jackie Bang-Wrigley; “Jackie” là tên tắt của Jaqueline.

Khi làn sóng người Việt vượt biên đến Hoa kỳ lên cao, Jackie và các bạn vận động Quốc hội Hoa kỳ chấp thuận ngân sách giúp người tỵ nạn định cư. Nàng thành lập tổ chức Dịch vụ Xã hội cho Người Tỵ nạn Đông dương để tìm nhà tạm trú, tổ chức lớp dạy nghề, tìm việc, thông dịch, v.v. cho người mới tới. Sau khi thấy mình đã ít nhiều chu toàn nghĩa vụ xã hội, nàng trở lại đại học, học lấy bằng Cao học về bang giao quốc tế tại Đại học Georgetown ở Hoa Thịnh Đốn.

Cuộc đời cô tiểu thư “*Mây Trắng và Ráng Đỏ*” tựa như chuyện cổ tích. Với lòng nhân ái và niềm tin vào luật nhân quả, nàng được “quới nhưn” giúp vượt qua nghịch cảnh và cuối cùng sống hạnh phúc với người chồng đùm bọc yêu thương.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 22 tháng Ba, 2023

Một Đời Lật Lọng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Anh Trực đưa tôi đi ăn tối ở nhà hàng Ninh Hòa trong khu thương xá Eden ở Falls Church thuộc vùng Hoa Thịnh Đốn. Thấy thực đơn nhà hàng đầy món ăn đặc biệt Nha Trang - Ninh Hòa như nem cuốn, bún lá cá dầm, và bánh căn, tôi nhớ ra xưa nay anh là người tinh tế: đến đây cho tôi có dịp thưởng thức các món ăn Nha Trang. Ngày mới gặp anh ở Sài Gòn, mùa thu 1965, tôi hay kể với anh về thành phố dừa xanh cát trắng hiền hòa ấy – quê nhà thứ hai của tôi. Tôi cũng hiểu ra lý do chính anh mời cô bạn văn sĩ Nguyễn thị Hoài Bích đến khi anh cười chúm chím, “Cô này cùng quê Quảng Bình với cậu. Hai người tha hồ *tâm sự loài chim biển*, cùng nhau hát về *thôn xưa ta hát khúc hoan ca*. Sướng nhé!”

Tôi đã đọc một số bài viết của Hoài Bích và biết chị có tiếng viết “bạo,” theo khuynh hướng của một số nhà tranh đấu nữ quyền Hoa kỳ gần đây, nói huých tẹt ra khi viết về bộ phận sinh dục nam nữ, và mạnh dạn dùng những chữ thường bị cho là tục tĩu. Với nụ cười tươi tắn, chị bàn chuyện văn nghệ với tôi,

“Anh Trực đưa cho *tui* coi bài viết của anh trên báo *Xxxx Việt* trong đó anh nhắc câu về bình dân của Quảng Bình mình,

*Vân Tiên ngồi dựa bụi môn,
Chờ khi trăng lặn bốp . . . mồm Nguyệt Nga.
Nguyệt Nga sướng quá không la,
Vân Tiên thấy dễ bốp ba bốn lần.”*

“Dạ mà sao chị?” tôi không hiểu ý chị.

“Hồi nhỏ *tui* cũng nghe hát bài *nớ* nhiều lần. Nhưng khác anh một chữ: không phải ‘bốp mồm’!”

Ngồi cạnh Hoài Bích và đối diện với tôi là Thoại, anh sinh viên Văn khoa cùng tuổi học cùng thời với tôi bị đặc công Việt Cộng (“VC”) bắn lủng bụng tại trường cuối năm 1967. Anh đang chủ trương bán nguyệt san *Diễn đàn Tự do* ở Hoa Thịnh Đốn. Với nụ cười dễ dãi, anh nửa đùa nửa thực nói với Hoài Bích,

“Tôi biết chị chủ trương xổ toẹt, nói trắng ra tên bộ phận kín của thân thể. Tôi chỉ đồng ý với chị về điểm này nếu nó áp dụng cho cái tên ‘*Asshole*’ anh Trực gọi thẳng Đinh văn Thoại, tác giả cuốn *The Vietnamese Archipelago* (Ngục tù Việt nam) mình thảo luận tuần trước.”

“*Asshole*” là hậu môn hay lỗ đ... , nhưng cũng dùng chỉ kẻ ngu xuẩn, bất tài, hay đáng ghê tởm. Tôi không hiểu câu nói của Thoại nên ngơ ngác nhìn anh Trực. Nhà biên tập viên phụ trách mục điểm sách hàng tuần của đài Tiếng Nói Hoa kỳ (VOA) giải thích,

“Thoại đó là tù nhân Việt Cộng, được chúng nó thả ra và cho sang Pháp sinh sống, và năm 1979 viết cuốn sách *L’Archipel Vietnamien* bằng tiếng Pháp huênh hoang là ‘ký sự kinh hoàng của người đã từng ủng hộ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam, sống sót khi đất nước suy vi thành chế độ chuyên chế độc tài.’ Năm ngoái kiếm được tay viết mướn nổi tiếng Darryl Charnot của Mỹ chuyển sang tiếng Anh. Tôi viết bài điểm sách đọc trên đài VOA và sau

đó đàm luận với bạn bè thì ai nấy đều đồng ý anh ta đúng là cái *asshole*. Để phân biệt với ông bạn Thoại quý mến, Hoài Bích nhất định gọi tên bịp bợm là thằng ‘Lố Đ...,’ nhưng tôi đổi thành ‘Hậu’ nghe cho nó lịch sự.”

Hậu viết sách tự sánh mình với nhà văn và nhà bất đồng chính kiến người Nga Aleksandr Solzhenitsyn, tác giả bộ sách *The Gulag Archipelago* (Ngục tù Nga sô) gồm ba tập trình bày thực trạng tàn tệ của “Gulag,” hệ thống lao tù Nga sô gồm những trại lao động khổ sai. Solzhenitsyn được giải Nobel văn chương năm 1970, bị tước bỏ quốc tịch Nga sô và bắt phải ly hương, và sang tây phương sống ở Tây Đức rồi Hoa kỳ một thời gian dài. Anh Trực bực tức nói tiếp,

“*Hậu* ta than vãn bị khổ sở trong 28 tháng tù, nhưng lại thừa cơ ca ngợi Hồ Chí Minh và Cộng sản và khoác lác khoe khoang thành tích chống đối Việt nam Cộng hòa (‘VNCH’) bằng những chi tiết bịa đặt mà bất cứ ai từng là sinh viên miền Nam đều biết là *xạo ke*.”

“Tôi *sùng* nhất là nó làm bộ ngây thơ *cụ* cho rằng Việt Cộng định bắt tôi nhưng bắt làm nó vì cùng tên ‘Thoại.’ Thật *bullshit!*” Thoại giận phùng phùng.

* * *

Hậu sinh năm 1945 và học trung học ở Vĩnh Long và sau khi đậu Tú tài II, lên Sài gòn học. Ban đầu ghi danh học Đại học Dược khoa, nhưng ngay từ lục cá nguyệt đầu tiên, anh đã biết mình học không nổi: Vốn liếng Pháp ngữ của anh kém, trong lúc tên thuốc và tài liệu dược phẩm đều bằng tiếng Pháp, và giáo sư cho bài thi khó. Anh chuyển sang học Đại học Luật khoa. Ở trường Luật, anh được bầu vào ban Đại diện Sinh viên và sau đó được bầu làm phó chủ tịch ngoại vụ của Tổng hội Sinh viên Sài gòn (gồm đại diện 14 phân khoa đại học) niên khóa 1969-1970.

Trong phần sau của thập niên 1960, những biến động chính trị ở miền Nam khiến dân chúng hoang mang và trông cậy vào sinh viên, thành phần trí thức ưu tú của quốc gia, đứng ra nói lên tiếng nói của mình. Với truyền thống đại học tự trị, sinh viên mạnh dạn biểu tình chống đối khi chính phủ thực hiện điều gì không đúng với nguyện vọng dân chúng. Trong niên khóa *Hậu* làm “lãnh tụ sinh viên,” báo chí ngoại quốc chỉ trích kịch liệt vụ Tổng thống Thiệu “độc diễn,” liên danh của ông là ứng cử viên duy nhất. Dĩ nhiên, anh và rất nhiều sinh viên Sài gòn khác – trong đó có tôi và các bạn – “xuống đường” phản đối. Trong môi trường tự do dân chủ ở miền Nam, đó là chuyện thường tình. Nhưng anh để ra gần 1/3 cuốn *The Vietnamese Archipelago* để phét lác vẽ vời thành tích đả phá chính phủ VNCH và ủng hộ “Mặt trận [Giải phóng Miền Nam].”

Đầu tháng Giêng năm 1971, trong khi cuộc hòa đàm diễn ra tại Paris, *Hậu* được chính phủ VNCH cử vào một trong những phái đoàn sinh viên gửi ra nước ngoài để “giải độc,” phản tuyên truyền các nỗ lực của Cộng sản bằng cách trình bày với sinh viên ngoại quốc cuộc chiến đấu anh dũng có chính nghĩa của quân dân miền Nam. Anh được gửi sang California ở Hoa kỳ để nói chuyện với sinh viên Đại học California - Berkeley và Đại học Stanford. Thế mà trong sách, anh lớn lối vỗ ngực, “Theo lời mời của các tổ chức nhân quyền, tôi đã làm một cuộc du hành đến California để thuyết trình về các hoạt động phản chiến.” Quên bém đi mất hai điều tối quan trọng: Lúc đó anh 25 tuổi, trong lứa tuổi động viên, luật tổng động viên VNCH sẽ không cho phép anh xuất ngoại tùy hỉ. Và với vốn tiếng Anh *ăn đong*, làm sao anh đủ khả năng “thuyết trình”?

Sau chuyến đi “giải độc” thành công trở về, *Hậu* cưới Yvonne con nhạc sĩ Võ Thu; ông là nhạc sĩ dương cầm và nhạc trưởng kỳ cựu của đài phát thanh Pháp Á ngày xưa. Anh được Nam Đô Ngân hàng nhận làm việc và cử làm giám đốc chi nhánh ngân hàng ở Biên Hòa, Phan Rang, và Quy Nhơn cho đến tháng Tư năm 1975. Trong bốn năm đó, anh được hoãn dịch vì lý do gia cảnh vì là con trai độc nhất trong gia đình có cha mẹ già trên 60 tuổi, và Yvonne sinh năm một ba cậu con trai.

Tháng Sáu năm 1975, sau ngày Sài Gòn thất thủ hơn một tháng, *Hậu* bị VC bắt giam ở trại giam trên đường Trần Hưng Đạo, tuy một mực cho rằng “cách mạng” bắt lầm người. Trong 28 ngày bị giam ở đây, theo lời anh, anh bị biệt giam trong xà lim, tay trái bị xiềng vào chân phải và tay phải xiềng vào chân trái, cho ăn cơm trộn cát, và đưa đi “làm việc” (lấy cung) để tự kiểm điểm và tự thú. Tuy nhiên, anh không nói làm sao anh xoay sở được ra ngoài xà lim giúp tên bộ đội canh tù làm hồ sơ tù nhân, nhờ tên này liên lạc với gia đình, và được tiếp tế 30 ngàn đồng. Anh hối lộ cho tên bộ đội một nửa và giữ lại một nửa. Rồi chuyển sang trại giam trên đường Lê Văn Duyệt giam chung với nhiều tù nhân khác, trong số đó có nhà văn Duy Ân nổi tiếng.

Kể chuyện đến đây, anh *Trực* cười ha hả,

“Thực ra, tôi gọi *Hậu* ‘Asshole’ vì anh ta phịa chuyện dùng hậu môn để giấu giếm đồ cấm. Chẳng hạn như 15 ngàn đồng còn lại, chàng khoe đã ‘cuộn tròn và dấu sâu trong hậu môn’ trước khi bị giải sang trại Lê Văn Duyệt. Vì cai tù Việt Cộng khám xét rất kỹ; nếu mà chúng tìm thấy, không những tịch thu và còn hành hạ cho đời *te tua!*”

“Đúng là tay nói láo *dàng trời*,” tôi cười góp, “Ờ bạc Việt nam Cộng hòa có mệnh giá lớn nhất một ngàn đồng, *Hậu* có ít nhất là 15 tờ giấy bạc. Đít voi e rằng nhét chưa vừa!”

* * *

Ở trại Lê Văn Duyệt, lúc đầu *Hậu* được cho làm việc ở phòng Y tế, hưởng quy chế ăn uống và tắm giặt thoải mái của phòng Y tế, và có vẻ là cán bộ bị phạt vì phạm kỷ luật hơn là tù nhân chính trị. Cuối năm 1976, vì một liên hệ lèm nhèm nào đó, anh bị tống vào phòng giam chung. Anh luôn luôn tử tế và kính nể bạn tù, tỏ ra bất mãn đối với VC, và đêm nằm hậm hực nói nhỏ với Duy Ân,

“Ngày nào thành công, tôi sẽ sản xuất một loạt cầu tiêu hình đầu Hồ Chí Minh. Cái miệng lão là chỗ phân rơi xuống!”

Ngoài miệng thì *Hậu* đã lật mặt, oán ghét và phỉ báng “cách mạng,” nhưng đầu năm 1977, Yvonne có quốc tịch Pháp được phép đưa ba cậu con trai sang Pháp với gia đình. Năm sau, anh được thả và cho phép xuất ngoại sang Pháp đoàn tụ với vợ con, chắc hẳn mang một sứ mạng nào đó do VC giao phó. Một lần nữa, *Hậu* khoe khoét cứ như thực,

Tháng Năm năm 1978, tôi đi xe buýt ra phi trường đi Pháp bằng chuyến bay Air France năm giờ chiều. Ngoài áo quần lót, cuốn album hình gia đình, một đôi vợ, và chiếc vợt tennis, tôi mang theo cái ống tròn trước dùng đựng thuốc aspirin gói trong giấy ni-lông và đút sâu vào trong hậu môn. Cuộn tròn trong ống là tờ bạc 100 đô la và mấy tờ giấy ghi bản "Tuyên ngôn Nhân quyền cho Việt nam" đã được những nhà trí thức ở tù với tôi soạn thảo và ký tên.

Sau khi ra tù vượt biên sang Paris và được *Hậu* mời đi ăn tối, Duy Ân mắng anh về “bản tuyên ngôn,”

“Ở đề lao Lê văn Duyệt, giấy và bút bị nghiêm cấm, và công an kiểm tra hành lý tù thường xuyên, cậu đào đâu ra giấy bút mà chép tuyên ngôn? Rồi tù nhân bị nhốt kỹ 24 trên 24, cậu liên lạc với ai mà xin được hàng trăm chữ ký?”

“Tôi kể đại ông ơi,” *Hậu* cười cầu tài, “Kể chuyện tù cho nhà văn và ký giả Võ thị Huyền Trân rồi *bả* thông dịch lại cho thằng ký giả Tây. Nó giỏi thiệt, viết sách hay hơn tôi kể nhiều!”

Cuốn *L’Archipel Vietnamien* xuất bản, chỉ một sớm một chiều *Hậu* thành anh hùng cứu tinh của những nhóm phản chiến và thân Cộng trước đây, đang vỡ mộng và vỡ mặt vì VC quá độc tài và tàn ác khiến cả triệu người Việt liều chết *vượt biên* ra khỏi nước. Họ vội vàng xúm lại tung hô anh hết mình. Gia đình anh được bảo trợ sang Hoa kỳ định cư. Anh “vận động dân chủ” bằng cách xào nấu lại các trang sách thành dăm ba bài báo gửi đăng trên *The New York Times*, *The Wall Street Journal*, v.v. và bài “Thốn Thức cho Việt Nam,”

Tôi nhận lãnh trách nhiệm về những thảm kịch xảy ra cho đồng bào tôi. Và nay tôi chỉ còn cách đóng vai nhân chứng cho sự thật này hầu các người từng ủng hộ Việt Cộng trước kia có thể cùng chia xẻ trách nhiệm với tôi.

Nhưng dần dần *Hậu* để lộ đuôi cáo. Anh đề nghị trường đại học Mỹ cấp bằng tiến sĩ danh dự cho Tổng Bí thư Đỗ Mười của đảng Cộng sản Hà nội và Thủ tướng Hun Sen của Cam Bốt, hai người có tiếng ít học. Đề nghị Hoa Kỳ trả năm ngàn đô la cho mỗi H.O. để họ ở lại Việt nam, thay vì qua Mỹ định cư, cho rằng họ sẽ là gánh nặng cho xã hội Hoa kỳ vì không có nghề chuyên môn và sức khoẻ kém. Và nhất là anh ra công vận động Hoa kỳ bình thường hóa ngoại giao với VC, điều hầu hết người Việt tỵ nạn chống đối.

Trong cộng đồng tỵ nạn ở Bắc Mỹ, có một nhóm bí mật mệnh danh Việt nam Diệt Cộng Hưng quốc đảng. Họ gửi thông cáo lên báo Việt ngữ vạch tội hoạt động cho VC của *Hậu*, cảnh cáo, và đòi anh phải chấm dứt, nhưng anh để ngoài tai. Một buổi sáng mùa hè 1989, anh bị bắn ba phát trước nhà ở Fresno thuộc tiểu bang California, bể hàm trên và lủng ruột, nhưng thoát chết.

Từ đó *Hậu* biết thân, sống im lặng, và về Việt nam làm ăn đến khi qua đời năm 2017 ở Fresno. Chấm dứt *một đời lật lọng!*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 12 tháng Tư, 2023

Dư Âm Cuộc Chiến

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong nhà hàng Ninh Hòa, bốn người chúng tôi ngồi hai bên chiếc bàn hình chữ nhật. Trong khi tôi nghe chuyện nhiều hơn nói, ba người kia là Thoại, người chủ trương bán nguyệt san *Diễn đàn Tự do*; nhà văn Nguyễn thị Hoài Bích; và anh Trực chuyện trò rộn rã. Khi ông chủ nhà hàng nói giọng Nha Trang trong và cao đưa ra chai rượu vang đỏ Cabernet Sauvignon thứ hai, tôi bắt đầu thấy bụng óc ách vì đã nốc liền tù tì mấy lon Coca-Cola cho bớt đói. Tôi không uống rượu và lại “xấu máu đói”; đã gần bảy giờ tối, quá giờ ăn của tôi. Có lẽ anh Trực cũng biết thế, vì thỉnh thoảng anh đưa tay nhìn đồng hồ. Anh đang chờ một người bạn nào đó, nhưng không nói ra để dành ngạc nhiên cho tôi.

Quả nhiên, khoảng sau bảy giờ, một người đàn ông to lớn mập mạp đẩy cửa bước vào. Mặc dù chiều hè Hoa Thịnh Đốn nóng và ẩm, anh mặc bộ *com-lê* chạt ních, đầy đủ ba mảnh với áo *gi-lê* bên trong. Chưa kịp ngồi vào bàn anh đã cười ha hả đưa tay cho tôi bắt và nói oang oang,

“Mười mấy năm nay mới gặp lại cậu, nhưng tôi thấy cái bản mặt cậu vẫn ốm đói như ngày xưa. Ở trên xứ khí ho cò gáy North Dakota chắc thiếu bơ sữa ‘đế quốc’?”

“Nhìn thân hình núng na núng nính của anh, người ta biết ngay lý do tại sao,” gặp anh bất ngờ, tôi ngạc nhiên, nhưng lấy lại bình tĩnh cười hăng hắc và lắc lắc tay anh.

Người mới đến không phải ai xa lạ: anh Khanh, một trong mấy giáo sư đàn anh đã chỉ đường dẫn lối cho tôi trong những năm sinh viên tập tễnh đi dạy trường trung học tư. Đạo đó, anh học cao học Văn khoa ban Sử Địa, dạy học và viết báo, và nổi tiếng về biệt tài tán phét. Anh có thể “thuyết” liên tục hàng tiếng đồng hồ mà không cần dựa trên một đề tài nào cả. Anh chơi thân với anh Trực, hai người hay đùa giỡn chọc ghẹo nhau, và có lần anh Trực cùng tôi làm bài thơ,

*Ngồi buồn lại nhớ Đặng Phi Khanh,
Lúng lẳng bao năm trái ngọc hành,
Trưa nắng ra Chùa mang sáu chục,
Đêm dài ôm gối suốt năm canh.*

Quán “Cái Chùa,” tức là La Pagode, ở góc đường Lê Thánh Tôn và Tự Do, nơi gặp gỡ của giới ký giả và văn nghệ sĩ Sài gòn. Bài thơ đùa anh Khanh ra “Chùa” lúc nào cũng mang đúng 60 đồng, vừa đủ để trả tiền ly trà đá, và thích. . . *bắt bò lạc* là những cô sến quê mùa. Anh Trực cười tùm tùm “giới thiệu” anh Khanh với tôi,

“Khanh là tay nói láo và bịp giỏi nhất khu Eden này. Văn phòng luật sư của cậu ta độc quyền ở đây, chuyên trị mấy vụ ly dị lằng nhằng của dân tỵ nạn.”

Biết mình ở gần mà đến trễ, anh Khanh nghiêm mặt làm ra vẻ quan trọng biện bạch,

“Chiều nay tôi phải tiếp hai nhân viên FBI nên đóng cửa văn phòng trễ. Họ đến vấn kế tôi về vụ đêm hôm kia Phan văn Tiệp chủ tạp chí *Mai* chuyên đăng bài giải trí bên Garden Grove

thuộc California bị giết. Đang ngủ thì có người đổ xăng phóng hỏa đốt nhà, anh ta la hét kêu cứu om sòm trước khi chết ngạt vì khói.” FBI là cục Điều tra Liên bang Hoa kỳ.

“Sáng nay, FBI cũng đến tòa soạn *Diễn đàn Tự do* phỏng vấn tôi,” Thoại gật đầu, “Ai cũng biết vụ này do Việt nam Diệt Cộng Hưng quốc đảng (‘VNDCHQĐ’) gây ra, nhưng như bao nhiêu vụ trước, FBI và cảnh sát địa phương ra sức điều tra mà chưa tìm ra manh mối.”

VNDCHQĐ đã gửi thông cáo đến các báo Việt ngữ kể tội Tiệp làm kinh tài cho Việt Cộng (“VC”): hô hào, móc nối, và đăng quảng cáo dịch vụ “chuyển tiền” và “gửi hàng” về Việt nam trong kế hoạch quy mô moi túi dân tỵ nạn lấy tiền khuếch trương các cơ sở kinh tài của chúng ở Bắc Mỹ. Tiền đô la không bao giờ rời khỏi Hoa kỳ, và các thùng đồ “A,” “B,” và “C” không bao giờ xê dịch khỏi chỗ trưng bày trong tiệm. Ở bên nhà, chúng phát tiền Hồ Chí Minh và thùng đồ cũ soạn sẵn cho người nhận. VNDCHQĐ cảnh cáo đòi Tiệp phải chấm dứt, nhưng để gì mà ông bỏ qua món lợi béo bở ấy. Sau khi ông bị giết, họ ra thông cáo nhận trách nhiệm về hành động này.

* * *

VNDCHQĐ xuất hiện lần đầu ở Bắc Mỹ trước đó sáu năm. Tháng Sáu năm 1981, họ phóng hỏa đốt cơ sở một công ty làm ăn với VC và “gửi hàng” về Việt nam. Không tới một tháng sau, họ bắn “tên Việt gian” Dư Trọng Lang trước căn *apartment* của anh ở San Francisco; phát đạn xuyên qua động mạch ngay trên trái tim khiến anh chết tại chỗ.

Lang sinh năm 1953 là con của một sĩ quan cao cấp Việt nam Cộng hòa (“VNCH”). Anh sang Hoa kỳ du học tại đại học tư Oberlin College ở Oberlin thuộc Ohio và trong thời gian đi học, theo phe phản chiến Mỹ thân Cộng và tham gia biểu tình chống VNCH. Tốt nghiệp, anh về San Francisco làm cán sự xã hội tại trung tâm Định cư Người Tỵ nạn Đông dương, thực hiện báo *Cái Đình Làng* với chủ trương “vũ trang tư tưởng để khởi động chống mọi áp bức,” đăng lại các bài báo *Nhân dân* của Hà nội, và ủng hộ chính sách tàn ác của VC ở miền Nam. Anh và đồng bọn đem *Cái Đình Làng* và báo *Thái bình* của hội Người Việt Đoàn kết (tên chung của những nhóm thân Cộng ở ngoại quốc) tại Mỹ phân phát vào hộp thư trước nhà người Việt tại địa phương và gửi bưu điện đến người Việt ở những nơi khác.

Nhưng Lang chỉ là Cộng con tép riu, Cộng gộc *sếp sòng* Ngô văn Lý (và vợ Phan thị Liệu) vẫn nhởn nhơ làm chủ nhà hàng ở San Francisco. Gần ba năm sau, một buổi tối tháng Năm năm 1984, vợ chồng ông đi về đến nhà, vừa xuống xe thì một thanh niên nấp sau gốc cây bước ra chĩa súng bắn bốn phát. Bà vợ chết tại chỗ, và ông bị thương ở bụng, nhưng thoát chết.

Lý sinh năm 1912 tại Hải Phòng trong một gia đình nghèo mạt rệp, năm 17 tuổi rời quê nhà đi làm *cu-li* trên thương thuyền Pháp. Ông gia nhập đảng Cộng sản Pháp, học đọc và viết tiếng Việt và tiếng Pháp ở Paris, và nhập cư vào Hoa kỳ rồi học và làm nghề đầu bếp nhà hàng. Trở thành công dân Mỹ, ông cực lực hoạt động chống chính phủ VNCH dưới dù che của các nhóm phản chiến Hoa kỳ. Trong cuộc biểu tình phản chiến quy mô trước Đài Kỷ niệm Lincoln ở Hoa Thịnh Đốn tháng Mười năm 1967, ông được cho lên diễn đàn phát biểu. Nhưng sau ba phút đầu tiên của bài diễn văn, chân tướng Cộng sản của ông lộ ra quá rõ ràng khiến ban tổ chức hoảng hồn cúp máy vi âm.

Lý là chủ tịch lâu năm của hội Người Việt Đoàn kết tại Mỹ, ấn hành nguyệt san *Thái bình*, và theo dõi chặt chẽ lai lịch và địa chỉ các du học sinh VNCH. Ngay sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, những sinh viên này nhận được điện tín, "*Nhà bình yên. Anh [Chị/Em/Con] yên tâm học tập.*" Nhiều người, trong đó có vài người bạn tôi, bị mắc lừa và trở nên thân Cộng vì *tuyệt chiêu* của ông. Riêng tôi, từ tháng đầu tiên định cư ở North Dakota, hàng tháng nhận được tờ *Thái bình* bốn trang cỡ lớn cho đến hai năm sau, khi báo chí Việt ngữ của dân tỵ nạn có cơ hội phát hành. Báo VC tuyên truyền láo khoét, nhưng trong hai năm trời là tờ báo Việt ngữ duy nhất tôi được đọc ở đất khách quê người. Tìm địa chỉ những người tỵ nạn ở Hoa kỳ khá dễ dàng, chỉ việc hỏi văn phòng giúp tìm thân nhân và đoàn tụ gia đình của hội Hồng thập tự Hoa kỳ sẽ được cung ứng ngay.

* * *

Trong thập niên 1980, có ít nhất 14 vụ trừng phạt của VNDCHQĐ trong các cộng đồng người Việt. Trong số người bị xử tội, có cả một người Mỹ – Edgar Levi Copperhead, giáo sư và trưởng ban vật lý của Đại học Tiểu bang California tại Fullerton. Không tới năm tháng sau khi vợ chồng Lý bị bắn, Copperhead bị bắn chết, nhưng trong bối cảnh khác biệt.

Copperhead sinh năm 1936 và đậu tiến sĩ vật lý nguyên tử tại Đại học Tiểu bang Pennsylvania. Năm 1977, ông thành lập "Ủy ban Hợp tác Khoa học với Việt nam" và từ đó mỗi năm đi Hà nội vài ba lần vì được VC thuê đọc băng từ tính chứa hồ sơ quân bạ của trên một triệu rưỡi quân nhân VNCH. Hàng trăm cuốn băng từ tính bị bỏ lại ở Trung tâm Điện toán bộ Tổng Tham mưu VNCH cùng với hệ thống điện toán IBM 360 mà, dù với sự trợ giúp của Nga sô, VC không sao đọc được. Trước hết vì lý do kỹ thuật. Trong thập niên 1970, kỹ thuật điện toán đang trên đà phát triển, mỗi hãng chế tạo máy điện toán một khác, không máy nào tương tự như máy nào. Ngay cả cùng một hãng mà khác đời, máy điện toán cũng không *compatible* (tương hợp). Do đó, người ngoại cuộc sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi tìm cách sử dụng hệ thống IBM 360 cũ. Lý do thứ hai là các hồ sơ điện toán chứa dữ kiện quan trọng đều được mã hóa và cần biết *password* (ám hiệu) mới có thể mở ra đọc.

Đầu năm 1984, tôi được công ty cử đi dự hội nghị về giải mã điện toán ở Philadelphia thuộc Pennsylvania và có dịp nghe Copperhead thuyết trình phương thức giải mã dùng trong dự án "hợp tác kỹ thuật" với một "quốc gia Á châu." Tôi nhận thấy ông gần đạt tới kết quả, nhưng chưa tới đích vì ông không rành tiếng Việt. Nhân viên điều hành và thảo chương điện toán VNCH chắc hẳn đã đặt *password* tiếng Việt, dùng quy ước Telex ngày trước dùng đánh điện tín do Nguyễn văn Vĩnh (1882 - 1936) nghĩ ra. Ví dụ, nếu muốn lấy *password* "QUỲNH-CHÂU" thì phải ghi: "QUYFNH-CHAAU." Nếu có các dụng cụ điện toán như ông và dùng phương pháp ông nghĩ ra, tôi sẽ tìm ra *password* và đọc các cuộn băng từ tính không mấy khó khăn.

Khám phá này khiến tôi toát mồ hôi hột. Tôi vội vã rời phòng họp, chạy như bay ra phi trường, và thay vì bay về nhà, đổi vé máy bay sang Toronto, Gia Nã Đại để gặp Bảo; bạn tôi chủ trương tạp chí *Xxxx Việt*. Đêm đó, tôi viết bài tường trình khoa học về "dự án Copperhead," và Bảo thêm ý kiến, sửa chữa cho thích hợp với độc giả không chuyên môn, và dàn xếp "chạy" vào số *Xxxx Việt* sớm nhất. Đồng thời, Bảo fax bài viết cho anh Trực ở Hoa Thịnh Đốn để nhờ

chuyển đến mấy tờ báo anh cộng tác ở California. *Fax*, viết tắt của “facsimile,” là gửi hình ảnh qua đường dây điện thoại.

Vài tuần sau, báo chí Orange County đăng tải thông cáo của VNDCHQĐ buộc tội “tên giáo sư Copperhead” bắt lương và vô nhân đạo và cam kết sẽ trừng trị thỏa đáng. Copperhead sợ hãi báo FBI tính mạng mình bị đe dọa, gắn thêm đèn quanh *driveway* (lối xe đi từ ngoài đường vào sát nhà), đổ hạ các bụi cây quanh nhà, khi chiều xuống kéo màn che kín cửa sổ, mỗi ngày di chuyển theo lộ trình và giờ giấc khác nhau, và mua ba khẩu súng và hàng ngày đi tập bắn.

Sáng thứ Bảy gần giữa tháng Mười, người ta tìm thấy xác của Copperhead trong văn phòng ông ở trường đại học. Vết thương chí tử do khẩu súng lục nhỏ cỡ đạn .25 inch, một trong ba khẩu súng của ông. Khẩu súng đó nằm trong tay ông. Một sinh viên rất gần gũi với ông là Lê Văn Mẫn bị bắt. Em khai rằng trong lúc hai người lấy súng đùa giỡn với nhau, khẩu súng cướp cò và đạn lạc khiến ông thiệt mạng, em sợ quá bèn nhét khẩu súng vào tay ông như thể ông đã tự sát.

Lúc đó Mẫn 21 tuổi, em vượt biên sang Hoa kỳ năm năm trước. Ra tòa, luật sư của Mẫn gọi nhân chứng cho biết Copperhead 48 tuổi là *gay* (tình dục đồng giới). Giữ trong văn phòng nhiều tạp chí *gay* và hình ảnh thanh niên *gay* mặc áo khoác da màu đen, ông liên hệ tình dục với Mẫn, cho em tiền, và mua tặng em xe chiếc gắn máy và áo khoác da màu đen giống như của ông. Do đó, luật sư lý luận, em vô tội vì không có *motive* (động cơ) để giết, ông thiệt mạng chỉ vì rủi ro.

Trong phiên tòa xử Mẫn về tội sát nhân lần đầu, bồi thẩm đoàn bị *hung* (“treo” hay lơ lửng) tức là không đạt được kết luận có tội hay không, và công tố viên quyết định đưa ra xử lại. Trong phiên tòa xử lần thứ hai vào tháng Ba năm sau, hai bên công tố và bị cáo đồng ý không xét xử có bồi thẩm đoàn mà để quan tòa quyết định. Quan tòa xử Mẫn phạm tội ngộ sát và tuyên án ba năm tù.

Trước sau không ai đề cập đến mối liên hệ giữa VNDCHQĐ và Mẫn. Đối với tôi, em là người anh hùng chịu hy sinh ba năm của cuộc đời son trẻ để bảo mật cho hơn nửa triệu người lính sa cơ thất thế bị đày đọa trong trại tù “cải tạo.” Cám ơn em, Mẫn ơi!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 26 tháng Tư, 2023

Người Làm Nghề Thân Cộng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong số năm người ngồi quanh chiếc bàn trong nhà hàng Ninh Hòa, tôi là dân tỉnh lẻ North Dakota ăn nói kém cỏi và ít có liên hệ với sinh hoạt văn nghệ và báo chí ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn nhất. Biết thân nên suốt bữa ăn tối, tôi hầu như ngồi *dựa cột mà nghe* và thỉnh thoảng nhe răng cười góp. Nghe hai người bạn thân là anh Trực và anh Khanh đùa bỡn chọc ghẹo nhau, Thoại láu lỉnh nhìn tôi rồi vờ khen anh Khanh,

“Anh Khanh là nhà luật sư thông thái và khiêm nhường nhất trong khu Eden này. Mấy mụ sồn sồn không chông mê *chàng* như điệu đố, giành nhau đứng sấp hàng trước văn phòng luật của *chàng* để van xin tí tình yêu.”

“Hai đức tính thông thái và khiêm nhường không thể nào đi đôi với bọn thầy kiện ăn gian như chớp, nó láo như ranh,” Anh Trực thừa dịp cười hề hề đánh xĩa, “Thoại này, cậu có biết, làm sao biết được khi nào luật sư nói láo?”

“Tôi có phải là loài tương cận với ‘con thầy kiện’ đâu mà biết,” Thoại vờ vĩnh, cố giấu nụ cười.

“Chỉ việc nhìn môi anh ta: Hề môi mấp máy là chàng ta *xạo ke*,” anh Trực tung đòn tối hậu.

Anh Khanh cười khà khà chịu lép vế,

“Các cậu chơi trò ‘hội đồng’ lấy hai đánh một, không đáng mặt quân tử . . . Falls Church tí nào. Này Thoại, thằng Nguyễn Bách Công là bạn của cậu ở trường Văn khoa, phải không?”

“Thằng Công học cùng trường cùng lứa với tôi ở Văn khoa,” Thoại giầy nẩy, “nhưng nói là bạn thì anh *chơi* tôi quá đáng. Thoại này đường đường một kẻ chống Cộng cùng mình.”

“Có phải Công hồi trước qua Mỹ học năm cuối trung học trong chương trình AFS?” tôi nhận ra cái tên quen, “Nếu vậy thì tôi biết Công đó. Anh ta quen với Quỳnh Châu vợ tôi khá thân.”

Giữa thập niên 1960, tổ chức Liên văn hóa AFS (American Field Service) của Hoa kỳ hàng năm chọn bảo trợ một số học sinh học hết đệ nhị (lớp 11) giỏi Anh văn sang Hoa kỳ học lớp 12, sống với một gia đình Mỹ, và học hỏi về nếp sống và văn hóa Mỹ để khi về nước quảng bá với đồng bào mình.

Hồi đó, anh bạn người Mỹ nhân viên đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế đang học tiếng Việt với tôi biểu tôi thi bài trắc nghiệm khả năng Anh ngữ và đưa mẫu đơn AFS cho tôi. Ngoài chi tiết lý lịch và thành tích học hành, đơn đòi phải kèm theo bài *essay* (luận văn) do đương sự viết và ba bức thư giới thiệu bằng tiếng Anh. Tôi không nộp đơn vì thấy nếu không học đệ nhất (lớp 12) ban B (Khoa học Toán), sẽ không đủ năng thi vào trường kỹ sư để trở thành kỹ sư điện như hằng mơ ước. Nhiều nam sinh con nhà giàu Sài gòn xin đi học bổng AFS chỉ cốt được xuất ngoại sang Hoa kỳ và sau đó tìm cách móc nối trốn sang Gia Nã Đại để khỏi về nước bị động viên. Tương tự như hàng ngàn thanh niên Mỹ trốn sang Gia Nã Đại để tránh né lệnh gọi động viên của chính phủ Hoa kỳ.

Công sinh năm 1949 ở Hải Dương, cha bị máy bay Pháp dội bom giết chết khi anh còn trong bụng mẹ, và năm 1954 theo mẹ lên “tàu há mồm” di cư vào Nam. Sau một năm làm học sinh trao đổi văn hóa AFS ở Hoa kỳ, anh về Sài Gòn ghi danh học văn chương Anh tại Đại học Văn khoa, học cùng thời với Thoại. Tốt nghiệp cử nhân, anh lại được cấp học bổng trở lại Hoa kỳ học cao học văn chương Mỹ ở Đại học Brandeis ở Waltham, một đại học tư cách Boston chừng mười dặm Anh; cả Waltham lẫn Boston đều thuộc tiểu bang Massachusetts. Rồi anh ở lại định cư ở Boston.

Đến lượt tôi ngạc nhiên,

“Công đó có gì đặc biệt mà ba tay kiệt liệt trong làng văn làng báo Hoa Thịnh Đốn ngồi đây phải *théc méc* như vậy? Thời anh ta học Văn khoa, tôi gặp một lần trong buổi họp mặt tại trụ sở Thanh niên Chí nguyện Quốc tế ở Sài Gòn.”

“Nó chỉ là đùa tép riu,” anh Trực ngắt lời tôi, “Nhưng mới đây về đầu quân cho Trung tâm William Joiner của Đại học Massachusetts tại Boston – thường gọi là UMass Boston. Đó là dấu hiệu cho thấy đường lối của cái ổ thân Cộng này bước qua ngã rẽ mới.”

Ra đời năm 1980, Trung tâm William Joiner (“TTWJ”) chỉ là cái nón chính trị mới toanh đội lên cho ban Chính trị học cố hữu nằm ở tầng thứ 10 của thư viện Healey trong khuôn viên trường đại học. Phong trào phản chiến hết hơi vì chiến tranh Việt nam đã chấm dứt, UMass Boston cần một tính danh mới cho hợp với đường lối phản đối chính phủ Hoa kỳ về hậu quả của chiến tranh đối với cựu chiến binh phục vụ tại Việt nam. Đặc biệt chú trọng đến bệnh tật có thể gây ra do *Orange Agent*, thứ thuốc khai quang Không quân Hoa kỳ rải trong rừng già dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh và trên mặt khu Việt Cộng (“VC”) để dễ dò tìm hoạt động của chúng. “William Joiner” là tên anh cựu chiến binh người Mỹ da đen nhân viên của trường đại học; anh qua đời khi mới 31 tuổi vì ung thư gan quy kết do *Orange Agent*.

Năm 1987, trong lúc thế giới phẫn nộ vì sự tàn ác của VC khiến cho cả triệu người Việt liêu chết *vượt biên* ra khỏi nước, UMass Boston thân nhiên chuyển sang hướng hỗ trợ Hà nội về mặt văn hóa và cổ võ chính phủ Hoa kỳ bình thường hóa ngoại giao với VC. Công được thuê làm công tác dịch thuật và đóng vai sứ giả liên lạc với Hà nội với chức vụ nhân viên khảo cứu.

* * *

Nguyễn Hải Lượng, một trong những sĩ quan Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) bị VC giam cầm lâu nhất ngoài Bắc, được mệnh danh là “người tù kiệt xuất” vì không những bị bắt giam trong hoàn cảnh đặc biệt mà trong suốt thời gian bị tù đầy, luôn luôn giữ thái độ hiên ngang, không chịu khuất phục trước kẻ thù. Dưới thời Đệ nhất Cộng hòa, sau khi tốt nghiệp sĩ quan trường Võ bị Quốc gia ở Đà Lạt, ông về binh chủng Nhảy Dù và được huấn luyện thành biệt kích để nhảy dù xâm nhập miền Bắc. Năm 1966, ở cấp bậc đại úy, ông ra Bắc hoạt động ở vùng biên giới Lào - Việt thuộc tỉnh Quảng Bình và bị bắt sau một thời gian ngắn.

Đệ nhất Cộng hòa đổ, những người lính biệt kích tham gia cuộc chiến tranh tối mật trở thành con hoang vô thừa nhận. Họ không có sổ quân, tên tuổi không ghi trong hồ sơ quân bạ quân đội VNCH, và chính phủ VNCH không biết họ hiện hữu. Vì vậy, sau khi Hiệp định Paris 1973

được ký kết, họ không có tên trong danh sách tù binh để được trao trả. Ngay cả sau năm 1975, họ không được VC coi là “sĩ quan Ngụy” đi “học tập cải tạo” dù bị giam chung với những người này trong những trại tù ở thượng du miền Bắc, và gia đình không được phép “thăm gặp” như tù “cải tạo.” Sau 21 năm đặng đặng trong tù, Lượng được thả vì VC hết biết giam giữ để làm gì. Ông lập gia đình sớm; khi ra đi đã có sáu đứa con, đứa thứ bảy còn trong bụng mẹ. Ngày ông về, đứa cháu nội lớn nhất đã 10 tuổi, hơn cha nó một tuổi lúc ông đi.

Năm 1993, Lượng cùng vợ sang Hoa kỳ theo diện H.O., định cư ở Boston, và ở tuổi ngoài lục tuần, ghi danh học UMass Boston. Sáu năm sau, khi ông là sinh viên cao học, TTWJ nhận tài trợ của Quỹ Rockefeller ở New York để thiết lập học bổng nghiên cứu *diaspora* (cộng đồng lưu tán) người Việt, chú trọng vào đặc tính, lịch sử, văn chương, và văn hóa của những thế hệ người Việt tỵ nạn lưu vong tại Hoa kỳ. TTWJ tuyển chọn bốn học giả để cấp học bổng: một nữ giáo sư văn chương Mỹ tại Đại học Tiểu bang Kansas, một nữ tiến sĩ dân tộc học người Mỹ gốc Việt tại Đại học California Berkeley, và hai nhà nghiên cứu người Việt ở Hà nội. Một người là nhà phê bình văn học, người kia nhà cổ học, và cả hai đều nổi tiếng ở miền Bắc và từng được chính phủ Hà nội trọng dụng.

Người cựu tù nhân Cộng sản không thể im hơi lặng tiếng khi biết TTWJ chọn học giả Hà nội để nghiên cứu cộng đồng tỵ nạn Cộng sản. Với phương tiện eo hẹp, ông mạnh dạn đứng lên vận động Cộng đồng Tỵ nạn Việt nam tại Massachusetts đồng lòng phản đối, yêu cầu TTWJ thay đổi quyết định, và đòi sa thải Công mà ông tin là kẻ chủ chốt. Nhưng nỗ lực của ông không đi đến đâu. Đường lối thân Cộng của UMass Boston xưa nay vẫn thế và sẽ tiếp tục như thế, dễ dầu gì mà lung lay. Không chịu thua, ông hô hào người Việt tỵ nạn khắp thế giới đóng góp để có tiền thuê luật sư kiện trường đại học.

Khi quyên góp đủ 100 ngàn đô la, Lượng (và tám nhân sĩ tiếng tăm) thuê luật sư đệ đơn kiện TTWJ kỳ thị tuổi tác và “nguồn gốc quốc gia” tại tòa Hòa giải Rộng Quyền quận Suffolk ở Boston, nói nguồn gốc quốc gia của mình là Nam Việt nam. Tháng Mười Một năm 2002, tòa nhóm sơ khởi hay tiền nghị án (pretrial). Sau khi nghe lập luận pháp lý và phát biểu của nhân chứng hai bên nguyên đơn và bị cáo, quan tòa bác bỏ vụ kiện vì Lượng không có “tư cách kiện,” tiếng Anh nói là không có “standing to sue.” Lý do là trước sau ông không nộp đơn xin học bổng TTWJ vì tin rằng nếu nộp đơn, TTWJ sẽ từ chối. Do một nguyên tắc căn bản của luật pháp xứ này là nếu anh không nộp đơn, anh không bị thiệt hại gì cả thì làm sao tòa xử để đền bù thiệt hại cho anh?

* * *

Đầu năm 2004, tôi theo Quỳnh Châu đi Boston dự một cuộc hội thảo giáo dục tại UMass Boston và gặp lại Công sau lần đầu gần 35 năm trước. Quỳnh Châu quen thân với anh trong thời gian nàng du học tại Hoa kỳ trước năm 1975. Anh mời chúng tôi đến nhà ăn cơm tối, và mời chúng tôi dự buổi tường trình kết quả nghiên cứu “ngành học *diaspora*” của những học giả được TTWJ cấp học bổng năm vừa qua. Tất cả là bốn dự án nghiên cứu nhưng có năm diễn giả, vì dự án *Orange Agent* do hai người đảm nhận. Phía TTWJ gồm có Công và ba giáo sư ban Chính trị học UMass Boston. Khách tham dự gồm có tôi và Quỳnh Châu và vợ nhà văn, nhà sử học, luật gia, và cựu sĩ quan VNCH Vũ Nguyên ở Houston thuộc tiểu bang Texas.

Đầu tiên, một người đàn bà từ Hà nội sang nói về “văn học Việt nam đương đại” mà sau khi Công dịch ra tiếng Anh tôi mới hiểu rõ vì chị nói rất nhanh với giọng Bắc the thé khó nghe. Tiếp theo, một người đàn bà khác từ Sài gòn sang nói về “sân khấu kịch nghệ miền Nam sau năm 1975,” kể tên nghệ sĩ nghe lạ hoắc. Phần thuyết trình của Vũ Nguyên chỉ mất ba phút. Dự án nghiên cứu đòi hỏi ông phải về Sài gòn vào thư viện Quốc gia tìm tài liệu tham khảo, nhưng khi ông về đó, VC không cho ông vào dùng thư viện. Thế là hết. Cuối cùng, một thanh niên người Mỹ và một người đàn bà trẻ người Việt, cả hai đều ở Hà nội, thay phiên trình bày *slide show* về *Orange Agent* mà họ và Công dịch là “chất độc da cam.” Họ đưa ra nhiều hình ảnh và thống kê về thương tật cá nhân, tử vong, và dị thai quy cho hậu quả của thuốc khai quang đó, nhưng không dẫn chứng nghiên cứu y khoa hay khoa học nào, và kết luận,

“Chúng ta sẽ kiện chính phủ Hoa kỳ về hành vi giết hại dân Việt nam bằng ‘chất độc da cam.’ Mỹ phải bồi thường ít nhất là 20 tỉ đô la.”

“Hai người làm to rồi! Theo nguyên tắc ‘miễn tố do chủ quyền’ (sovereign immunity) bắt nguồn từ luật bất thành văn từ xưa bên Anh và dựa trên phán quyết của Tối cao Pháp viện Hoa kỳ nay thành tiền lệ, chính phủ Hoa kỳ không thể bị kiện,” tôi ngửa miệng chỉnh liền.

Ngày cuối cùng ở Boston, chúng tôi được Công đưa đến nhà anh Sanh ăn cơm trưa; anh là nhà văn, nhà thơ, và cựu sĩ quan VNCH. Trong số khách được mời có cả anh Đường, một kỹ sư điện toán, nhà thơ, và nhà bình luận thường viết bài đả kích VC. Với tôi và hai anh bạn chống Cộng này, Công nói chuyện dễ dàng và cởi mở, tuy vẫn bệnh VC chằm chập. Sau ba ngày bàn luận chính trị, cuối cùng – lần đầu tiên – tôi và anh đồng ý với nhau về một điều. Anh nói,

“Việt nam Cộng hòa không thể nào thắng. Cộng sản nó ác quá, bất chấp tình người. Làm sao người lương thiện có thể thắng?”

Trên đường bay về nhà, thấy bộ tôi ủ rũ không vui, Quỳnh Châu nhắc lại câu nói của Công và an ủy,

“Anh Công, cũng như mấy tay giáo sư Trung tâm William Joiner, làm nghề thân Cộng kiếm sống; giống như chồng làm kỹ sư vậy mà. Các vàng *ảnh* cũng không về ở với Việt Cộng!”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 10 tháng Năm, 2023

Cha Nó Lú, Chú Nó Khờ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ năm 1999, tôi có chân trong Tiểu ban Thẩm định Khả năng Đáng Tin cậy, gọi tắt là RAS, của mạng lưới liên kết toàn Bắc Mỹ. Để thực hiện việc thẩm định, mỗi năm RAS họp khoảng chín lần ở các thành phố khác nhau. Phiên họp đầu mùa xuân năm nay (2005) được định vào hai ngày thứ Năm và thứ Sáu 31 tháng Ba và mùng 1 tháng Tư ở Hoa Thịnh Đốn để hội viên có cơ hội ở lại cuối tuần xem hoa anh đào trong mùa Lễ hội Hoa Anh đào Quốc gia hàng năm tại thủ đô. Rủi thay, suốt hai tuần lễ cuối tháng Ba, trời mưa tầm tã, và gió thổi hoa anh đào lìa cành nằm tan tác trên lối đi. Tôi ở lại thêm ngày thứ Bảy, nhưng không có chủ ý xem hoa anh đào nên chẳng thấy phiền hà.

Thường năm nào đến Hoa Thịnh Đốn tôi cũng gặp anh Trực, anh một người bạn thân của tôi; năm nay anh đã nghỉ hưu và dọn về nam California. Nhưng ở đây còn anh Khanh luật sư. Hồi đó, ngày tôi còn là sinh viên tập tễnh đi dạy trung học tư, anh hướng dẫn tôi trong việc dạy học. Mỗi khi các anh giáo sư khác đi chấm thi, bận việc, hay đau ốm cần người dạy trám giờ ở trường tư, họ nhờ anh Khanh hay tôi dạy thay. Anh có tài suy nghĩ nhanh và nói liên tục trước đám đông mà không cần dựa vào một đề tài nào, và tôi có thể dạy hầu như bất cứ môn nào, từ Toán Lý Hóa đến Sinh ngữ, mà không cần sửa soạn trước.

Tôi gọi điện thoại cho anh Khanh ở văn phòng luật sư. Vừa nghe tiếng tôi, anh đã oang oang, “Cậu đến Hoa Thịnh Đốn mà chả chịu xem ngày giờ gì cả. Trời mưa buồn thiu, và tôi bận rộn *tối tăm mặt mũi*. Nhưng thế nào tôi cũng phải đãi cậu một chiều. Khách sạn cậu nằm gần Metro Center là trạm xe điện ngầm chính của thành phố, cậu lấy *metro* đi đến trạm *metro* gần khu chợ Eden, và tôi sẽ lái xe ra đón cậu.”

“Vậy thì khoảng một tiếng rưỡi đồng hồ nữa em gặp anh. Em cần anh giải đáp một chuyện mà em thắc mắc mấy tuần nay.”

Anh Khanh đưa tôi đến nhà hàng Saigon Gourmet trong thương xá hạng sang Pentagon Row ở Arlington thuộc Virginia, gần Ngũ giác đài là tòa nhà trụ sở bộ Quốc phòng Hoa kỳ. Anh nói, “Ở đây mình nói chuyện kín đáo hơn. Tôi định kể cậu nghe vụ án *Orange Agent*, thứ thuốc khai quang mà trong khoảng từ năm 1961 đến 1971, Không quân Hoa kỳ rải trong rừng già dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh và trên các mật khu Việt Cộng để để dò tìm động tịnh của chúng.”

“Trí lớn gặp nhau có khác, đó chính là điều em muốn hỏi anh.”

Orange Agent, Việt Cộng (“VC”) dịch là “chất độc da cam,” chứa dioxin là một hóa chất nếu hiện hữu ở mật độ cao có thể gây ung thư và di hại hệ thống sinh sản phụ nữ. Tháng Giêng năm 2004, hội Nạn nhân Chất Độc Da Cam/Dioxin Việt nam và một số nguyên đơn khác đại diện cho nạn nhân Việt nam nộp đơn kiện 33 công ty hóa chất chế tạo *Orange Agent* như Dow Chemical và Monsanto tại tòa án liên bang Hoa kỳ tại Brooklyn ở thành phố New York. Đây là một vụ kiện tập thể (class action) và yêu cầu xét xử có bồi thẩm đoàn. Kiện các công ty đó vi phạm luật

quốc tế, phạm tội ác chiến tranh, vi phạm luật an toàn sản phẩm, cấu thả và cố ý đả thương, và làm giàu bất chính để (1) đòi bồi thường cho thương tật cá nhân, tử vong, và dị thai, (2) yêu cầu tòa ra lệnh khử ô nhiễm môi trường toàn cõi miền Nam Việt nam, và (3) đòi trả ra lợi nhuận thu được trong việc sản xuất thuốc khai quang.

Từ ngày khởi tố đến đầu năm 2005, tòa nhóm hai phiên sơ khởi hay tiền nghị án (pretrial), luật sư nguyên đơn (“LSND”) sửa đổi đơn kiện và nộp lại, và luật sư bị cáo (“LSBC”) nộp bản cáo trạng (brief) lần thứ nhất rồi lần thứ hai. Ngày 28 tháng Hai, tòa nhóm để hai bên tranh luận miệng trước thẩm phán Jack Weinstein. Mười ngày sau, ông Weinstein đưa ra phán quyết bác bỏ vụ kiện với những lý do sau: Đòi hỏi của nguyên đơn không có căn bản pháp lý trong luật pháp Hoa kỳ hay luật quốc tế, *Orange Agent* không phải là hóa chất bị luật quốc tế cấm lúc Hoa kỳ sử dụng, và nhất là nguyên đơn không trưng bằng cứ nào cho thấy *Orange Agent* gây bệnh tật của nạn nhân trong đơn kiện.

Ba tuần trước tôi đọc tin về phán quyết của tòa và tự hỏi, “Tại sao Việt Cộng đợi đến gần 30 năm sau ngày chiếm miền Nam mới đi kiện?” Anh Khanh cho biết dưới thời Tổng thống Bill Clinton, trước khi ký thương ước Mỹ - Việt nhằm bình thường hóa ngoại giao giữa hai nước, VC cam kết riêng sẽ không kiện Hoa kỳ về vụ *Orange Agent*. Để đổi lại, Hoa kỳ hứa sẽ không phủ quyết khi VC xin gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới WTO. Vì mật ước đó, Hà nội đợi đến sau khi Clinton rời khỏi Tòa Bạch Cung mới trở mặt nuốt lời, thành lập hội Nạn nhân, và tiến hành vụ kiện. Hội Nạn nhân được lập ra dưới danh nghĩa hội thiện nguyện, nhưng thực ra là cơ quan nhà nước nhận tiền và nhận lệnh Hà nội với ban chấp hành toàn VC gộc.

VC rất muốn kiện chính phủ Hoa kỳ. Nhưng đến khi đụng trận mới ngả ngửa ra là chính phủ Hoa kỳ có quyền miễn tố do chủ quyền (sovereign immunity), không thể bị kiện, nên mới quay sang kiện các công ty hóa chất. Quyền miễn tố này bắt nguồn từ nguyên tắc “vua không thể làm sai” của luật bất thành văn bên Anh và dựa trên phán quyết của Tối cao Pháp viện Hoa kỳ nay thành tiền lệ. Với phán quyết của ông Weinstein, tòa công nhận quyền miễn tố của các công ty hóa chất, những nhà thầu chế tạo *Orange Agent* theo đơn đặt hàng của quân đội, giống như quyền miễn tố của chính phủ.

Thức ăn được dọn ra, và trước khi chúng tôi cầm đũa, câu hỏi lớn vờn trong đầu tôi bung ra, “Tại sao đơn kiện mang hậu thuẫn của cả một quốc gia mà không qua nổi cửa ải đầu tiên, bị bác bỏ mà không được xét xử?”

“Vì quốc gia đó gọi là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam gồm bọn vô học, không hiểu luật pháp xã hội văn minh. Một người bạn học của tôi ở trường Luật Đại học Georgetown khẩn khoản mời tôi vào nhóm luật sư biện hộ cho công ty Dow Chemical. Muốn đánh thắng Việt Cộng, phải dùng một thằng Việt nam từng sống với nó và biết tổng cái ngu dốt của nó. Tôi là dân Bắc kỳ di cư vào Nam năm 1954 và sau năm 1975, kẹt lại Sài gòn ba năm trước khi vượt biên. Nói cho cậu hay, hơn một năm làm việc, tôi chỉ nhận thù lao một đồng bạc danh dự của Dow Chemical.”

Trong khi các công ty hóa chất thuê đội ngũ luật sư tài giỏi nhất Hoa kỳ, Hà nội trông cậy vào hai luật sư trong Phường hội Luật sư Quốc gia (National Lawyers Guild, NLG). NLG là một hiệp hội

“cấp tiến” gồm luật sư, sinh viên luật, phụ tá luật sư, v.v. lập ra năm 1937 với mục đích phục vụ quyền lợi công chúng và phản đối Hiệp hội Luật sư Hoa kỳ (American Bar Association) chính thống mà NLG cho là bảo thủ và quá kén chọn hội viên. Trong hai thập niên sau Đệ nhị Thế chiến, NLG bị coi là tổ chức Cộng sản trá hình, và ngày nay, luật sư NLG sẵn sàng “hiến mình cho nhu cầu thay đổi cơ cấu kinh tế và chính trị để sau cùng nhân quyền được xem thiêng liêng hơn quyền lợi tài sản.”

Anh Khanh cười khẩy,

“Vụ kiện vốn không thể thắng. Hai tay luật sư giỏi viết văn bản tuyên truyền ấy làm được *khỉ mốc* gì?”

“Em nghe nói Hà nội gửi sang hơn một triệu thỉnh nguyện thư do nạn nhân ký tên yêu cầu tòa đòi bồi thường và trên một trăm lọ đựng dị thai ngâm trong *formol*, tức là dung dịch formaldehyde, làm bằng chứng. Có ăn thua gì không?”

“Chúng nó không biết rằng quan tòa Mỹ được bổ nhiệm trọn đời để phán quyết độc lập, không bị áp lực chính trị hay của công chúng. Trong tòa án Mỹ, chứng cứ phải được nhân chứng có tuyên thệ nói sự thực đưa ra, và nhân chứng sẽ phải bị luật sư phe kia *cross-examine* (thẩm vấn đối kháng hay vặn hỏi). Nói láo khi có tuyên thệ là một tội rất nặng nên ở Mỹ không mấy ai dám man khai. Ngoài ra, chỉ những sự việc mà chính nhân chứng biết, trông thấy, hay tự tay làm mới được chấp nhận là chứng cứ tại tòa; nếu không chỉ là *hearsay* (lời đồn đại) vớt đi, không có giá trị.”

Trong suốt hai phiên nhóm sơ khởi, nhân chứng của nguyên đơn lập đi lập lại lời tuyên truyền rỗng tuếch mà không đưa ra chứng cứ buộc tội nào. Người được gọi đầu tiên là ông Báu, sĩ quan cao cấp của quân đội Bắc Việt xâm nhập miền Nam. LSNĐ đưa ra câu hỏi dẫn dắt để ông trả lời và vẽ ra bối cảnh vụ kiện: Máy bay Không quân Hoa kỳ rải thuốc khai quang. Ông huênh hoang trả lời suôn sẻ; sang phần vặn hỏi của LSBC, do ý kiến của anh Khanh, ông bị hỏi hai câu giản dị đến không ngờ.

Hỏi: *Xin cho biết Orange Agent màu gì?*

Đáp: *Dĩ nhiên là màu da cam.*

Hỏi: *Xin cho biết Orange Agent được rải dưới dạng nào?*

Đáp: *Nó là bột, rải xuống thành bụi bay mù trời.*



Sau đó, khi đến lượt mình, LSBC gọi nhân chứng là chuyên viên *Orange Agent* từng phục vụ trong Không quân Hoa kỳ. Ông này cho biết thuốc khai quang ấy màu trắng và “Orange Agent” là tên gọi ngụy trang của chất thuốc đựng trong thùng phuy 200 lít bên ngoài sơn dải màu cam bề ngang chừng tám phân để nhận diện. Chất thuốc được pha trộn với nước hay dầu, và dung dịch loãng – không phải bột – được bơm vào bồn chứa cố định trên máy bay trước khi đem đi

phun tỏa trên vùng mục tiêu. Ông chuyên viên này không những chứng tỏ ông Báu *bù trôn* mù tịt, mà còn cho thấy nguyên đơn khai man chuyện bác sĩ Quỳnh Như là nạn nhân. Hà nội ghi tên bà vào danh sách nguyên đơn, cùng với cậu con trai qua đời lúc mới tám tháng, mà bà không biết và không đồng ý vì không bị nhiễm độc dioxin. Theo lệnh Hà nội, LSND viết trong đơn kiện,

Từ năm 1964 trở đi, nguyên đơn thường xuyên đến thành phố Biên Hòa và Sông Bé là hai nơi bị rải thuốc khai quang nặng nề. Trong thời gian từ năm 1968 đến 1976, bà là bộ trưởng bộ Y tế của chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam, cư ngụ tại Tây Ninh, và luôn luôn che đầu bằng bao ni-lông vì đi ngang qua một thùng chứa thuốc khai quang máy bay Mỹ đánh rơi.

Trên máy bay chỉ có bồn chứa cố định, làm gì có thùng chứa mà đánh rơi? Một nhân chứng nguyên đơn khác là giáo sư Thi Thi, trưởng ban Sản phụ khoa trường Đại học Y khoa Hà nội. Chỉ tay vào những lọ đựng dị thai, bà hãnh diện trả lời những câu hỏi của LSND nhằm thiết lập chứng cứ về hậu quả của “chất độc da cam” vào phụ nữ mang thai. Sang phần vặn hỏi của LSBC, bà cũng chỉ bị hỏi hai câu.

Hỏi: Trong số hơn một trăm trường hợp dị thai đó, bà điều trị mấy trường hợp?

Đáp: Tất cả đều do bác sĩ môn sinh của tôi điều trị, và họ báo cáo lại cho tôi.

Hỏi: Bà đã thực hiện bao nhiêu nghiên cứu khoa học để chứng tỏ mối quan hệ nhân quả giữa Orange Agent và dị thai?

Đáp: Tôi không cần nghiên cứu. Không có nguyên nhân nào khác.

Những gì bà giáo sư khai trước tòa là *hearsay*, *khẩu thiệt vô bằng!* Để phản công, LSBC gọi nhân chứng là một bác sĩ người Pháp đã nghiên cứu những vụ sẩy thai và dị thai ở Phi châu và công bố kết quả khảo cứu trên các tạp chí y khoa Âu châu: Nguyên nhân chính của hầu hết những trường hợp đó là phụ nữ mang thai làm việc quá sức, thiếu dinh dưỡng trầm trọng, và lo âu quá độ. Tiếp theo, LSBC gọi nhân chứng là ba bà đã sẩy thai hay sinh dị thai mà các công ty hóa chất bí mật cho người về Việt nam tìm kiếm và đưa sang New York. Một bà cho biết vì quá nghèo khổ nên phải dùng sức mình kéo cày làm ruộng thay trâu. Một bà nói bị đầy về vùng kinh tế mới, thiếu ăn triền miên. Bà thứ ba là một cựu du kích VC, trốn dưới hầm ngày đêm lo sợ phập phồng sẽ bị bắt.

Chuyện vụ án *Orange Agent* của anh Khanh vừa chấm dứt thì chúng tôi cũng vừa ăn xong. Anh kết luận,

“Để trả lời câu hỏi tại sao của cậu, tôi có thể tóm tắt trong sáu chữ: *Cha nó lú, chú nó khờ.*”

“Chú nó” là hai anh luật sư Phường hội Luật sư Quốc gia *cà chớn* tại Hoa kỳ. Cho dù tôi, kẻ tay ngang hiểu biết tổng quát về luật lệ Hoa kỳ, làm LSND thì sự tình cũng không thể nào bết bát hơn.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 24 tháng Năm, 2023

Uổng Phí Đời Hoa

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ đầu thập niên 1980, chính phủ liên bang Hoa Kỳ thúc đẩy cạnh tranh trong ngành hàng không thương mại bằng cách bãi bỏ quy luật kiểm soát giá cả, dịch vụ, và đường bay, và cho phép công ty mới tự do nhảy vào thị trường. Để thu hút khách hàng di chuyển với mục đích riêng, hãng máy bay đặt ra quy tắc muốn hưởng giá rẻ (khoảng 60 phần trăm giá “thường”), hành khách phải ở lại ít nhất ba đêm và ngày thứ Bảy trước khi trở về điểm khởi hành. Nhờ vậy, mỗi khi đi họp ở vùng đông bắc gần Toronto, Gia Nã Đại, tôi lợi dụng cách đặt giá ấy để bay sang Toronto mà không phải dùng tới tiền nhà. Cô thư ký Charlotte luôn luôn tìm ra vé máy bay cho tôi đi Toronto ở lại cuối tuần rẻ hơn vé cho tôi về nhà ngay sau khi họp.

Tôi viết bài “Đố Vui Đẻ Chọc” hàng tháng cho tạp chí *Xxxx Việt* ở Toronto, thỉnh thoảng viết về các khám phá khoa học hay toán học mới, cổ động cho tờ báo bằng cách mua báo dài hạn tặng bạn bè khắp Hoa Kỳ, và ngoài ra, không giữ nhiệm vụ chính thức nào ở *Xxxx Việt*. Tuy nhiên, người chủ trương tờ báo là Bảo chơi thân với tôi từ thời học trường kỹ sư và xem tôi như bạn đồng hành trong việc đấu tranh. Tôi kính trọng và yêu mến các bạn *Xxxx Việt* về tinh thần chống Cộng tích cực, *ăn cơm nhà vác ngà voi*, mong được phụ giúp bất cứ việc gì trong tầm tay, và do đó thường cố tìm cách bay sang Toronto với bạn.

Lần này tôi đến Toronto chiều thứ Sáu cuối cùng của tháng Hai, nhằm kỳ họp mỗi cuối tháng mà anh em *Xxxx Việt* họp mặt ăn uống và thảo luận công tác cần làm cho cộng đồng tỵ nạn. Hôm nay họp ở nhà Hiền, người phụ trách phần trị sự của tòa soạn. Sau khi mọi người ăn xong, Bảo nhìn quanh đàng hểng dọn giọng rồi hỏi,

“Mấy ‘ông’ có ai xem chương trình *60 Minutes* phát hình hai tuần vừa rồi trên băng tần CBS của Buffalo, New York không? Tôi nghi bên nhà sẽ có thay đổi chính trị lớn vì thằng Việt Cộng bỗng dưng đâm ra tử tế, bày đặt trò cởi mở, và mở cửa mời Marlos Schafer vào phỏng vấn một số nhân vật trong nước.” CBS là tên gọi tắt của hệ thống truyền hình Columbia Broadcasting System.

60 Minutes là tạp chí tin tức truyền hình của CBS phát hình một tiếng đồng hồ mỗi tối Chủ Nhật và gồm những cuộc phỏng vấn trong đó phái viên CBS phơi bày mặt trái những sự việc mà chính phủ hay công ty lớn khắp thế giới che dấu hoặc công bố lệch lạc với công chúng. Sinh ở Toronto và vừa dân Gia Nã Đại vừa dân Mỹ, Schafer là phái viên kỳ cựu nhất của *60 Minutes* và từng làm thông tin viên CBS tại Việt nam trong thời kỳ chiến tranh. Hiền cười nụ trả lời,

“Nhờ anh chỉ, *tui* bắt băng tần CBS theo dõi kỳ phát hình thứ nhất có phỏng vấn Võ Nguyên Giáp. Ông tướng già mặt phình phính đáng ghét lột bỏ cái áo đại cán nhà quê thường lệ, diện vô bộ âu phục *láng coóng* sang như Tây, và không tỏ chút gì hối hận vì đã gửi bộ đội vô Nam để bị nướng trọn trong trận Tết Mậu Thân.”

“Hiện giờ ông Giáp chẳng có quyền hành gì thực sự,” một người bạn trẻ xen vào, “Bọn đàn em cầm quyền hạ nhục bằng cách bắt *ông* làm chủ tịch Ủy ban Sanh Đẻ Có Kế hoạch nên dân gian có câu về mả mai,

*Ngày xưa Đại tướng cầm quân,
Ngày nay Đại tướng cầm quần chị em."*

"Việt Cộng *chọn mặt gửi vàng* mời Schafer vì thành tích nghịch lại chính phủ Mỹ của ông ta. Hồi đó, Schafer làm cho Tòa Bạch Ốc và Ngũ giác đài một phen bối rối khi cố tình loan tin thiếu sót và bẻ queo vụ lính Mỹ đốt nhà dân làng Cẩm Nê," Bảo giải thích.

Tháng Bảy năm 1965, căn cứ quân sự Mỹ ở Đà Nẵng thường bị Việt Cộng ("VC") pháo kích, phá hủy phi cơ và gây thương tích cho lính Mỹ. Do đó, hàng ngày các toán Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ ("TQLCHK") đi tuần tiễu ngoài căn cứ. Họ thường bị du kích VC ẩn nấp trong thôn Cẩm Nê 4 bắn sê; đó là một trong sáu thôn của làng Cẩm Nê cách Đà Nẵng chừng 10 cây số về hướng nam. TQLCHK đến thì VC rút, người già, phụ nữ, và trẻ em ở lại bất hợp tác và ngậm miệng như hến. Cuối một ngày đầu tháng Tám, khoảng một đại đội VC xuất hiện tấn công dữ dội khiến bốn người lính Mỹ bị thương và một em bé thiệt mạng. Một tuần sau, TQLCHK lại bị phục kích, hai người lính Mỹ tử trận và hơn 20 người lính khác bị thương. Cùng kể, TQLCHK phải dùng tới giải pháp dời dân thôn đến nơi tạm trú có sẵn rồi đốt những căn lều VC đã dùng nấp bắn. Không may, chuyến này có phóng viên Schafer đi theo săn tin. Ông quay cảnh lính Mỹ dùng bật lửa đốt một căn lều và truyền đi khắp thế giới mà không giải thích ngọn ngành. Quần chúng Hoa Kỳ phẫn nộ – lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh Việt nam.

Kể đến đây, Bảo cười ha hả,

"Thằng Việt Cộng ngu ngơ không biết *nghề của chàng* là phơi bày mặt trái sự việc, chứ *chàng* không thân Cộng bao giờ. Đã phỏng vấn ông tướng 'cầm quần' thì phải phỏng vấn người bất mãn chế độ là bác sĩ Vương Quỳnh Như. Bà này can đảm thú nhận với Schafer và cả thế giới bà đã hoàn toàn sai lầm khi mù quáng đi theo Cộng sản."

"Bà Quỳnh Như là bộ trưởng bộ Y tế của con múa rối Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam của Hà nội, phải không anh?" Hiền xen vào.

"Chính bà đó," Bảo gật đầu, "Sau năm 1975, thấy rõ thực chất của con múa rối và chính sách vô nhân đạo của Hà nội đối với dân miền Nam, bà tình nguyện và cực kỳ thất vọng. Không đứng tên ứng cử vào quốc hội như được chỉ định, không nhận chức thứ trưởng bộ Y tế phụ trách phía Nam mà Hà nội đề nghị, và nhất định xin ra khỏi đảng. Bà nói với Schafer,

Trong thời chiến, chúng tôi sống gần nhân dân, trong lòng nhân dân. Ngày nay, khi quyền lực nằm an toàn trong tay, đảng xem nhân dân là kẻ thù tiềm ẩn."

* * *

Quỳnh Như sinh năm 1930 tại Sài Gòn và là con thứ sáu và con út của một gia đình trí thức giàu có sống trong ngôi biệt thự trên đường Bà Huyện Thanh Quan ngay góc đường Hồng Thập Tự. Bà học trung học ở trường Chasseloup Laubat (sau này gọi là Jean-Jacques Rousseau), sang Paris học y khoa, và trong thời gian ở Pháp gia nhập đảng Cộng sản Pháp. Tốt nghiệp bác sĩ nhi khoa và sản phụ khoa, bà về Sài Gòn làm việc tại bệnh viện Nhi đồng và ngoài giờ làm việc tiếp bệnh nhân ở phòng mạch tư trên đường Lê văn Duyệt. Là VC nằm vùng với bí danh Thùy Dương, bà có nhiệm vụ móc nối với trí thức Sài Gòn để dụ họ hoạt động cho VC.

Gia đình thượng lưu, học lực cao, nghề nghiệp thành công, và tiền của dư dả, nhưng nhan sắc trung bình nên Quỳnh Như khó lòng tìm được ý trung nhân xứng đáng trong xã hội Việt nam thời bấy giờ. Người nghèo và kém tài hơn thì không dám với lên. Kẻ giàu có và ngang tay thì hoặc đã có vợ hay người yêu, hoặc muốn kén chọn thiếu nữ trẻ đẹp hơn. Không biết do tình cờ hay hữu ý, bà và bác sĩ Thụ “may mắn” gặp nhau. Ông tốt nghiệp ở Pháp về, đã lớn tuổi nhưng còn độc thân, ăn nói lịch thiệp, và đang giữ chức vụ tổng giám đốc thông tin Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) ngang hàng với bộ trưởng.

Chẳng bao lâu, hai người trở thành đôi bạn tình thắm thiết. Ngoài mặt, cặp tình nhân chung sống đầm ấm và hạnh phúc, nhưng bên trong, mỗi người kín đáo dùng người kia để theo đuổi mục đích riêng: Quỳnh Như dò la bí mật của chính phủ VNCH, và ông Thụ theo dõi hành động các nhà trí thức thân Cộng. Đệ nhất Cộng hòa đổ, ông thất thế bị đẩy lên Bảo Lộc làm trưởng ty Y tế Lâm Đồng. Phòng không chiếu bóng, ông buồn tình *cua* cô nữ hộ sinh trưởng làm việc dướ quyền rồi cưới làm vợ. Quỳnh Như khổ đau oán hờn. Vừa bị người tình phản bội, vừa mất đi một nguồn tin tình báo quý báu và một thế lực chính trị che chở.

Ngày VC tấn công Tết Mậu Thân, thấy hành tung sắp bại lộ, Quỳnh Như hoảng sợ mang vàng bạc bỏ trốn vào *bưng* qua ngõ Ba Thu - Mỏ Vẹt, vùng đất thuộc tỉnh Long An nằm giữa hai nhánh sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Từ đó đến sào huyệt VC, bà phải đi băng qua đồng Chó Ngáp, cánh đồng nằm hàng ba giữa ba tỉnh Bạc Liêu, An Xuyên (Cà Mau), và Kiên Giang, rộng đến nỗi sau khi chạy từ đầu đến cuối, chó cũng lè lưỡi ngáp vắn ngáp dài.

Quỳnh Như được đảng dán cho cái bí danh Bảy Hồng cho ra vẻ người “làm cách mạng”; “Hồng” ám chỉ đảng Cộng sản. Bà gặp ông Nghệ, ông vào *bưng* cùng một đợt với bà, và hai người được “tổ chức” tác hợp thành vợ chồng. Ông đậu bằng Tiến sĩ Khoa học (Docteur ès-sciences) về toán ở Pháp và về nước dạy trường trung học Pétrus Ký rồi làm việc cho nha Ngân sách và Tài chánh VNCH trước khi theo VC.

Có gia đình, Quỳnh Như chấp nhận rủi ro khi quyết định mang thai và sinh con ở tuổi tứ tuần. Thời đó, ngay cả giới y khoa tây phương cũng khuyên phụ nữ 40 tuổi trở lên không nên sinh con vì sẽ sinh khó và con sẽ èo uột khó nuôi. Phương chi trong *bưng* không có phương tiện y tế hay thuốc men. Quả nhiên, cậu con trai tên Sinh qua đời khi mới tám tháng. Giữa buổi phỏng vấn dài dòng với Schafer, mắt bà bỗng đẫm lệ,

Biến cố đau buồn nhất là cái chết của con tôi, đứa con trai độc nhất. Chết vì bệnh sưng não, trong rừng không tìm đâu ra thuốc chữa.

Ông Nghệ sớm nhận ra sự thực và không nhận chức bộ trưởng bộ Kinh tế rỗng tuếch của cái chính phủ hữu danh vô thực. Ông được đưa ra Bắc huấn luyện ở trường đảng để “cải tạo tư tưởng,” nhưng trong khi học, ông phân tích và chứng minh chủ nghĩa Cộng sản sai lầm từ căn bản rồi rời trường. Nhà trí thức tinh mộng, nhưng đã *trót phóng lao, phải theo lao*.

* * *

Tháng Giêng năm 2004, theo lệnh của Hà nội, hội Nạn nhân Chất Độc Da Cam/Dioxin Việt nam và một số nguyên đơn khác nộp đơn kiện 33 công ty hóa chất chế tạo *Orange Agent* tại tòa án

liên bang Hoa Kỳ ở New York. *Orange Agent*, VC dịch là “chất độc da cam,” là thứ thuốc khai quang mà Không quân Hoa Kỳ rải trong rừng già dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh và trên các mật khu Việt Cộng để dễ dò tìm động tĩnh của chúng. Quỳnh Như và bé Sinh có tên trong danh sách nguyên đơn, nhưng trong cuộc gặp gỡ bạn bè tại Paris vào trung tuần tháng Năm, bà cho biết,

Người ta đặt tôi vào một fait accompli [sự đã rồi]. Ghi tên tôi vào hồ sơ kiện mà không có sự đồng ý của tôi và không thông báo cho tôi biết. Họ chỉ đến mời tôi hợp tác sau khi một ký giả Úc thấy tên tôi trong vụ kiện và xin phỏng vấn. Tôi đồng ý gặp ký giả với điều kiện có quyền nói sự thật: Tôi không khởi xướng vụ kiện và không muốn kiện Hoa Kỳ về “chất độc da cam.”

Dĩ nhiên cuộc phỏng vấn với nhà phóng viên Úc không bao giờ xảy ra. Bà nói thêm,
Trong khi đảng Cộng sản bị ám ảnh về chuyện nhiễm độc dioxin, năm 1971 tôi khám nghiệm tại Pháp và được xác nhận lượng dioxin trong máu ở dưới mức trung bình.

Ngày luật sư nộp đơn khởi tố ở New York, Hà nội hợp báo xuất quân rầm rộ, chắc mẫm phen này sẽ thắng lợi to. Nhưng rồi quan tòa bác bỏ vụ kiện vì đòi hỏi của nguyên đơn không có căn bản pháp lý, và nguyên đơn không trưng bằng cứ cho thấy *Orange Agent* gây ra bệnh tật của nạn nhân trong đơn kiện. Luật sư của Hà nội liền kháng án lên tòa phá án.

Hơn hai năm sau, tòa phá án nhóm để duyệt xét vụ án. Lần này, Hà nội gửi bốn nạn nhân “chất độc da cam” Việt nam mắc bệnh hiểm nghèo sang Hoa Kỳ để “tham dự điều trần.” Điều trần về vấn đề gì, với ai, và ở đâu – không ai nói. Trong hệ thống tư pháp Hoa Kỳ, tòa trên chỉ duyệt lại quyết định của tòa dưới, chứ không xử lại và không *nghe* (hear) nhân chứng. Tòa phá án chỉ cần luật sư hai bên nộp bản cáo trạng (brief) nói rõ các sự việc và điểm luật pháp để bên vực thân chủ mình, và đến ngày nhóm, *nghe* họ tranh luận miệng. Và tòa phá án y án tòa dưới.

Lỡ lầm tin theo bọn người ngu xuẩn và gian dối, Quỳnh Như đã uống phí đời bác sĩ tài cao. Bà mất năm 2006 tại Sài Gòn, với sự hắt hủi của chính quyền VC.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 14 tháng Sáu, 2023

Càng Cao Danh Vọng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Hàng tháng đi công tác tôi thường ngồi đợi hay đi loanh quanh ở phi trường Minneapolis, Minnesota hay phi trường Denver, Colorado hàng nửa buổi trong lúc chờ chuyển bay về nhà. Ngồi ở *gate* (cổng ra phi cơ), tôi đọc sách, làm việc sở, hay viết bài cho tạp chí *Xxxx Việt* đến khi mỗi mắt hay mỗi tay thì đứng dậy đi bộ quanh phi trạm, vừa vận động cơ thể vừa “rửa mắt,” nhìn *ông đi qua bà đi lại*. Nhờ vậy, tôi hay gặp đồng hương (người Việt có thói quen nói chuyện to tiếng, rất dễ nhận ra) và đôi khi chào hỏi và nói dăm ba câu tiếng Việt cho đỡ quên (hay đỡ nhớ!) Thỉnh thoảng bắt gặp người quen cũ, một hạnh phúc khó tìm.

Hạnh phúc hơn, và cũng bất ngờ hơn, khi người quen gặp ở phi trường Denver tháng Sáu năm nay là Thắng, bạn thân và cũng là người hùng của tôi trong mấy năm cuối cùng ở Sài gòn. Ngày đó, Thắng là đại úy Nhảy Dù đánh trận bị thương rồi được đưa về chỉ huy đại đội Dù bảo vệ tư thất Tướng Văn cầm đầu quân lực Việt nam Cộng hòa. Nhà riêng của ông tướng nằm trên đường Ngô Quyền (tiếp nối đường Triệu Đà về phía đường Nguyễn Trãi) và được trang bị với bãi đáp trực thăng trên mái. Thấy Thắng xúng xính trong bộ *com-lê* mới cắt chỉ, tôi cười khà khà,

“Đi đâu mà đóng bộ sang như Tây vậy? Nếu có thêm chị Mỹ già nắm tay đi dung dăng dung dẻ là đúng . . . hệ thống quân giai. Hay mày cả gan đi hỏi vợ mà không cho tao biết?”

“Nhân ngày Quân lực 19 tháng Sáu, tao lên Washington, D.C. dự diễn hành rồi ghé thăm ‘ông thầy’ là ông Văn ở Falls Church, Virginia. Hôm nay trên đường về *Ca-li* xui xẻo làm sao mà gặp cái mặt hăm tòi của mày,” Thắng cười toe tận mang tai.

“Tại sao phải diện bộ đồ vía le lói để đi dự ngày Quân lực hay viếng thăm *sếp* cũ, dù là ông *sếp* cao nhất xứ? Tao nghi thế nào cũng có *liền bà con ghế* dính vô,” tôi chun mũi không tin.

Thắng hiểu ra và phá lên cười,

“Mày suy bụng ta ra bụng người, đoán Dền đoán Mẹo mà trúng được một nửa. Sau ngày Quân lực, tao lên New Haven, Connecticut dự lễ tốt nghiệp của Liên Phương.”

“Liên Phương . . .?” tôi đưa mắt dò hỏi.

“Cô con út của ông bà Văn. Ngày đó *cổ* còn nhỏ xíu và lại bị *ổng* cấm không cho lai vãng qua khu doanh trại nên mày không biết. Mỗi lần tao có việc vô trong nhà, *cổ* quần quýt bên tao, chú ruột cũng không bằng. Cô ‘công chúa’ của tao học trường Tây mà lại giỏi tiếng Việt và mê đọc *Ngàn Lê Một Đêm* của Scheherazade và truyện kiếm hiệp Kim Dung như *Anh hùng Xạ Diêu*, *Thần Điêu Đại hiệp*, và *Cô Gái Đồ Long*. *Cổ* mê Quách Tĩnh và Hoàng Dung trong truyện *Anh hùng Xạ Diêu* không thua gì tao.”

* * *

Văn sinh năm 1921 tại thủ đô Vạn Tượng của Lào, con duy nhất trong một gia đình tiểu thương khiêm tốn, sau khi đậu *diplôme* (bằng Trung học Đệ nhất cấp Pháp) đi làm công chức kho Bạc

(ty Ngân khố), và năm 1949 theo cha mẹ về Việt nam. Tình cờ, ông được gửi đi thụ huấn và tốt nghiệp khóa huấn luyện sĩ quan tại Cap St. Jacques (Vũng Tàu) lúc đã gần 30 tuổi. Vị thiếu úy độc thân gặp Toại kém ông bốn tuổi, mới ly dị chồng, và bị gia đình ruồng bỏ.

Toại là con gái lớn trong số bảy anh em của một gia đình điền chủ giàu có ở Sóc Trăng. Cha bà gả bà cho con trai của bạn là một điền chủ giàu có khác. Hai bên sui gia môn đăng hộ đối, nhưng bà gặp phải người chồng đồ đốn hư hèn. Lúc đầu, bà bỏ về nhà cha mẹ, nhưng về sau hết chịu nổi bèn xin ly dị, điều không thể chấp nhận trong nền luân lý cổ xưa. Cha mẹ bà lại phản đối khi bà và Văn yêu nhau và lấy nhau, một chuyện khó tin trái với dự liệu của mọi người. Đối với gia đình bà, dù là một sĩ quan trong quân đội, ông chỉ là “thằng Lào” lang bạt nghèo mạt. Về sau, khi ông đạt tới những địa vị cao ngất, họ mới đổi sang thái độ kính trọng nâng niu ông bà.

Sau khi Hiệp định Paris 1973 được ký kết, ông bà Văn gửi hai cậu con trai lớn ra ngoại quốc: Hào sang Paris du học năm 19 tuổi, và Hùng sang Hoa Thịnh Đốn học trung học trước khi tròn 17 tuổi, tuổi động viên. Cuối năm 1974, khi tình hình chính trị và quân sự trở nên trầm trọng, đến lượt Liên Phương bị gửi đi. Ông bà cầu cứu John Frazer, trung tướng Mỹ hồi hưu ở Farmington, Connecticut, và nhờ ông này bay sang Sài Gòn, làm giấy tờ nhận cô bé 13 tuổi làm con nuôi, và đưa cô sang Hoa Kỳ ở. Frazer trước phục vụ ở Việt nam và đã gặp và quen với Liên Phương năm cô lên bảy.

Thắng kể lại, giọng nói hơi xúc động,

“Để chuyện gửi con gái đi không bị tiết lộ ra ngoài, ông bà Văn ở nhà và giao cho tao đưa Liên Phương ra phi trường. Bộ mặt ngơ ngáo buồn xo của cổ khiến tao nao nao trong lòng.”

“Gửi con trai ra ngoại quốc để khỏi bị động viên đi lính thì dễ hiểu, nhưng gửi con gái nhỏ đi thì tao chịu thua, không hiểu được lòng mấy người quyền cao chức trọng đó,” tôi lắc đầu.

“Tao nghĩ *ông* đoán miền Nam sắp mất, gửi *cổ* đi để *cổ* sẽ sống sót; ông *bả* ở lại có thể bỏ mạng trong trận chiến cuối cùng,” Thắng chép miệng.

“Đối với thằng dân ngu khu đen như tao, đó là giải pháp ngu xuẩn. Họ thả cô bé chưa đến tuổi dậy thì đơn độc một mình vào xứ người, không biết bao giờ mới gặp lại cha mẹ, và ngay cả không biết họ sẽ sống sót hay không. Họ không màng tới tổn hại tâm lý sẽ bám theo cô suốt đời,” tôi cất cao giọng.

Trước khi chia tay lên chuyến bay Pan Am rời phi trường Tân Sơn Nhất, Liên Phương nắm tay Thắng, “Chú rán làm sao đừng có chết để mai mốt gặp lại con *nghen*.” Nước mắt chảy dài trên má; lần đầu tiên từ khi rời khỏi nhà, cô khóc – không thành tiếng.

Farmington là một thành phố nhỏ cách Hartford thủ phủ Connecticut khoảng 10 dặm Anh. Với vốn liếng Anh ngữ không quá dăm ba câu chào hỏi, Liên Phương được đưa đến trường tiểu học, làm quen với các sinh hoạt học đường lạ hoắc, và bị bọn học trò Mỹ khinh khi chế biếm. Ở nhà, được “uncle John” và “aunt Mary” (vợ ông Frazer) dạy thêm tiếng Anh, nhưng cô học phần lớn bằng cách xem *ti-vi* và thu băng các tuồng *ti-vi* thông dụng phát hình mỗi tối như *Brady Bunch* và *Bionic Woman* rồi ban đêm nghe lại trong khi ngủ để nhập tâm lời đối thoại.

Chín tháng sau, ông bà Văn và gia đình của hầu hết các em bà di tản ra khỏi Việt nam và định cư ở Falls Church, và Liên Phương về sống với cha mẹ và chính thức trở thành “người tỵ nạn trong cộng đồng lưu tán (diaspora).” Cô bị đẩy vào trường trung học công và trải qua bốn năm cô độc và cô đơn. Suốt thời gian đó, ngày nào cô cũng đứng cùng một chỗ tại trạm chờ xe buýt đi học, nhưng không hề nói chuyện hơn hai câu với một người bạn cùng trường. Liên Phương học rất giỏi, nhưng thường bị bọn học trò quái ác gọi là “con Vi-Xi,” “*mu mu mu*” (tiếng kêu của bò, tiếng Anh “cow” đọc lên nghe giống như họ của cô), “gook” (tiếng miệt thị gọi dân Á châu), v.v. Ông giáo sư toán ghét bỏ cô ra mặt, không những xia xối cô ở trường mà còn tới nhà ông bà Văn (gần nhà ông ta) chỉ mặt, “Sao cô không cút về xứ cho rồi?”

Liên Phương ngậm đắng nuốt cay một mình, không thổ lộ với người lớn vì biết họ có bao nhiêu chuyện điên đầu khác phải lo. Cô vui đầu vào việc học, rảnh rang lúc nào chui vào thư viện công cộng nghiên cứu sách vở lúc đó. Cô khám phá ra ngôn ngữ và văn chương là một nguồn an ủi tinh thần lớn lao khi tình cờ đọc được tập thơ *The Wasteland* (Khu hoang địa) của T. S. Elliot (1988 - 1965). Cô tìm thấy trong tập thơ những khắc khoải đốn đau của chính mình, cảm thấy cuộc chiến bên nhà là hoang địa, và nghĩ tới làm sao hàn gắn vết thương sau khi thoát khỏi hoang địa.

Liên Phương tốt nghiệp với điểm trung bình gần như hoàn hảo, không hoàn hảo vì ông thầy toán có óc kỳ thị không cho cô điểm cao nhất. Nếu trung học đối với cô là một kinh nghiệm kinh hoàng thì đại học là một cộng đồng trí thức tuyệt vời để học hỏi, trao đổi kiến thức và quan điểm với giáo sư và bạn bè. Đại học Mount Holyoke ở South Hadley, Massachusetts là một đại học nhân văn dành cho nữ sinh viên. Cô tốt nghiệp cử nhân chính trị học *Magna Cum Laude* (tối danh dự) và lãnh phần thưởng thủ khoa.

Năm hai mươi ba tuổi, Liên Phương được nhận vào trường Luật Đại học Yale ở New Haven, Connecticut nổi tiếng thế giới. Cô học giỏi, được bạn bè và giáo sư kính trọng và yêu mến, và năm thứ ba (năm cuối cùng) được cử làm biên tập viên của *Yale Law Journal*, một tạp chí đăng khảo luận luật pháp của các giáo sư của trường, một vinh dự không dễ gì mà có. Thăng bay từ *Ca-li* lên dự lễ tốt nghiệp của cô.

Ra trường, Liên Phương làm luật sư cho hãng luật có tầm vóc quốc tế Paul, Weiss & Rifkind ở New York. Sáu năm sau, cô chuyển sang dạy luật khoa: đầu tiên bảy năm tại trường Luật Brooklyn ở New York; tiếp theo 12 năm tại trường Luật Đại học William & Mary ở Williamsburg, Virginia; và từ năm 2013 trường Luật Đại học Chapman ở Orange, California.

Liên Phương là chuyên gia luật thương mại, luật kế ước, và luật đầu tư quốc tế nổi tiếng. Tháng Ba năm 1996, cô và một đồng nghiệp tại Brooklyn được mời về Việt nam với danh nghĩa dạy một khóa ngắn hạn về luật thương mại tại Đại học Luật khoa Sài gòn và Hà nội. Lúc này, Hà nội chưa được nhận vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới WTO, đang mong mỗi Hoa kỳ xếp mình vào tình trạng tối huệ quốc (most-favored-nation status), và muốn làm màu rằng mình sẽ cải tổ luật lệ trong nước để tuân thủ luật lệ mậu dịch quốc tế. Bài giảng sửa soạn kỹ lưỡng, nhưng hai giáo sư Brooklyn chỉ được mời thảo luận lấy lệ với chức sắc đại học và khi vào lớp tiếp xúc với sinh viên, trả lời các câu hỏi về hệ thống tư pháp Hoa kỳ. Liên Phương dùng thời gian còn lại của

chuyến đi để tìm lại dĩ vãng Sài Gòn xưa và về miền Tây thăm cậu Năm Quang, em mẹ cô. Năm 1975, cậu là Việt Cộng nằm vùng, thuộc phe thắng cuộc, và không di tản với bà Toại.

Đi Việt Nam về, Liên Phương ký hợp đồng với một nhà xuất bản tiếng tăm để ấn hành cuốn tiểu thuyết đầu tay, *The Bridge to Shadow* (Cây cầu đi về bóng tối). Tác phẩm này gây chấn động trong giới văn học Hoa Kỳ vì là cuốn sách đầu tiên mô tả chiến tranh Việt Nam qua nỗi lòng của một người Việt. Mùa thu 1998, vẫn làm giáo sư tại Brooklyn, cô được mời dạy một lục cá nguyệt ở trường Luật Đại học Duke, một đại học tư ở Durham, North Carolina với tư cách giáo sư biệt thỉnh. Cô có dịp gần gũi giáo sư Bill Van Horn, một chuyên gia luật hiến pháp lầy lùnh. Ông lớn hơn cô gần 30 tuổi, có con trai lớn lớn tuổi hơn cô, và đang chờ ly dị bà vợ thứ ba. Hai người quyết định có con với nhau, và năm 2002 bé gái Marlene ra đời; cô bé mang họ mẹ.

Sau đó, Bill và Liên Phương làm giấy giá thú và sống chung ở Orange, California. Trong căn nhà rộng thênh thang còn có một người thứ tư: Trúc, “mẹ thứ hai” của Marlene. Trúc là bạn thân của Liên Phương thuở ấu thơ ở Sài Gòn, di tản sang Vancouver, Gia Nã Đại, lấy chồng nhưng gia đình sớm đổ vỡ, và dời hẳn sang Hoa Kỳ ở với Liên Phương. Hai người đàn bà đi đâu cũng có nhau như bóng với hình, một bước không rời. Sống chung với vợ con vài năm, Bill lâm bệnh nằm liệt giường khá lâu rồi qua đời, thọ 85 tuổi.

Liên Phương thành công về nghề nghiệp, giàu sang, và bên ngoài bình thản trong đời sống hàng ngày, nhưng bên trong, cô mắc chứng đa nhân cách, một dạng rối loạn tâm thần. Mỗi khi cơn bệnh bộc phát, cô trở thành một người đàn bà khác; khi thì Mai, khi thì Cécile; và nói về mình như về một người thứ ba. Cô đi bác sĩ tâm thần đều đặn, nhưng chăm sóc hỗ trợ và tâm lý trị liệu chỉ kiểm chế và ngăn chặn triệu chứng tâm bệnh chứ không thể chữa khỏi.

Danh giá và tiền tài dư thừa, nhưng hạnh phúc bản thân theo nghĩa thông thường thì dường như vắng mặt cô “công chúa.” Thật đúng là,

Cây cao thì gió càng lay,

Càng cao danh vọng, càng dày gian nan.

(Ca dao)

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Sáu, 2023

Nhà Ngoại Giao Bất Ngờ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối tháng Ba, mùa xuân đã bắt đầu, nhưng thời tiết North Dakota còn lạnh. Buổi chiều đi làm về, tôi mở cửa vào nhà, cởi bao tay và áo ấm khoác ngoài, và vào nhà bếp tìm Quỳnh Châu. Nàng nấu cơm chiều trong lúc đợi tôi về. Đưa má cho tôi hôn, nàng cười thật tươi,

“Hôm nay chồng đi làm về mà ngó bộ hớn hử hơn mọi ngày, chắc được cô bồ cũ nào gọi hỏi thăm rồi. Thú thật đi, vợ này không ghen đâu.”

“Cô vợ dễ thương nói trúng chóc. Anh có cô bồ cũ mà mới hoài, giờ cô ấy đang có bầu ‘bé Thìn’ của anh,” tôi vuốt bụng bầu của Quỳnh Châu. Chúng tôi gọi đứa bé còn nằm trong bụng mẹ là “bé Thìn” vì năm nay là năm Mậu Thìn (1988).

“Em mong mình sinh con trai vì đọc báo thấy thầy tướng số bên Hương Cảng nói Rồng năm nay là con rồng cực quý 500 năm mới có một lần, sinh con trai tha hồ vượng,” chợt thấy bé Mạc chạy vào, nàng hỏi “Mạc, con thưa ba chưa?”

“Thưa ba đi làm về,” Mạc cúi đầu chào tôi và nói thêm, “Má, con cũng là Rồng. ‘Anh Hai’ là con rồng lớn, em bé là con rồng nhỏ.” Bé Mạc năm nay 12 tuổi.

Quỳnh Châu nhớ ra và lay tay tôi,

“Chồng chưa nói cho em biết tại sao cười chúm chím như bông hoa . . . mới héo.”

“Anh tặng em món tiền này,” tôi lấy trong cặp ra tấm chi phiếu \$1,000 của Công ty Tiệp ích Montana-Dakota (MDU), “Em được quyền xài *xả láng*, với điều kiện chỉ được sắm sửa các thứ đại loại như quần áo, giày dép, và son phấn mà không được mua bất cứ đồ dùng cần thiết gì trong nhà.”

“Sao kỳ vậy? Không phải tiền lương MDU của anh hay sao?” nàng giãy nảy.

“Mấy năm qua, nhờ vợ cho ‘sống chuồng’ ban đêm và cuối tuần lên sở làm việc và học hỏi, anh trở thành chuyên gia quốc tế trong lãnh vực trù hoạch nhà máy phát điện. Viện Nghiên cứu Điện năng nhận biết công trình của anh và trao tặng giải ‘Chuyển nhượng Kỹ thuật,’ em biết rồi.”

Viện Nghiên cứu Điện năng (EPRI) được thành lập năm 1972 ở Palo Alto, California sau vụ cúp điện rộng lớn ở vùng đông bắc Hoa kỳ cuối năm 1965 khiến cho trên 30 triệu người bị mất điện, và đồng thời giúp đương đầu với nạn khủng hoảng năng lượng đầu thập niên 1970. EPRI là cơ quan độc lập phi lợi nhuận được các công ty điện lực và cơ quan chính phủ tài trợ để nghiên cứu những vấn đề liên quan đến vấn đề phát điện, tải điện, và dùng điện, và giúp kỹ nghệ điện lực vượt qua các trở ngại kỹ thuật hiện tại. Tôi tiếp tục kể,

“EPRI gửi bằng tưởng lục và bằng đồng tuyên dương về cho ông tổng giám đốc MDU. Chiều nay, ông triệu tập nhân viên chứng kiến ông phát giải EPRI cho anh. Tiếp theo, ông phó tổng giám đốc bất ngờ trao thêm cho anh tấm chi phiếu một ngàn đô la này để thưởng công làm rạng danh công ty.”

“Vậy thì *mụ* vợ bụng bầu *to bành sụ* này lấy tiền liền *cái rụp*. Sau ngày ‘bé Thìn’ chui ra ngoài chơi với anh Mạc thì má bé cần áo quần mới cho vừa với kích thước thân hình mới.”

“Ba má,” Mạc đứng xó rớ nãy giờ và lắng nghe không sót một tiếng, “Má có công và được ba cho tiền, nhưng Mạc cũng có công vậy. Ba lên sở làm việc thì Mạc ở nhà cũng thiếu ba như má.”

“Biết ngay mà! Không có gì qua mặt được ‘anh Hai Thìn’ này cả,” Quỳnh Châu nheo mắt nhìn Mạc, “Má chia cho con một trăm đồng, nhưng phân ra mười tuần, mỗi tuần mười đồng. Chịu chưa ‘anh Hai’?”

Tôi và Quỳnh Châu chỉ cho Mạc quà vào những dịp như sinh nhật, Giáng sinh, và Tết ta, và ngoài ra, mỗi tuần cho Mạc *allowance* (“tiền lương”) năm đô la. Mạc muốn mua đồ chơi hay thứ gì đắt tiền thì phải dành dụm đến khi có đủ tiền mua nên chú bé khá chi li về chuyện tiền bạc. Chúng tôi ngạc nhiên thấy Mạc nhoẻn miệng cười,

“Cũng được. Con đợi khi nào má đẻ mới mua đồ đạc cho em bé.” “Đồ đạc” là chữ Mạc dịch từ tiếng Anh “stuffs.”

* * *

Sau bảy năm làm việc, tôi được thăng chức *senior engineer* là kỹ sư “cấp cao” (thâm niên hơn hay có kiến thức cao hơn “engineer”). Từ nhiệm vụ hoạch sách (planning) đường dây tải điện cao thế, tôi chuyển sang việc vạch kế hoạch xây nhà máy phát điện. Xây một nhà máy điện lớn có thể tốn hơn một tỉ đô la và mất từ tám đến mười năm mới hoàn thành. Một yếu tố chính của công tác này là kiếm được nguồn nhiên liệu thích hợp, ít tốn kém, và ổn định trong suốt thời gian nhà máy hoạt động, từ 30 đến 50 năm.

Đầu thập niên 1980, nhờ sự tiến bộ trong lãnh vực điện toán (máy điện toán chạy nhanh hơn, và phương pháp thảo chương tinh vi hơn), người ta có thể tìm giải pháp tối ưu cho hệ thống phát điện của các công ty điện lực lớn. EPRI đi tiên phong trong việc nghiên cứu và thuê công ty cố vấn Stone & Webster nổi tiếng soạn một bộ gồm năm chương trình điện toán gọi là Hệ thống Giải tích sự Bành trướng Hệ thống Phát Điện (EGEAS). EGEAS viết bằng FORTRAN, ngôn ngữ thông dụng trong việc tính toán khoa học.

Tại MDU, tôi là người đầu tiên phụ trách công việc tân kỳ này, được toàn quyền quyết định phương sách thực hiện, và phải tự lực giải quyết khó khăn mà không thể trông nhờ vào đồng nghiệp nào giúp đỡ. Trở ngại lớn lao nhất là EGEAS được thảo chương trên máy điện toán chính IBM cỡ lớn, trong khi MDU cũng như hầu hết các công ty điện lực của Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa (MAPP) mà MDU là hội viên dùng máy điện toán Prime trong các áp dụng kỹ thuật. Prime là một máy siêu điện toán thu nhỏ có khả năng tính toán cao.

Máy IBM và máy Prime có cấu trúc khác nhau. Bản EGEAS nguyên thủy chạy ngon lành trên máy IBM, nhưng không chạy trên máy Prime, đúng hơn là chạy mà cho kết quả sai. Nhưng không hề gì, trong vùng MAPP gồm năm tiểu bang Hoa kỳ và hai tỉnh Gia Nã Đại, tôi nổi tiếng về tài *debug* chương trình FORTRAN; “debug” là lùng kiếm chỗ sai trong chương trình điện toán. Trong suốt ba tuần lễ, tôi và anh thảo chương viên chính của Stone & Webster ôm ống nghe điện thoại làm việc với nhau mỗi ngày sáu tiếng đồng hồ. Anh chạy EGEAS trên máy IBM, tôi

chạy trên máy Prime, và chúng tôi thận trọng so sánh kết quả từng bước một. Nhờ vậy tôi tìm ra mọi chỗ không tương hợp và hoàn chỉnh bản Prime của EGEAS.

Trong ngành điện toán, người ta nói, “*Garbage in, garbage out.*” Nếu cho dữ kiện *ba lớp* (tiếng Pháp “*palabe*”) vào chương trình điện toán, nó sẽ chạy ra kết quả *ba lớp*. Nhận biết tầm quan trọng của dữ kiện “vào,” tôi tận dụng kiến thức về kế toán, thống kê, và kinh tế để thiết lập phương pháp ước lượng “chính xác” các dữ kiện như giá thành, phí tổn điều hành, giá nhiên liệu, v.v. trong tương lai của những loại nhà máy điện khác nhau. Tôi trình bày nghiên cứu này trong các cuộc hội thảo về EGEAS hàng năm do EPRI tổ chức và được đồng nghiệp nhiệt thành đón nhận.

Đồng thời, EPRI yêu cầu tôi phân phối bản Prime của EGEAS đến khách hàng dùng máy Prime, trong đó có Công ty Điện lực Do thái. Vào thời điểm EPRI thiết lập giải “Chuyển nhượng Kỹ thuật,” số khách hàng dùng bản Prime nhiều hơn số khách hàng dùng bản IBM nguyên thủy, và “Mr. EGEAS” – là tôi – được trao giải đầu tiên.

Ngoài ra, tôi dùng EGEAS để khảo sát giải pháp phát điện tối ưu cho toàn thể Tổ hợp Điện lực MAPP gồm hơn 40 công ty cung cấp điện trong phạm vi địa lý rộng lớn và viết bài khảo cứu tường trình kết quả gửi đăng trên *IEEE Transactions*, tạp chí kỹ thuật xuất bản định kỳ của IEEE (Hội Kỹ sư Điện và Điện tử thế giới). Giáo sư Abdullah thuộc Đại học Cairo tại Giza, Ai cập đọc bài khảo cứu và tiếp xúc với tôi để hỏi thêm chi tiết; Giza nằm bên bờ tây sông Nile nhìn sang thủ đô Cairo bên bờ đông. Ông cung cấp cho tôi đầy đủ dữ kiện về nguồn hơi đốt thiên nhiên của Ai cập tại vùng mỏ dầu rộng lớn trên bán đảo Sinai. Hơi đốt nằm trong túi dầu, hơi đốt ở trên, dầu ở dưới. Người ta bơm dầu lên, nhưng hơi đốt thoát ra thì phải loại bỏ bằng cách *flare* – đốt thành lửa ngọn liên tục trong không khí.

Nhờ EPRI giới thiệu, Công ty Điện lực Do thái xin gửi một *senior engineer* sang làm việc dưới quyền tôi và thực hiện những dự án do tôi chỉ định sáu tuần lễ để “learn the ropes” (học mọi cách thức). MDU chấp thuận, và một ngày đầu xuân Ariel đến Bismarck. Nói tiếng Anh khá lưu loát, anh kém tôi tám tuổi, dáng người nhỏ thó, và cuộc đời có vài nét tương tự như tôi. Anh sinh ra ở Cộng hòa Xã hội Xô Viết Moldova, một trong 15 nước cộng hòa của Nga xô, giáp giới Romania. Khi tốt nghiệp trung học, đậu thủ khoa kỳ thi trung học toàn quốc. Năm 18 tuổi, rời Nga xô nhập cư Do thái cùng với gia đình. Và đậu cao học về kỹ thuật điện ở *Technion*, tức là Học viện Kỹ thuật Do thái.

Với hiện diện khác thường của Ariel, nội san *Mondakonia* của MDU hãnh diện đăng bài phỏng vấn “hai kỹ sư từ hai phương trời cách biệt gặp nhau và sát cánh làm việc tại North Dakota.” Bài báo được trích lại và phổ biến rộng rãi trong các công ty thuộc Tổ hợp MAPP. Khi nói chuyện, Ariel có lối khôi hài khá thâm thúy. Thí dụ, trong giới kế hoạch điện lực, chúng tôi thường nói đùa,

Kỹ sư kế hoạch giỏi là người biết sếp anh ta muốn gì.

Điều này có đôi phần sự thực vì lắm khi không đủ dữ kiện để quyết định, chúng tôi “lôi kế hoạch từ trong không khí” và đề nghị lên dựa trên ý thích của *sếp*. Nhưng triết lý của Ariel *siêu* hơn,

Kỹ sư kế hoạch giỏi là người biết sếp của sếp anh ta muốn gì.

Về nước, Ariel được giao trách nhiệm soạn thảo chương trình bán trưởng hệ thống phát điện của Công ty Điện lực Do thái. Anh tham khảo ý kiến tôi thường xuyên, và tôi hỗ trợ bằng cách gửi cho anh những dữ kiện và khám phá mới nhất trong Tổ hợp MAPP. EGEAS chứng tỏ rằng trong hoàn cảnh hiện tại của Do thái, để đáp ứng nhu cầu dùng điện gia tăng nhảy vọt của dân chúng, giải pháp thích hợp duy nhất là xây nhà máy tua-bin chu kỳ tổng hợp dùng hơi đốt thiên nhiên làm nhiên liệu.

Vấn đề quan trọng nhất là nhiên liệu: Do thái không có hơi đốt, nguồn hơi đốt vô tận và rẻ tiền nằm bên bán đảo Sinai của Ai cập. Mặc dù đã gần mười năm trôi qua từ ngày Ai cập và Do thái ký hiệp ước hòa bình, các nhà lãnh đạo hai nước vẫn úy kỵ nhau và chưa thể thỏa hiệp. Với sự đồng ý của ông *sếp* anh là phó tổng giám đốc đặc trách kế hoạch, Ariel cầu cứu tôi,

Ba Hoa, có lẽ anh là người duy nhất có thể giúp chúng tôi ngăn ngừa nạn cúp điện hàng loạt rất có thể xảy ra ở Do thái trong những năm sắp tới.

Cuối năm ấy, khi dự cuộc hội thảo về EGEAS ở Boston, Massachusetts, tôi dàn xếp đi ăn tối và thảo luận riêng rẽ với giáo sư Abdullah từ Ai cập sang và với Ariel; hai người không được phép nói chuyện trực tiếp với nhau. Tôi tình nguyện làm trung gian cho hai bên thương lượng mua bán hơi đốt thiên nhiên, và trong hai tháng kế tiếp, bận rộn nhận “thông báo ra giá” (offer) từ bên A để chuyển sang bên B, rồi chờ “thông báo trả giá” (counteroffer) của bên B để chuyển lại cho bên A. Cứ như thế mà Abdullah và Ariel *cò kè bớt một thêm hai*, cho đến khi đạt tới thỏa thuận về hợp đồng được *sếp của sếp* và những viên chức cao hơn của cả hai bên chấp thuận. Theo đó, Ai cập và Do thái mỗi nước chịu một nửa chi phí xây cất hai ống dẫn hơi đốt từ bán đảo Sinai đến Haifa ở bắc Do thái, Ai cập cung cấp hơi đốt cho Do thái với giá phải chăng trong 20 năm, và hợp đồng có thể gia hạn. Phải cần hai ống dẫn để bảo đảm hơi đốt cung cấp cho nhà máy điện không bị gián đoạn.

Tết Kỷ Tỵ (1989) sau đó, tôi và Quỳnh Châu nhận được quà tết từ Do thái là một cánh tay làm bằng bạc, bàn tay nâng giữ quả địa cầu làm bằng hợp kim quý điêu khắc rất tỉ mỉ với chi tiết địa lý thực. (Ariel biết về Tết ta vì Do thái cũng dùng âm lịch dựa theo chuyển động của mặt trăng tương tự như âm lịch Á Đông.) Nhìn món quà quý giá đặt mua ở Paris, vợ tôi ví von,

*“Giải thưởng hòa bình Trung Đông của ông *dông* đây!”*

Vai trò ngoại giao của tôi khá thành công. Nhờ đó, tài nguyên thiên nhiên không bị phí phạm vô lý, và gần năm triệu dân Do thái sống thoải mái hơn.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 5 tháng Bảy, 2023

Bao La Như Biển Thái Bình

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Gia đình tôi tổ chức họp mặt nhân dịp lễ Độc lập, mừng 4 tháng Bảy, và gặp nhau đông đủ lần đầu sau ngày cha mất hơn bốn năm trước. Tôi và các em lái xe đường xa đưa gia đình đến Fort Collins, Colorado; trước hết gặp nhau ở nhà chú út Trọng. Fort Collins là thành phố đại học cỡ trung cách Denver thủ phủ tiểu bang không tới 40 dặm Anh về phía bắc. Tấn vợ Trọng đang mang bầu con đầu lòng, và mẹ ở đây sửa soạn giúp nuôi cháu sắp ra đời. Nghỉ lưng ở nhà Trọng một đêm, sáng hôm sau chúng tôi mang đồ tế nhuyễn, nồi niêu soong chảo, và thức ăn tươi để nấu ăn, và lái xe khoảng 40 dặm Anh đường đèo đến thành phố nghỉ mát mùa hè Estes Park. Đó là nơi đặt trụ sở Công viên Quốc gia Rocky Mountain. Trọng đã đặt thuê một căn nhà lớn có phòng ngủ cho mẹ và sáu gia đình, nhà bếp nấu nướng, và nhà bàn rộng ngồi ăn. Người ngoài gia đình, chúng tôi chỉ mời ông bảo trợ Gardner và mua vé cho ông bay từ North Dakota xuống Estes Park chung vui hai ngày với toàn thể gia đình tỵ nạn ông đã hết lòng giúp đỡ.

Lần đầu tiên trong đời, chúng tôi tự do trò chuyện, sung sướng hồ hởi, mà không phải e dè ái ngại vì sợ cha nghe thấy rồi chửi mắng. Mẹ, Tấn, và Liên (vợ Sang em kế tôi) tình nguyện lo bếp núc, đám còn lại chỉ việc ăn và đi chơi: chia thành từng nhóm đi bộ đường dài trong núi hay dọc theo bờ sông, đi mua đồ kỷ niệm, và dẫn trẻ em đi câu cá trong nhà. Nhà câu cá bán vé vào cửa, cho thuê cần và dụng cụ câu, và dẫn ra câu ở hồ nuôi cá. Cá câu được, sau khi được chụp hình với khách bằng máy hình Polaroid, đem cân tính tiền rồi làm sạch cho khách mang về; hình Polaroid cũng tính tiền với giá không phải chẵn. Buổi tối lễ Độc lập, chúng tôi lái xe ra bãi sông Big Thompson xem bắn pháo bông đến khuya.

Ngày cuối cùng ở Estes Park, tôi dẫn đầu đoàn xe sáu chiếc đi du ngoạn trên đường Trail Ridge nổi tiếng nhất Colorado, mang danh hiệu đáng nể là con đường nhựa cao nhất Bắc Mỹ, và lên cao tới 12,000 bộ. Đường này xuyên qua trung tâm Công viên Rocky Mountain và chạy qua những cảnh trí vô cùng ngoạn mục. Khi lên đến hẻm núi Forest Canyon gần đỉnh, sức mạnh của băng hà hằn vào lớp địa tầng, và tuyết trắng xuất hiện ở những khoảng trống hai bên đường. Chúng tôi ghé lại cho trẻ em, phần lớn sinh ở miền nam chưa bao giờ thấy tuyết, xuống xe nằm tuyết liệng chơi. Nhưng khi lên tới đỉnh núi, đoàn xe chỉ còn lại có ba chiếc, ba chiếc kia đã quay trở về. Về lại Estes Park tôi mới biết tại sao.

Mẹ ngồi ở xe thứ tư của Sang. Trông thấy tuyết, Liên làm *điều cô nương*, la hoảng, và lấy khăn trùm kín mặt khiến mẹ phát khiếp theo, “Đi về, đi về, nguy hiểm như *ri* mà thằng *Ba Hoa* dẫn cả nhà lên để mà chết à?” Mẹ quên băng rằng đối với những người từng sống mùa đông North Dakota như mẹ và anh em tôi và cả Liên, tuyết lai rai bên đường như thế chỉ là *chuyện lẻ tẻ*. Hai xe đi sau riu ríu theo lệnh mẹ, nhưng ba xe đi trước không hay biết cứ tiếp tục đi. Do đó, chỉ một nửa gia đình được dịp đứng trên đỉnh núi nhìn quanh toàn cảnh công viên Rocky Mountain và sau này có quyền khoe khoang đã lên tận cuối đường Trail Ridge.

Trong bữa cơm chia tay tối hôm đó, mẹ và anh em tôi bịn rịn với nhau vì không biết ngày nào mới gặp lại. Sáng hôm sau, tôi và Trọng sẽ lái xe trở lại Fort Collins, bốn em kia sẽ đi từ Estes Park về nhà hay tiếp tục đi nghỉ hè, và tôi sẽ ở nhà Trọng một đêm trước khi về lại North Dakota. Khi bia vào đủ *đô* (dose), Sang tức cảnh sinh tình đứng lên uốn éo hát bài “Lòng Mẹ” của Y Vân,

*Lòng mẹ bao la như biển Thái bình dạt dào,
Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào,
Lời mẹ êm ái như đồng lúa chiều rì rào.
Tiếng ru bên thềm trăng tà soi bóng mẹ yêu.*

Mẹ cảm động rơm rớm nước mắt. Như mọi lần, mẹ nghĩ ngay đến người chồng đã khuất,

“Bữa *ni* anh em *bây* sum vầy mà cha *bây* không còn để chứng kiến cho thỏa dạ.”

“Ngày còn sống, cha có triệu triệu cơ hội để anh em con vui vẻ sum vầy, nhưng cha chỉ nghĩ đến một mình cha, không đếm xỉa tới con cái. Mẹ nhắc làm gì cho thêm buồn?” Triết em kể Sang cố nói với giọng nhỏ nhẹ nhất.

“Dù *chi* đi nữa, *ông* cũng để ra *bây*,” mẹ buồn dàu dàu rồi quay sang tôi tỏ dấu trách móc, “Trước đây vài tháng, mẹ gặp *mụ* Hoài người Tuy Hòa. *Mụ* *nớ* với thằng con vượt biên qua Fort Collins đây hơn bốn năm *ni*, tội lắm *bây* ơi! Mẹ muốn kêu thằng nhỏ tới gặp anh em *bây*, máu mủ mà bỏ *răng* đành. Mà thằng *Ba Hoa* gạt phắt đi, làm *eng* làm *ả* không ngả mặt lên cho *em tam* nhờ!”

“Bà Hoài là ai, sao con chưa hề nghe nói?” Hồng Phúc vợ Triết nhanh nhẩu hỏi mẹ.

“Là cô *bồ* của cha ở Tuy Hòa, người ta đồn có con với cha. Cũng do vụ đó mà đời anh Sang *te tua như cái mền rách*, anh phải bỏ Tuy Hòa vào Sài Gòn ở với anh *Ba Hoa*,” Triết trả lời.

Ngày đó, Sang học đệ nhất (lớp 12) và qua lời đồn đại tình lẻ, biết cha đang *bồ bịch* với cô Hoài thư ký tòa Hành chánh tỉnh Phú Yên. Nó giận dữ đi tìm cô, định bụng mắng cô một trận, như thể đi “đánh ghen” giùm mẹ. Nhưng khi xáp mặt người đàn bà đẹp, chững chạc, và lớn hơn nó chín, mười tuổi, nó đâm ra vụng về buông ra lời chọc ghẹo không đâu vào đâu. Cô đem chuyện mách lại với cha. Cho rằng Sang gặp cô để ve vãn, cha giận điên người bắt nó quỳ xuống để cha xõn tóc, cạo trọc đầu, và lấy *ba-toong* đánh tới tấp và động bốt nhà binh lên người, đến khi nó gục ngã bất tỉnh nhân sự. Sau đó, mẹ gửi nó vào Sài Gòn ở với tôi.

Dù chưa bao giờ thương yêu hay thực tình kính trọng cha, tôi phải công nhận cha là nhà quân sự có tài và nhà hành chánh có khả năng. Ngoài nhiệm vụ cầm đầu tỉnh và tiểu khu Phú Yên, cha được ủy nhiệm làm tư lệnh lực lượng Đồng minh gồm căn cứ không quân Đông Tác của Hoa Kỳ gần Tuy Hòa và sư đoàn Bạch Mã của Đại Hàn đóng trong vùng. Trong sáu năm giữ chức vụ này, cha khai thông và giữ vững đèo Cả ở biên giới Phú Yên và Khánh Hòa để duy trì an ninh cho miền Duyên hải vì đèo Cả là cuống họng chiến lược của miền Trung. Cha yêu cầu Công binh Hoa Kỳ xây lại phần Quốc lộ 1 xuyên qua tỉnh nhà theo tiêu chuẩn mới nhất và xây thêm cây cầu mới bắc qua sông Ba, tức sông Đà Rằng. Cầu Đà Rằng của Tuy Hòa là cây cầu dài nhất miền Nam. Nhờ vậy, kinh tế tỉnh nhà phát triển, và dân chúng an bình.

Cha cai quản Phú Yên thành công và diệt Cộng tận rễ khiến Việt Cộng (“VC”) oán hận cha đến tận xương tủy. Đến giữa thập niên 2010, mặc dù nửa thế kỷ đi qua từ ngày cha rời Tuy Hòa,

lòng căm thù của chúng còn sôi sục, và trang *web* tuyên truyền của chính quyền VC ở Phú Yên còn *post* bài viết láo khoét phỉ báng cha là “tên Việt gian tay sai của đế quốc Mỹ tham lam tàn ác và dâm dục nhất trong lịch sử của tỉnh nhà, nó đã hút bao nhiêu máu mủ của nhân dân và hãm hiếp vô số gái tơ vô tội.” Bài viết không những ghi họ cha sai mà còn bịa chuyện kể rằng trong trận Tết Mậu Thân (1968), cha thua to, phải đem quân chạy, và trốn chui trốn nhủi. Thực sự, ngày đó không những cha *bằng chân như vại* mà còn tiêu diệt nguyên một trung đoàn bộ đội chính quy VC từ ngoài Bắc vào.

* * *

Ngày cha mất, trong lúc bận rộn tối tăm mặt mày lo việc tang lễ, tôi nhận được thư Mẫn con bà Hoài gửi cho cha. Cậu bé 16 tuổi cho biết mẹ con cậu vừa vượt biên sang đến Fort Collins và chỉ “viết vài hàng kính thăm bác.” Sẵn có tờ cáo phó bằng tiếng Anh, tôi cho vào bì thư gửi cho Mẫn mà không viết thêm chữ nào, và không nói cho ai biết.

Cuối năm sau, tôi đi công tác ở Denver và tình cờ gặp lại Thiên bạn học lớp đệ nhất ở Ban Mê Thuột. Thiên người Phú Yên, lớn hơn tôi bảy, tám tuổi, và gắn bó với quê nhà hầu như cả đời. Thiên và gia đình vượt biên cùng một đợt thuyền ra đi từ Tuy Hòa với mẹ con bà Hoài. Bạn tôi nói về bà Hoài,

“*Nếu* quê làng Phú Thứ như tao. Tụi tao học tiểu học trường làng với nhau, cùng về Tuy Hòa học trường trung học Nguyễn Huệ, và đậu Trung học Đệ nhất cấp một lượt. *Nếu* vô làm thư ký tòa Hành chánh tỉnh, tao tiếp tục học và có một năm phiêu lưu về Ban Mê Thuột học chung với mày.”

“Thiên thấy bà ấy có đẹp không?” tôi vờ *chọc quê* bạn.

“*Nếu* đẹp theo kiểu hoa đồng nội quê mùa mộc mạc dịu dàng, không đẹp nẩy lửa gợi tình như mấy bà mấy cô Sài gòn ông già mày từng nếm mùi mây mưa,” Thiên cười tủm tỉm.

“Thiên cũng biết vụ ông già tôi *tù ti tút tit* với bà ấy à?” nhưng tôi không ngạc nhiên.

“Hồi đó, con nít ngoài phố Tuy Hòa cũng biết chuyện đó. Sau năm 1975, tao ở Tuy Hòa thêm mấy năm nên biết thêm chuyện bí mật mà trước đây tụi *Vi-Xi* dẫu như dẫu cứt,” Thiên gạt gù kể tiếp.

Bà Hoài có người anh lớn ra Bắc tập kết năm 1954 lúc anh ta mới 17 tuổi. Mùa hè 1968, anh ta bỗng bí mật xuất hiện ở Tuy Hòa, sau khi bà làm thư ký trong văn phòng cha hơn hai năm, và chuyển lệnh “trên” cho người thiếu nữ nhu mì phải quyến rũ “thằng tỉnh trưởng đa dâm hiếu sắc.” *Mỡ tới miệng mèo*, họa chẳng trời sập cha mới từ chối, và đêm đêm hai người gặp nhau tình tự. Chú Minh trung sĩ vừa là tài xế vừa là cận vệ trung tín của cha kín đáo đưa cha đến nhà bà, kiên nhẫn ngồi đợi đến khi cha xong chuyện, và im lặng đưa cha về. Chú hiền lành mà *chịu chơi* – chiều chuộng anh em tôi rất mực – và được gọi là “Minh Mập” vì vóc dáng to lớn mập mạp của chú.

VC ngu ngơ tin rằng mỹ nhân kế trước sau gì cũng sẽ thành công, và cha sẽ đồng ý với thỏa hiệp ngầm “có lợi cho cả đôi bên”: Nếu cha ngó lơ cho chúng đưa quân chiếm đóng các quận miền núi Phú Yên, chúng sẽ nép mình nằm yên không tấn công các đồn bót quốc gia trong tỉnh, và nhờ đó cha sẽ có thành tích “bình định” hoàn hảo để báo cáo với thượng cấp. Chúng tự giảng

bấy cho mình mà không biết! Một thiếu phụ chất phác như bà Hoài làm sao đủ bản lĩnh để mà mất một sĩ quan cao cấp nửa đời kinh nghiệm phản gián như cha? Bà không khai thác được gì nơi cha mà ngược lại, bị cha khôn khéo dò hỏi và phẫn lần ra tin tức để Ban 2 (ban Tình báo) của tiểu khu theo dõi tông tích những tên VC nằm vùng. Cuối năm đó, hai tiểu đoàn VC nằm im ở quận Sơn Hòa và quận Đồng Xuân bị diệt trọn ổ, và tổ đặc công Tuy Hòa bị tóm trọn gói.

Tôi còn câu hỏi cuối cùng,

“Thằng Mẫn là con ông già tôi, phải không?”

“Mày làm to *lò tâm*. Sau một thời gian ngắn *trai gái* với ông già mày, *nẫu* lấy thằng Minh và đẻ ra thằng nhỏ. Con thằng Minh *chớ* không phải em cùng cha khác mẹ với mày,” Thiên cười hỉnh.

“Hay ông già ‘đúc cốt,’ và chú Minh ‘tráng men’?” tôi làm bộ chưa tin.

“Mày là nhà khoa học mà ăn nói lèm bèm như thằng bọm nhậu! Đứa con được tạo thành do tinh trùng của một – và chỉ một – người đàn ông kết hợp với noãn bào hay trứng của người đàn bà. Dù trước sau có bao nhiêu *đực rựa* đi ra đi *dzô* đi nữa, anh pháo thủ bắn trúng cái trứng là tác giả bào thai,” Thiên mắng nhẹ.

“Có chắc con chú Minh không?” tôi hỏi vớt vát.

“Chính miệng *nẫu* nói với tao và tất cả dân Tuy Hòa ở Denver đây mà sao không chắc? Hơn nữa tao sẽ cho mày thấy bằng cứ rõ ràng.”

Kể lời tường thuật của Thiên đến đây, để trả lời câu nói trách móc của mẹ, tôi lấy ra tấm hình màu cỡ 3 x 5 inch,

“Mẹ coi đây. Ngó thì biết thằng Mẫn con ai liền.”

“Ờ ờ . . .” mẹ chuyền tấm hình cho Triết và các em khác, “Cái mặt *nớ* in hết mặt thằng Minh Mập, còn ai vô đó nữa!”

Tôi vừa cất đi một gánh nặng âu lo trong lòng mẹ. Và nhận ra lòng chung thủy của mẹ đối với cha cũng *bao la như biển Thái bình*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 12 tháng Bảy, 2023

Nửa Kiếp Đàn Ông

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tôi làm việc cho Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU). Công ty là hội viên của Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa (MAPP) gồm hơn 40 công ty cung cấp điện cho khách hàng của năm tiểu bang Hoa Kỳ và hai tỉnh Gia Nã Đại. Để MAPP hoạt động, các công ty hội viên phối hợp cử nhân viên vào các ủy ban của MAPP. Hàng năm, khoảng giữa mùa hè, MAPP tổ chức hội nghị dành cho thành viên của những ủy ban này để họ vừa làm việc vừa giải trí tại một khu nghỉ dưỡng rộng lớn ở Brainerd, thành phố nghỉ hè ở mạn bắc tiểu bang Minnesota. Năm nay, trong phái đoàn MDU đi dự hội nghị có tôi và Gerri, anh là giám đốc nha Điều hành Hệ thống Điện và sếp của tôi, và hai đứa tôi có chân trong hai ủy ban khác nhau. Từ Bismarck sang Brainerd, chúng tôi lái xe công ty qua hơn 300 dặm Anh và mất gần sáu tiếng đồng hồ.

Hội nghị chính thức bắt đầu tối thứ Ba bằng bữa tiệc thịnh soạn ngoài trời, thịt nướng ê hề và bia uống thả giàn. Ủy ban họp buổi sáng, nhưng ai nấy đều hối hả họp cho xong rồi kéo nhau ra sân *golf*. *Golf* là môn thể thao thông dụng được ưa chuộng của dân làm việc văn phòng. Tôi không biết đánh *golf* và cũng không có hứng thú tập chơi món giải trí kiểu nhà giàu này nên đi bộ đường dài một mình trong rừng thưa, mang theo chiếc Walkman của Sony, và nghe Ý Lan, Vũ Khanh, và các ca sĩ Việt nam khác trong băng *cassette*.



Buổi chiều, ai không đi đánh *golf* có thể đi tàu *pontoon* dạo chơi và ngắm cảnh hồ. “Pontoon” là cái ống rỗng lớn hàn bit dùng làm phao nổi. Tàu *pontoon* đặt trên phao nổi, có đáy bằng phẳng cho khách đứng ngồi thoải mái, và di chuyển lặng êm trên mặt hồ. Chuyến du ngoạn kéo dài khoảng một tiếng rưỡi đồng hồ, trên tàu có đầy đủ bia và nước ngọt cũng như các gói *snack*, thức ăn vặt, khách tha hồ dùng. Hai tối thứ Tư và thứ Năm, chúng tôi ăn tối trong nhà ăn chính của khu nghỉ dưỡng rồi chọn đi xem diễn viên kịch vui, xem ban nhạc địa phương trình diễn, hay ra ngoài trời tụ họp tán gẫu với bạn đồng nghiệp ở công ty khác. Trời Minnesota mùa này mười giờ đêm vẫn chưa tối hẳn. Cuối cùng, sáng thứ Sáu họp xong thì đi ăn trưa ở nhà ăn trước khi lên đường về nhà. Nếu vội đi thì biểu nhà ăn bỏ thức ăn vào hộp *to go*.

Tôi và Gerri làm việc sát cánh bên nhau gần 13 năm nay. Anh trạc tuổi tôi, dáng người cao ráo, và mái tóc thưa gần như hói. Nhưng giọng nói trong và cao và nụ cười lộ hai chiếc răng khểnh khiến anh phẳng phất như đàn bà. Anh lập gia đình sớm với *high school sweetheart*, người yêu thuở học trò, và có bốn đứa con: ba trai một gái. Suzanne vợ anh dạy trường tiểu học, nhan sắc dưới trung bình, và không mấy khi niềm nở với bạn của chồng.

Tại khu nghỉ dưỡng, tôi và Gerri ở chung phòng, căn phòng lớn hai giường ngủ trong căn nhà dành cho 12 người. Đêm đầu tiên, đi đường xa mệt mỏi tôi đi ngủ sớm. Khoảng 11 giờ đêm, tôi chợt thức giấc vì tiếng sột soạt; Gerri không biết đi đâu về dò dẫm thay quần áo. Trong ánh sáng nhòe nhòe, anh đứng quay lưng về phía tôi, phơi bày chiếc quần lót phụ nữ. Anh cởi áo, chiếc áo sơ-mi phụ nữ, và choàng vào chiếc áo ngủ có hoa lớn dường như dành cho phụ nữ. Tôi ngủ thiếp đi, tự nhủ *sếp* mình là dân *transvestite*, đàn ông mặc áo quần đàn bà, một thói quen kỳ cục nhưng vô hại và không việc gì đến tôi. Hai đêm sau đều như thế. Tôi giữ kín chuyện này, không thổ lộ với ai.

* * *

Mỗi năm một hai lần Gerri nghỉ làm vì lý do sức khỏe. Tôi không biết anh bị bệnh gì và khi anh trở lại, không thấy bộ diện anh có gì thay đổi. Vài năm sau, mấy bà mấy cô trong sở ngồi lê đôi mách truyền miệng tin đồn nóng hổi: Anh dọn ra *apartment* ở riêng, đang ly dị với Suzanne, và ngoài giờ làm việc, mang tóc giả mặc áo quần phụ nữ đi khắp phố phường. Ban đầu tôi không tin và cố nói đùa,

“Vậy thì Suzanne chỉ việc cắt tóc ngắn mặc áo quần đàn ông thì hai người sẽ đẹp đôi lại ngay.”

Tôi nghe phong thanh Gerri thường kiểm soát đi họp xa mỗi tuần ít nhất một lần, đôi khi không cần thiết phải dự cuộc họp, và có khi yêu cầu Wayne, một *senior engineer* (kỹ sư “cấp cao”) làm việc dưới quyền anh, ở nhà để anh đi họp thay. Anh ra phi trường sáng sớm trong lối đàn bà, bay tới điểm đến, vào khách sạn ghi tên lấy phòng, và ra khỏi khách sạn bằng cửa sau đến nơi họp trong lối đàn ông. Chiều họp xong trở về khách sạn bằng cửa sau, anh vào phòng đổi lối và đóng vai đàn bà từ lúc đó đến sáng hôm sau. Tên anh là Gerri Lynn Pearson, và theo lối nhiều người Mỹ sinh dùng, anh viết tắt tên và tên giữa để thành “G. L. Pearson.” Do đó, hãng máy bay và khách sạn không biết người mua vé và thuê phòng là đàn ông hay đàn bà.

Rồi lời đồn đại thành sự thực. Gerri ra tòa án xin đổi giới tính trong giấy khai sinh từ “Nam” thành “Nữ,” yêu cầu MDU sửa hồ sơ với giới tính mới, và lấy tên giữa “Lynn” làm tên gọi mới. Lúc này, công ty còn bối rối vì một trường hợp tương tự xảy ra ở một ty điện lực nhỏ bên tiểu bang Montana. Hai năm trước, một “anh” thợ đường dây đổi giống thành “cô.” Cô phàn nàn bọn đàn ông trong toán thợ phẩm bình thô bỉ và đùa bỡn tục tĩu chịu đời không thấu. Luật sư của cô kiện MDU ra tòa với lý do cô bị quấy rối tình dục. Công ty phải trả tiền bồi thường khá bộn và đề nghị cô làm việc văn phòng, nhưng cô không bằng lòng. Công việc văn phòng không những không thích hợp với cô mà còn không trả lương hậu hỉ bằng thợ leo cột điện sửa đường dây.

Để tránh vết xe đổ, MDU tìm cách đuổi Gerri, bây giờ là Lynn. Nhưng làm sao để không vi phạm luật cấm kỳ thị giới tính? Biết dân North Dakota bảo thủ và sùng đạo, ít có ai chấp nhận việc đổi giống, luật sư công ty lấy bản miêu tả công việc của Gerri chia thành sáu nhiệm vụ chính mà muốn thi hành, Lynn phải giao dịch với sáu nhân viên chủ lực, trong số đó có tôi và Wayne. Nếu bất cứ ai trong sáu người không đồng ý làm việc với Lynn, nàng sẽ bị sa thải vì không thể thực hiện trách nhiệm đòi hỏi.

Nhìn khắp công ty, lúc này Lynn chỉ có một mình tôi là bạn. Với sự khuyến khích của Quỳnh Châu, tôi lần lượt gặp năm người kia và cố gắng thuyết phục họ,

“Tôi biết anh không thích sự thay đổi của Gerri, nhưng cần nhìn thẳng tại sao không thể làm việc với Lynn. Liệu lý do đó có đủ sức thuyết phục khiến anh nhẫn tâm cắt đứt nguồn sống của bạn đồng nghiệp, hay một người vô tội?”

Tôi thành công với bốn người. Còn lại Wayne, anh nổi tiếng ngoan đạo và bảo thủ. Tôi nói thế nào đi nữa, anh cũng khăng khăng không chịu. Cùng kể, tôi nhắc lại với con chiên Tin Lành thuần phác này câu chuyện “Người đàn bà ngoại tình” trong Tân Ước. Bà ta bị bắt vì phạm tội ngoại tình, và trước khi đưa bà ra ném đá đến chết, những người thuộc phái Pharisees hỏi ý kiến Chúa Giê-su. Ngài phán,

Ai trong các ông sạch tội, thì cứ việc lấy đá mà ném trước đi.



Tôi gay gắt lập lại ý câu nói đó với Wayne,

“Cho tôi biết Lynn phạm tội gì? Và nếu cô ta có tội đi nữa, liệu anh có muốn làm người ném đá duy nhất hay không?”

Wayne bằng lòng ký tên thuận làm việc với Lynn, nhưng từ đó chỉ gặp làm việc với nàng khi có sự hiện diện của một nhân viên thứ ba. Lynn lấy sáu tuần lễ nghỉ hè bay sang Thái Lan, trung tâm giải phẫu đổi giống của thế giới. Nàng trở về với bộ ngực mới toanh, và quả táo Adam trên cổ không còn, nhưng đáng cách đàn ông cứng còng không thể thay đổi một sớm một chiều. Sóng gió lại nổi lên ở MDU.

Xưa nay *restroom* (phòng vệ sinh) là nơi riêng biệt cho mỗi giới, nay Lynn phải dùng nơi nào? Nàng không muốn trở lại chỗ đàn ông, mà bọn đàn ông cũng chẳng muốn nàng lộ mặt vào. Các bà các cô thì giãy nảy, “Mấy mươi năm nay tôi chỉ biết Gerri là anh đực rựa, tại sao bây giờ phải dùng chung *restroom* với anh ta?” MDU đề nghị lấy riêng căn *restroom* nhỏ ở tầng trệt có khóa và gắn bảng “Unisex” để Lynn dùng. Nhưng nàng cương quyết, “Tôi là đàn bà làm việc ở tầng bốn, không có lý do gì không được dùng *restroom* đàn bà ở tầng bốn.” Công ty chịu thua. Bà phó tổng giám đốc đến gặp từng nữ nhân viên ở tầng bốn,

“Trên phương diện pháp lý, công ty bó tay. Nếu chị thấy chịu không nổi, làm ơn lên tầng năm dùng chung *restroom* với tôi.”

Từ một giám đốc nha cai quản gần 40 nhân viên với ngân sách hàng năm trên 50 triệu đô la, Lynn bị chuyển sang làm giám đốc Dự án Đặc biệt không có nhiệm vụ nhất định, không có nhân viên dưới quyền, và ngồi ở cái văn phòng nhỏ cạnh văn phòng tôi. Lúc này, tôi bận rộn ngập mặt với công tác hoạch sách, điều trần với các ủy ban tiện ích tiểu bang, và xin giấy phép xây cất

một nhà máy phát điện chạy than ở tiểu bang South Dakota cùng với hệ thống đường dây cao thế tải điện sang hai tiểu bang lân cận. Lynn trở thành phụ tá đắc lực cho tôi.

* * *

Lynn nói mình là phụ nữ bẩm sinh. Từ thuở bé, nàng đã mong được mặc đồ con gái, trang điểm, đeo nữ trang, và lê la nhiều chuyện theo kiểu con gái. Nhưng gia đình sùng đạo, cha mẹ dạy rằng con trai mà làm con gái là bệnh hoạn và trái ý Chúa. Lớn lên, đi học, lấy vợ sinh con, và làm việc cho MDU, nàng luôn luôn bị mặc cảm phạm tội do khát vọng muốn làm đàn bà già vò. Dưới áp lực của người thân, nàng vào các “dưỡng trí viện” của nhà thờ để mục sư ra tay trừ “cơn bệnh ma quỷ.” Cả thảy 14 lần. Những lần chữa trị thất bại đưa tới kết luận Lynn là người tội lỗi hết thuốc chữa, khiến nàng chán đời muốn tự tử triền miên, và có lần đẩy nàng vào bệnh viện tâm thần gần ba tháng.

Theo lời Lynn, nếu tiếp tục làm đàn ông, chẳng chóng thì chầy nàng sẽ kết liễu đời mình. Nàng quyết định chuyển giống và đón nhận bảo tố phũ phàng. Suzanne gặp luật sư làm đơn ly dị. Bệnh mẹ, các con lên tiếng từ “cha” và không muốn con mình (cháu nội và cháu ngoại của Lynn) dính dáng tới nàng. Cha mẹ anh em, trong số đó có người em trai làm mục sư, nhất định không dung “người con trai hoang đàng.” Lynn thành tứ cố vô thân, không bà con thân thích. Bạn bè cũ cũng như bạn đồng nghiệp lánh xa.

Con đường đổi giống thực sự trên cơ thể cũng lắm chông gai. Vì đó là cách thức một chiều, không thể trở lại tình trạng cũ, bác sĩ đòi hỏi trước khi giải phẫu Lynn phải sống trong lối đàn bà một năm để chắc chắn sau này không hối tiếc về quyết định của mình. Lynn cần làm việc để kiếm sống nên chỉ có thể “làm đàn bà” 50 phần trăm – vào sở làm việc trong vai đàn ông, ra khỏi sở thay hình đổi dạng thành đàn bà – và do đó cần thời gian dài gấp đôi. Đó là hai năm đằng đẵng Lynn cắn răng chịu đựng miệng thế đắng cay và lời dè bĩu chê bai của bạn đồng nghiệp.

Nhờ giọng nói vốn trong và cao, Lynn không cần trị liệu giọng nói, nhưng một tuần hai lần, phải đi nhổ râu bằng điện cho da mặt láng trơn. Hàng tuần đi cấy tóc vào đầu tóc thưa, hy vọng một hai năm sau sẽ không còn phải mang tóc giả. Hàng ngày phải uống kích thích tố để cho cơ thể tăng trưởng theo hướng phụ nữ, nhưng vì vậy dễ bị chứng máu đóng cục và do đó nguy cơ liệt tim. Nhưng chịu khổ sở nhất hẳn là “cô em” – bộ phận sinh dục mới được tạo thành do dao kéo và bàn tay của bác sĩ. Ban đêm ngủ, nàng phải đút dụng cụ vào để nong cho “em” khỏi dần dần ngậm miệng lấp bít. Tương tự như xô tai trẻ em, nếu không đeo khoen thì lỗ sẽ từ từ tự bít lại.

Mấy năm sau tôi tình cờ gặp lại mẹ Lynn ở văn phòng bác sĩ đo thị lực làm kính. Tôi chào; bà nhìn tôi không nói, đôi mắt bà buồn thắm thắm. Giá bà là mẹ tôi, tôi sẽ đánh đổi mọi thứ tôi có trên đời – kể cả tính mạng – để khỏi phải thấy đôi mắt buồn ấy. Sá chi tiếp tục sống *nửa kiếp đàn ông* bất đắc chí còn lại. Nhưng Lynn, hay Gerri, không phải là tôi.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 26 tháng Bảy, 2023

Như Múi Sầu Riêng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Quỳnh Châu thường nửa đùa nửa thực khoe với bạn là chồng nàng đi chợ bằng máy bay. Bismarck không có tiệm bán thực phẩm Á Đông nên nhân hàng tháng đi họp ở Minneapolis, Minnesota cách chúng tôi một tiếng đồng hồ bay, tôi mua đồ ăn Việt nam mang về: Lúc bay xuống Minneapolis, trên đường từ phi trường đến chỗ họp hay khách sạn, tôi biểu tắc-xi ghé lại tiệm Mekong bán thực phẩm Á Đông duy nhất của thành phố này và đưa danh sách các thứ Quỳnh Châu cần mua cho cô chủ tiệm người Hoa nói tiếng Việt rất sõi. Hôm sau, trên đường ra phi trường bay về nhà, tôi ghé lại tiệm, thùng đồ ăn đã đóng gói sẵn sàng, và tôi chỉ việc trả tiền rồi mang về.

Tôi đi họp ở Minneapolis vì được cử vào và làm chủ tịch Tiểu ban Thẩm định (“TBTĐ”) sự đáng tin cậy hệ thống điện của Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa (MAPP) mà công ty tôi là hội viên. Là chủ tịch TBTĐ, tôi xếp đặt chương trình nghị sự, chọn địa điểm họp (trụ sở MAPP hay khách sạn), và đề nghị thực đơn ăn trưa. Tôi thích ăn đồ ngọt, nhất là bánh ngọt Mỹ, và nhân cơ hội “sống chuồng” không có Quỳnh Châu, đòi thực đơn phải có hai món bánh tráng miệng. Tôi ăn tráng miệng trước, còn bụng mới ăn các thứ khác. Do đó, trong giới MAPP, tôi được mệnh danh “Two-Desert *Ba Hoa*.”

Nhân viên MAPP ngồi vào những ủy ban của MAPP với tư cách “thư ký” không có quyền biểu quyết. Thư ký có nhiệm vụ lo *logistics* (đại khái như việc ăn ở cho người dự hội nghị), ghi chép và lập biên bản buổi họp, và thi hành quyết định của ủy ban. Thư ký chính thức của TBTĐ là Dale, giám đốc kỹ thuật của MAPP, nhưng anh thường bận rộn nên giao nhiệm vụ cho Renée, một nhà nữ toán học người Miên trạc tuổi tôi.

Renée có dáng người tầm thước của đàn bà Á Đông và làn da “trắng” như người Việt. Nàng xinh xắn, hoạt bát, và nói tiếng Anh pha một thoáng giọng Pháp, dư âm của thời du học Paris. Cùng với hai đứa con, một trai một gái nay tới tuổi vào đại học, nàng đến Hoa kỳ tỵ nạn Cộng sản năm 1975 và định cư ở Grand Forks thuộc tiểu bang North Dakota, cách nơi tôi ở chừng 250 dặm Anh. Trở lại đại học và sau khi tốt nghiệp cao học toán chuyên về thống kê, nàng dọn về Minneapolis làm việc cho MAPP.

Vì công việc TBTĐ, tôi và Renée liên lạc thường xuyên với nhau, mỗi tuần nói chuyện điện thoại đôi ba lần. Buổi tối ở Minneapolis sau buổi họp TBTĐ, tôi thường mời nàng đi ăn tối cùng với các thành viên. Tôi đi họp thì chi phí ăn ở được công ty hoàn trả, khi về nhà điền và nộp *expense report* (tờ ghi công tác phí), và luôn luôn làm kê cả *bao giàn* phần ăn của nàng. Dần dần chúng tôi thân nhau hơn; khi thuận tiện, nàng tình nguyện lái xe đưa tôi ra phi trường. Ghé lại tiệm Mekong cho tôi lấy thùng đồ ăn Việt nam, nàng mua phẩm vật tặng Quỳnh Châu đưa cho tôi mang về. Khi chia tay, nàng khẽ nói “Au revoir!” và tự nhiên chìa má cho tôi hôn.

* * *

Buổi họp tháng Mười năm 1989 của TBTĐ có một điều khác thường: Cả Dale và Renée đều hiện diện suốt buổi, và Dale cầm cú ghi chép, trong khi Renée ngồi không và thỉnh thoảng nhìn tôi cười duyên. Phiên họp bế mạc khoảng ba giờ chiều. Biết tôi còn ở lại Minneapolis vì ngày hôm sau cần dự một buổi họp khác, Dale mời tôi dự tiệc chia tay với Renée. Hôm nay là ngày làm việc cuối cùng của nàng. Tôi hiểu ra tại sao Dale trở lại làm thư ký buổi họp. Trong diễn từ từ giã, Dale chúc nàng “may mắn trong việc theo đuổi nỗ lực tương lai,” một câu nói vẫn về khi không biết người sắp thôi việc sẽ làm gì. Tôi được mời trao quà chia tay cho nàng. Nàng nhận quà, ôm tôi theo thói tục người Mỹ, và ghé tai tôi nói nhỏ,

“Món quà này em sẽ tặng lại Quỳnh Châu. Đêm nay anh đi chơi với em *nghen*.”

Người tôi rúng động như bị điện giật. Renée dùng tiếng Việt nói với tôi – lần đầu tiên. Bằng giọng Nam ôn tồn và âu yếm. Nàng lại rủ tôi đi chơi, *date* (hẹn hò) kiểu Mỹ. Máu “anh hùng” bùng lên, tôi cười mũi trả lời bằng tiếng Việt,

“Đi thì đi, sợ gì? Chỉ sợ nửa chừng có người sợ rồi đòi về.”

“Anh nói thì phải giữ lời đó *nghen*. Đây là lần cuối cùng trong đời, nhỏ Renée này được gần anh,” nàng mừng rỡ.

Từ lúc đó, chúng tôi nói tiếng Việt với nhau. Renée đưa tôi đến tiệm ăn Pháp sang trọng nhất của thành phố và nói tiếng Pháp gọi món ăn và rượu vang, lịch thiệp và cao sang như một mệnh phụ người Pháp trong phim xi-nê. Nàng cười khúc khích,

“Hôm nay em bao, anh khỏi phải ăn gian khi điền *expense report*. Em giàu lắm, làm việc cho MAPP chờ thời chớ không phải để kiếm sống.”

“Mình làm việc với nhau ba, bốn năm nay mà anh hoàn toàn mù tịt không biết gì về em,” tôi sững sốt thú nhận.

“Anh ăn đi đã. Coi em ‘đi chợ’ có giỏi không?” nàng nâng ly rượu vang chúc sức khỏe, “Em sinh ra trong gia đình hoàng gia, từ nhỏ được gửi về Sài Gòn học trường Marie Curie với tên Pháp Renée và mỗi năm chỉ về nhà mấy tháng hè. Thành ra con nhỏ mê xí muối như con gái Việt nam *chính hiệu con Nai* chớ không khoái mắt bò hóc của người Miên. Sau khi đậu Bac II [Tú tài II Pháp], em sang Paris học toán ở Sorbonne. Nhưng khi gần xong cử nhân, em bị phụ hoàng gọi về gả chồng. Chồng em lớn hơn em mười tuổi, *ảnh* là vị tướng trẻ nhất quân đội Hoàng gia Khmer và thống lãnh một trong ba quân khu của Cam Bốt. Sau đó, hai đứa con em ra đời. Làm gì mà ngó em dữ *dzô*? Từ từ, em nói cho nghe, đêm còn sớm mà!”

Thì ra Renée là công chúa con “Ông Hoàng Đi Dây” Norodom Sihanouk, báo chí Sài Gòn dạo ấy gọi ông như thế. Ông là con một của công chúa Kossamak con vua Monivong và phò mã Suramarit. Thời Pháp thuộc, giống như ở Việt Nam, vua Cam Bốt ngồi làm vị, mọi việc quan trọng đều do vị toàn quyền người Pháp cai quản toàn cõi Đông Dương quyết định. Vua Monivong băng hà năm 1941, và mặc dù vua đã lập thái tử kế vị, Pháp đưa Sihanouk là cháu ngoại của vua, nhỏ tuổi hơn thái tử, lên nối ngôi cho dễ bề sai khiến.

Sihanouk không ngồi trên ngai vàng liên tục mà theo biến chuyển chính trị, đảm nhiệm nhiều vai trò cầm quyền khác nhau. Sau thời kỳ Nhật thuộc trong Đế nhị Thế chiến, năm 1953 Cam Bốt tuyên bố độc lập. Năm 1955, Sihanouk thoái vị, truyền ngôi lại cho cha là phò mã Suramarit, và thành lập đảng chính trị duy nhất của Cam Bốt. Đảng toàn thắng trong cuộc tổng

tuyển cử, và Sihanouk làm thủ tướng. Năm 1960, vua Suramarit băng; Sihanouk kiêm nhiệm chức vụ quốc trưởng, chức vụ tương đương với vua mới lập ra. Trong khi cuộc chiến diễn ra tại Việt nam, ông tuyên bố Cam Bốt là quốc gia trung lập, “đi dây” giữa hai phe Tự do và Cộng sản, nhưng thực sự là thân Cộng. Ông cho phép Việt Cộng (“VC”) chuyển vũ khí vào nam Việt nam qua hải cảng Sihanoukville và lập chiến khu ở biên giới Việt - Miên phía trong Cam Bốt. Ông cũng để Khmer Đỏ (Khmer Rouge, đảng Cộng sản Cam Bốt) tự do chiêu mộ cán bộ và thành lập quân đội võ trang.

Lúc uống cà-phê ăn tráng miệng – hai thứ bánh ngọt Pháp, tôi hỏi thăm thân thể nàng,

“Công chúa Renée, anh nghe nói cha em có sáu bà vợ và 14 người con. Em là con bà nào và con thứ mấy?”

“Ban đầu phụ hoàng lấy một diễn viên trong đoàn Kịch Múa Hoàng gia, nhưng bà không được hoàng gia chấp nhận nên hai năm sau ly dị. Bà vợ thứ hai kết hôn cùng năm với bà trước là má em, Công chúa Sanmoni con vua Monivong mà phụ hoàng kế vị. Em là con thứ tư trong số bốn trai và ba gái của má, nhưng nay chỉ còn hai anh trai còn sống.”

“Vậy mẹ em là em cùng cha khác mẹ với mẹ của cha em, ông phải gọi mẹ em bằng ‘dì.’ Em gọi ông bằng ‘cha’ hay bằng ‘anh’?” tôi hỏi cắc cớ.

“Người Miên em để dãi về chuyện đa thê và kết hôn với họ hàng hơn người Việt. Bà thứ ba và bà thứ năm của phụ hoàng cũng là công chúa con vua Monivong như má em.”

Ăn xong chúng tôi đi hộp đêm có ca sĩ khá nổi tiếng trình diễn. Tôi tiếp tục thắc mắc,

“Tại sao mệnh phụ phu nhân của một tướng lãnh quyền cao chức trọng lại trôi giạt qua Hoa kỳ một mình với hai đứa con?”

“Năm 1970, khi phụ hoàng sang Pháp chữa bệnh, Tướng Lon Nol đảo chánh, lập ra Cộng hòa Khmer, làm tổng thống, và được Mỹ và Việt nam Cộng hòa giúp đánh Khmer Đỏ. Chồng em theo phe đảo chánh, được thăng chức lớn hơn và trọng dụng. Khi đó em khám phá ra *anh* đã bí mật có gia đình với người khác và có hai con với *cố*. Em giận *anh* ôm hai đứa con về nhà mình, dinh công chúa phụ hoàng xây riêng cho em.”

Renée rủ tôi ra sàn nhảy. Tôi nhận lời nhưng, “Em phải đưa anh đi, anh nhà quê không biết nhảy đâu.” Nàng dựa đầu lên vai tôi thủ thỉ,

“Sau cú đảo chánh, nội chiến bùng nổ giữa Cộng hòa Khmer của Lon Nol và Khmer Đỏ của Pol Pot như bên Việt nam. Năm năm sau, phe Lon Nol thua to, và ngày 1 tháng Tư năm 1975 ông từ chức và trốn sang Mỹ. Ngày 12, Mỹ đem trực thăng di tản nhân viên các tòa đại sứ và các nhân vật quan trọng của chính phủ Cộng hòa Khmer. Em nghe tin liền đem hai đứa con chạy đến địa điểm trực thăng ‘bốc’ là sân vận động gần tòa Đại sứ Mỹ và di tản sang căn cứ Không quân U-Tapao ở Thái Lan. Rồi được đưa sang đảo Guam và sau đó sang Mỹ tỵ nạn như anh. Chồng em và nhiều nhân vật chính phủ khác bị Khmer Đỏ hành quyết ngay sau khi tị nạn vào Nam Vang ngày 17.”

“Mười ba ngày sau, Sài gòn của anh cũng thất thủ!” tôi bồi hồi nhớ lại.

“Anh biết không, em vừa ra khỏi nhà thì chồng em đưa cô vợ và hai đứa con kia về ở trong nhà em và dùng áo quần, đồ trang sức, và mọi thứ khác của mẹ con em. Không may cho họ, Khmer Đỏ vào tưởng họ là mẹ con em và bắt đi thủ tiêu. Có người thế mạng, em chính thức

bị liệt kê ‘mất tích dưới chế độ Khmer Đỏ’ nên đứng ra công chúa Renée này không hiện hữu trên đời.”

“Em nói hôm nay là lần cuối cùng, tại sao?”

“Em đã gửi gắm hai con cho ông anh lớn ở Connecticut. Mọi việc thu xếp xong xuôi, chỉ chờ gặp anh để vĩnh biệt. Chiều mai em lên máy bay về Cam Bốt qua ngã Paris,” nàng cười trong nước mắt, “Phụ hoàng được thần dân thương yêu và tôn thờ như thần thánh mà phải bỏ ba xứ người gần 20 năm nay. Nay bên nhà sắp có tổng tuyển cử, em về nước để phụ với các anh chính đốn đảng chính trị của người, vận động dân chúng bỏ phiếu tái lập nền quân chủ lập hiến cho Cam Bốt, và giúp người trở lại ngôi vua cầm đầu quốc gia.”

Sau khi bị Lon Nol lật đổ, Sihanouk trốn sang Bắc Kinh và Bình Nhưỡng (Bắc Hàn), lập chính phủ lưu vong và lực lượng kháng chiến, kêu gọi dân chúng nổi dậy chống lại chính quyền Lon Nol, và ủng hộ Khmer Đỏ trong cuộc nội chiến. Khmer Đỏ thắng trận, ông trở về, được phong làm quốc trưởng bù nhìn, và chứng kiến Pol Pot tàn sát hơn ba triệu người; Cam Bốt lúc ấy vốn vẹn có tám triệu dân. Ông từ chức quốc trưởng nhưng bị giam lỏng trong cung điện đến năm 1979, khi quân đội VC xâm lăng Cam Bốt, dẹp bỏ chế độ Khmer Đỏ, và lập ra Cộng hòa Nhân dân Cam Bốt. Ông lưu vong trở lại, cầm đầu chính phủ liên hiệp gồm nhiều đảng phái, chống lại chính phủ do VC dựng lên, và được Liên hiệp quốc công nhận là quốc trưởng hợp pháp của Cam Bốt. Cuối thập niên 1980, hai phe lâm chiến thảo luận tìm giải pháp hòa bình và đề nghị Liên hiệp quốc đứng ra tổ chức tổng tuyển cử.

Chúng tôi ra khỏi hộp đêm sau nửa đêm. Renée cười cười nói như đùa,

“Tối nay anh hỏi em bao nhiêu là câu hỏi. Giờ em chỉ hỏi một câu thôi: Tối nay em về khách sạn với anh làm đêm không ngủ *nghen?*”

“Không biết nữa,” tôi lưỡng lự, “Nhưng có lẽ không tiện đâu em.”

“Bộ anh sợ em dính bầu hả?” nàng vẫn cười.

“Chắc cũng đâu đó. Em còn sứ mạng cực kỳ quan trọng trước mặt,” giọng tôi nghiêm trang hơn.

“Tội nghiệp anh! Mất đi một dịp thưởng thức bông hoa xứ Chùa Tháp thơm *như múi sầu riêng,*” nụ cười của nàng đẹp lạ lùng, xuyt nữa tôi đổi ý.

Không hiểu vì sao tôi không nhận lời. Hay là múi sầu riêng lá ngọc cành vàng đó chỉ để tâm phục và ước ao?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 9 tháng Tám, 2023

Ác Ma Làng Vắn

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Thời học chung với Bảo ở trường kỹ sư, tôi thường bị người bạn lúc nào cũng đạo mạo nghiêm trang như ông cụ non la rầy, “Sao lúc nào tôi cũng thấy ‘ông’ hấp ta hấp tấp, *lật đật như sa vật ống vãi?*” Tôi cũng biết vậy vì ở nhà mẹ thường nói, “Thằng *Ba Hoa* khi *mô* cũng *sơn sớ sơn sác* như gà mắc đẻ,” nhưng vốn cứng đầu thích cãi,

“Bảo xem, một ngày chỉ có 24 tiếng đồng hồ, ăn uống ngủ nghê tắm rửa và làm chuyện lật vật gần hết ngày giờ mà còn bao nhiêu thứ khác cần làm. Không vội vàng thì cuối ngày tự hỏi, ‘Hôm nay mình làm được chuyện gì hữu ích?’”

Ngày đó, tôi *xất bất xang bang* với những khốn đốn tự mình gây ra, trong lúc Bảo có cơ hội un đúc khả năng lãnh đạo, hướng dẫn bạn đồng môn, và trước khi tốt nghiệp, nộp đơn xin đi du học Nhật Bản. Tháng Bảy năm 1969, Hoa kỳ phóng phi thuyền Apollo 11 chở phi hành gia đặt chân lên mặt trăng lần đầu tiên thì Bảo vừa ra trường. Nhằm quảng bá thành tích khoa học rực rỡ ấy với dân chúng Việt nam, sở Thông tin Hoa kỳ tuyển người giỏi khoa học, giỏi tiếng Anh, ăn nói lưu loát, và có khả năng thu hút sự ngưỡng mộ của người khác để cầm đầu chuyến thuyết trình diễn giải khắp các thành phố lớn miền Nam. Bảo được chọn.

Tôi về nhà nghỉ hè ở Tuy Hòa, ở đó cha giữ chức vụ cầm đầu tỉnh. Tôi mời Bảo ghé thăm khi phái đoàn Bảo thuyết trình ở Quy Nhơn cách Tuy Hòa 100 cây số về hướng bắc. Nhân đi thám sát địa thế bằng phi cơ trực thăng với vị tướng chỉ huy lực lượng Hoa kỳ trong vùng, cha cho tôi và Bảo tháp tùng. Trực thăng bay về hướng bắc ra đầm Ô Loan cách Tuy Hòa 22 cây số và thành phố Sông Cầu cách Tuy Hòa 70 cây số, Bảo tha hồ chụp hình và quay phim hai thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Phú Yên. Nhờ bạn, tôi được hưởng *ké cái ân huệ* ngàn năm một thuở của cha.

Bảo du học tại Học viện Kỹ thuật Đông Kinh, trường đại học lớn nhất của Nhật. Thấy bọn du học sinh miền Nam *ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản* hoành hành tác quái mà chính phủ Nhật cố tình làm ngơ, chàng tổ chức nhóm sinh viên chống Cộng, đi biểu tình cổ động cuộc chiến đấu anh dũng của Việt nam Cộng hòa (“VNCH”), ra bản tin liên lạc, và hợp tác với tòa Đại sứ VNCH đánh lại bọn Việt Cộng (“VC”) nằm vùng. Sau năm 1975, chàng mang tinh thần chống Cộng tích cực sang Toronto, Gia Nã Đại và chỉ với sự trợ giúp của một nhóm bạn trẻ tỵ nạn nghèo khó thiếu thốn mọi phương diện, đương đầu với đám thân Cộng nhớn như ở xứ này. Bảo lập nhóm Cộng đồng Người Việt Tự do và chủ trương nguyệt san *Xxxx Việt* làm phương tiện đấu tranh.

Bảo mừng rỡ khi được Ngử và vợ là Đan Hân lần la đến làm quen; ngày trước ở Sài gòn, Ngử là một nhạc sĩ và thi sĩ đang lên. Sau khi được Bảo nhận làm chủ bút *Xxxx Việt*, Ngử viết một loạt bài sỉ mạ và bêu diếu các nhóm thân Cộng ở Toronto, chẳng hạn như hội Ái hữu Người Việt tại Toronto (“AHNVT”), và chứng tỏ tài văn chương phi báng ngoại hạng của anh. Sau khi đề nghị chuyển *Xxxx Việt* thành tờ báo thương mại kiếm lời bị Bảo bác bỏ, Ngử nhẩy ra làm nguyệt san *Xyyy Vắn* và mở cơ sở xuất bản cùng tên, chọn tên “Xyyy Vắn” cốt ý để tên hai tờ báo viết tắt giống nhau, và để mặc Bảo và *Xxxx Việt* gánh chịu hậu quả của những bài viết ác độc.

Hội AHNVT gồm phần lớn những nam sinh viên từ miền Nam đi du học trước năm 1975; đã tốt nghiệp đại học ở Gia Nã Đại hay các nước khác như Hoa Kỳ, Tân Tây Lan, và Úc; và chọn ở lại hay trốn sang Toronto ở để khỏi về nước bị động viên. Bị những bài báo của Ngữ xỉa xói vạch mặt chỉ trán về thành tích không mấy đáng hãnh diện của mình, các nhà trí thức khoa bảng có *tật giật mình* bèn thuê luật sư lồi *Xxxx Việt* ra tòa về tội mạ lỵ phỉ báng cá nhân. Với tư cách chủ nhiệm tờ báo, *Bảo lãnh đũ*. Vụ án AHNVT dai dẳng đi theo *Bảo* và *Xxxx Việt* hơn mười năm, ngay cả sau khi tờ báo chống Cộng nhất hải ngoại đình bản.

* * *

Ngữ mang một lý lịch bí ẩn và ly kỳ. Anh là con tướng VC Nguyễn Đại Thăng. Mẹ anh là gián điệp Cộng sản thời Đệ nhị Thế chiến, hoạt động trong giới cao cấp của Pháp và Nhật để đưa tin tức cho Việt Minh, năm 1949 được gọi vào *bưng* sống với ông Thăng, và sinh anh tại Tây Ninh. Sau khi sinh, bà bị bệnh qua đời, để anh lại cho mẹ bà nuôi. Anh sống với bà ngoại và lập gia đình sớm. Vợ anh là cháu nội của Dương Quang Ngọc, một đảng viên Cộng sản tiền phong mà sau này VC dùng tên đặt cho mặt khu của chúng nằm gần Tây Ninh. Vợ chồng Ngữ có đứa hai con trai khi anh được VC đưa từ Tây Ninh về Sài Gòn hoạt động nằm vùng cuối thập niên 1960.

Ngữ tỏ ra là một nhạc sĩ có triển vọng với bài hát “Anh Sẽ Về” viết nước đôi; "anh" có thể hiểu là quân nhân VNCH, hay bộ đội VC. Nhờ đó, anh xâm nhập phong trào du ca ở Sài Gòn, được dịp quen biết và hát chung với vài nhạc sĩ du ca nổi tiếng, và viết văn và làm thơ gửi đăng thường xuyên trên tạp chí *Khải hành*. Anh gặp Đan Hân, cô nữ sinh Trưng Vương 18 tuổi con gái một trung tá Không quân VNCH lỡ bước mang bầu. Hoàn cảnh lỡ làng của nàng lại là cơ hội tốt cho Ngữ: Để có chỗ ẩn náu và che mắt cơ quan an ninh VNCH, anh cưới Đan Hân.

Thấy Ngữ bị cuộc sống đô hội và hạnh phúc mới thu hút và lơ là hoạt động, VC sai người triệu anh về Tây Ninh. Không muốn xa cô vợ mới xinh đẹp để trở về *bưng* với bà vợ quê mùa, anh đánh lừa VC bằng cách phịa tin mình chết và gửi cho *Khải hành*. Tờ báo loan báo “tin buồn” này và bên cạnh đăng bài thơ "Sao Vàng" trong đó anh kín đáo bày tỏ lòng trung thành với đảng. Theo lời Ngữ, năm 1973 anh nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức và ra trường làm đại đội phó địa phương quân thuộc tiểu khu Kiến Hòa. Anh cùng gia đình Đan Hân vượt biên đến định cư ở Toronto cuối thập niên 1970.

Ngay sau khi tách rời khỏi tờ *Xxxx Việt*, Ngữ viết thư nặc danh gửi tới cơ quan chính phủ Gia Nã Đại đăng quảng cáo những chương trình giúp đỡ dân tỵ nạn trên *Xxxx Việt*, xuyên tạc và nói xấu *Xxxx Việt*, và xúi giục cơ quan chuyển quảng cáo sang *Xyyy Vãn*. Không dè, cơ quan này gửi lá thư viết tay đó cho *Xxxx Việt*, *lòi ra mặt chuột* là bút tự của Ngữ. Rồi anh và Đan Hân *muối mặt* đến trụ sở hội AHNVT tình nguyện viết bài “đánh” *Xxxx Việt* trả thù cho họ. Thừa biết Ngữ là tác giả những bài báo “đánh” họ trước đây, họ từ chối, nhưng vẫn tiến hành vụ kiện *Xxxx Việt*.

Trong tay có tờ *Xyyy Vãn*, dưới chiêu bài “chống Cộng,” Ngữ tha hồ múa bút đâm thọc và chửi bới “kẻ thù.” Đan Hân vừa có tài làm báo vừa giỏi điều hành nhà xuất bản. Cặp bài trùng trở thành *sếp sòng* của nhóm văn nghệ sĩ người Việt ở Gia Nã Đại, bảo gì họ cũng phải bấm bụng nghe theo. Vì không những thời buổi ấy phải trầy vi tróc vảy mới có tác phẩm ấn hành mà còn

sợ hai người bày trò du côn. Khi nhà văn Văn Kỳ Viên, tác giả hai tập truyện ngắn do Xyyy Văn xuất bản, không bằng lòng vợ chồng Ngữ và mang tác phẩm mới sang nhà xuất bản khác, Ngữ bèn dở trò *ma giáo*. Hàng đêm, vợ chồng Viên đang ngủ thì nửa khuya bị điện thoại vô danh gọi tới chửi tục, phá giấc ngủ liên tục. Cuối cùng, Ngữ dùng máy *fax* gửi thư nặc danh đến sở làm của bà Viên, vu cáo Viên gian díu với nhà văn Nguyễn thị Hoài Bích. Bản *fax* nhận được có cả số điện thoại *fax* của nơi gửi – tờ *Xyyy Văn* – không biết vì kẻ ném đá giấu tay sơ suất hay cố ý. Gia đình Viên đổ vỡ.

Ngữ gia nhập hội Cựu Sinh viên Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức (“CSVSQBTĐ”) Ontario và xoay sở được cử làm cố vấn danh dự. Cựu sĩ quan quân lực VNCH tại mỗi vùng Bắc Mỹ kết đoàn thành một trong hai nhóm, tùy theo trường võ bị họ xuất thân: hội CSVSQBTĐ, hay hội Cựu Sinh viên Sĩ quan trường Võ bị Quốc gia Việt nam. Nhờ tài phá đám và chia rẽ thượng thừa của Ngữ, chẳng bao lâu hội CSVSQBTĐ chỉ còn le ngoe vài mạng trong ban chấp hành; họ nhắm mắt tuân lệnh anh và được tờ *Xyyy Văn* ủng hộ hết mình. Những hội viên kia bất mãn tách ra lập hội Ái hữu Võ khoa Thủ Đức Toronto; thành phố Toronto thuộc tỉnh Ontario. Hai phe Thủ Đức công khai chống đối và nhục mạ nhau chí chóe, khiến mọi người mất hết tin tưởng vào anh hùng *Cư An Tư Nguy* (muốn sống yên ổn phải nghĩ đến hiểm nguy, châm ngôn của trường Bộ binh Thủ Đức) VNCH.

Vợ chồng Ngữ là hội viên Văn bút Việt nam Hải ngoại (“VBVNHN”). Văn bút được thành lập năm 1978 tại Paris, được Đại hội đồng Văn bút Quốc tế (PEN International Congress) công nhận, và chú trọng vào việc phản đối chính sách đàn áp nhân quyền của Hà Nội và việc quyên góp để trợ giúp văn nghệ sĩ bị cầm tù bên nhà. Điều lệ bầu ban chấp hành của VBVNHN kém minh bạch vì trong giai đoạn này không mấy ai chú trọng đến điểm đó. Lợi dụng nhược điểm này, trong phiên họp đại hội đồng VBVNHN cuối năm 1995, Ngữ và Đan Hân ra tay áp đảo và lũng đoạn ban chấp hành đương nhiệm và “đảo chánh” để lập ra cánh VBVNHN thứ hai.

Kết quả là VBVNHN tan tác và “lẳng lặng,” nghĩa là không hoạt động gì cả, trong nhiều năm. Ngữ liên tục giật dây hội viên hai phe để họ tố cáo và quy lỗi cho nhau. Hàng chục bài văn hay bài thơ bịa chuyện nói xấu hội viên phe đương nhiệm được gửi tới các báo bằng điện thư mà người ta đoán Ngữ là tác giả. Nhiều lần, để gây thù oán giữa hai người bạn, thí dụ như nhà văn nữ A và nhà thơ B, Ngữ dùng địa chỉ điện thư tương tự như bút hiệu hay tên thực của bà A để gửi tới báo bài viết “vạch trần chuyện bỉ ổi” của ông B, khiến ông và độc giả nghĩ do bà A viết.

Kẻ ác *ma* tung hoành trong làng văn làng báo hải ngoại chỉ úy kỵ mỗi một mình *Xxxx Việt*. Ngữ quyết tâm triệt hạ tờ báo giúp anh khởi nghiệp làm báo thuở ban sơ cho bằng được. Số báo *Xyyy Văn* nào cũng có bài chụp mũ anh em *Xxxx Việt* là VC, dù anh thừa biết những người này *ăn cơm nhà vác ngà voi* hoạt động chống Cộng vô vị lợi. *Xxxx Việt* phản công đăng những nguồn tin cho thấy lý lịch và quá khứ VC của Ngữ. Anh chối phăng. Anh lấy thơ đăng trong một tờ báo *Sông Hương* nào đó ở Huế, đánh máy lại, và gửi cho *Xxxx Việt*. Thấy thơ hay, *Xxxx Việt* đăng lên báo cho độc giả thưởng thức. Anh hô hoán lên *Xxxx Việt* thông đồng với VC, trưng ra trang báo gốc hần hoi.

Đầu thập niên 1990, biết chủ bút *Xxxx Việt* phải đi làm việc xa, Ngữ viết một bài phiếm luận bới móc và châm chích chuyện không mấy đẹp đẽ của những văn nghệ sĩ người Việt tiếng tăm ở Bắc Mỹ, và gửi cho *Xxxx Việt*. Người tạm phụ trách chọn bài lỡ tay cho bài “chạy” lên báo. Ở North Dakota, sau khi đọc bài báo, tôi rụng rời chân tay, gọi điện thoại cho Bảo, và nói trong nước mắt,

“Tờ báo mình đã gây thù chuốc oán với mọi người rồi Bảo ơi.”

Văn nghệ sĩ người Việt vốn dĩ có tự ái cao ngất tận chín tầng mây, thói hư tật xấu của họ cũng phải xem như cửa tiên của thánh, và hễ ai mà *phạm húy* là họ phang ngay các *mác* VC cho hả giận. Thế là từ đó, báo chí Việt ngữ ở California, Hoa Thịnh Đốn, và các nơi khác mỗi khi nói đến *Xxxx Việt* đều kèm theo nhãn hiệu “tờ báo Việt Cộng.” Chiến dịch vu oan tập thể khiến tờ báo mất dần quảng cáo, mất dần độc giả mua báo, và rút cuộc đình bản. Chỉ với một bài viết thâm độc, Ngữ thành công. Không còn kẻ thù, một mình một chợ thao túng làng báo Toronto.

Nhà thơ Kiều Phong (Toronto) bạn tôi tóm tắt hành vi của Ngữ trong bài thơ “Đập Cỏ Rắn Sợ, Lú Đầu,”

*Rắn độc cùng hung cực ác,
Hơn ba mươi năm tu luyện thành tinh.
Ra hải ngoại chui rúc trong cộng đồng mình,
Mặt ngoài ra vẻ chống Cộng cùng mình thứ thiệt.
Bụng dạ gian tà, ai biết? . . .*

Có lần nhà thơ chọc giận Ngữ, anh liền đăng báo tung tin Kiều Phong (Toronto) bị xe cán chết. Làm tôi tưởng thật bị một phen điếng hồn.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 23 tháng Tám, 2023

Ước Làm Tiến Sĩ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tháng Chín năm 1954, mẹ chào vĩnh biệt nội rồi dẫn ba đứa con – anh Quang mười tuổi, tôi sáu tuổi, và thằng Sang ba tuổi – rời làng quê Quảng Bình đi di cư vào Nam. Tàu cập bến Đà Nẵng, chúng tôi sống trong trại tạm cư vài tuần thì mẹ tìm ra người em họ của cha để tá túc; o Nậm có chồng làm trung sĩ Công binh và theo chồng rời làng đã lâu. Trong căn nhà mái tôn chật chội của trại gia binh, bốn mẹ con ở chen chúc với o dượng và hai cô con gái. Vài tuần sau tôi ngã bệnh. Lúc đầu mẹ xúc dầu trầm, cho uống Tiêu Ban Lộ, nhờ người chích lễ, và nấu nước xông. Về sau thấy bệnh tôi càng ngày càng nặng, mẹ và o Nậm mời thầy lang đến xem mạch. Thầy nói bệnh thương hàn và cho toa hốt thuốc. Mẹ sắc thuốc cho tôi uống, nhưng uống thuốc vào tôi lại nôn ra và nằm sốt mê man. Hôm ấy, tôi lơ mơ tỉnh lại nghe mẹ khóc thành tiếng,

“Con ơi, con đừng bỏ mẹ mà đi.”

Tinh thần tôi tỉnh táo nhưng mình và tay chân cứng đờ; hai bàn chân lạnh buốt và cơn lạnh lan dần lên thân mình. Bức màn đen dần dần che khuất thị giác, trước mắt tôi là khoảng không. Đột nhiên, một khuôn mặt quen thuộc hiện ra; anh Đồng nhìn tôi mỉm cười,

“Thằng Bé, mi chưa chết được mô!” “Thằng Bé” là tên gọi ở nhà của tôi.

Anh Đồng là anh họ tôi và mặc dù đã tứ tuần nhưng vai vế ngang hàng với tôi nên gọi mẹ bằng *mự* (thím) và nội bằng *ông*. Anh là người lớn duy nhất chịu kiên nhẫn nói chuyện với *thằng Bé* và cười đã lã cho xuôi chuyện khi bị tôi hỏi những câu kỳ quặc anh không trả lời được. Anh là người đã vác rương cho mẹ và đỡ anh em tôi lên “tàu há mồm” đi di cư. Như ở ngoài làng, anh vỗ vai tôi và từ tốn kể chuyện xưa chuyện xưa.

Ngày trước ông sơ (ông nội của ông nội) tôi và ông trưởng tộc họ Trần cùng *thương* cô gái đẹp nhất làng, nhưng gia đình cô nhận lời cầu hôn của họ Nguyễn và trở thành bà sơ tôi. Từ đó hai họ luôn luôn bất hòa. Hai đời sau, nội và ông họ Trần tranh mua một thửa đất để nơi rộng nghĩa trang gia tộc; một lần nữa họ Nguyễn lại thắng. Ông họ Trần cả giận rửa,

“Mồ mả họ Nguyễn chôn nhầm *ngưu mạch* – mạch con bò – đốt nát truyền đời.”

Con cháu họ Trần có tiếng học giỏi và thành đạt. Cùng lứa với cha, bên họ Trần có một kỹ sư và một linh mục, trong khi cha chỉ đậu tới *diplôme* (bằng Trung học Đệ nhất cấp). Anh Đồng vỗ nhẹ trên vai tôi,

“Thầy Trình nói *mi* thông minh sáng láng hơn người nên lâu lâu *ni* cả họ đặt hết hy vọng vào *mi*. Ông bà mình biểu *tau* về bắt *mi* sống lại.”

“Để *màn chi*?” hờn tôi hỏi.

“Mai mốt học giỏi hơn họ Trần cho tổ tiên hết nhục nhã,” anh bắt hờn tôi hứa và lập đi lập lại, “*Tui* học giỏi; *tui* phải sống.”

Anh Đồng nói sao hờn tôi nghe vậy chứ đối với *thằng Bé*, đi học có khác gì đi chơi lang bang trong xóm đâu. Hồi đó, *thằng Gái* (tên gọi ở nhà của anh Quang) là cháu đích tôn nối dõi tông

đường được *nâng như trứng, hứng như hoa* nên tám tuổi mà không chịu đi học, mẹ và nội nói thế nào cũng không nghe. Rồi nội tìm ra giải pháp, “*Bắt thằng Bé đi học với hấn cho có bạn.*” Tôi gượng gạo bằng lòng, nhưng phải được ôm theo con gà cưng bỏ vào cái lồng nhỏ xếp thành hình quai vạc.

Ngày vào học trường làng, tôi chưa tới bốn tuổi. Thầy giáo – thầy Trình – không thèm ghi tên vào sổ và miễn cưỡng cho tôi bài vở cốt để tôi khỏi làm rộn các *trò* khác. Học và làm bài xong, tôi tự động ra sân chơi một mình và đợi con Chắt đem đồ ăn vặt giữa buổi của mẹ tới; nó là cháu nội duy nhất của anh Đồng và cùng tuổi với *thằng Gái*. Trước ngày chúng tôi đi di cư, thầy Trình đến gặp mẹ cho biết *thằng Gái* học ngang với lớp ba (lớp 3) và tặng tôi cuốn *Toán học Lớp Nhất* (lớp 5) của Trần Tiểu thầy gửi mua trong Huế,

“*Thằng Bé đã học hết sách của tui; cả năm ni tui cho hấn bài riêng không có trò mô hiểu tới.*”

Tôi không chết, dần dần tỉnh lại. Một tuần sau hết sốt và bắt đầu ăn trả bữa. Tôi giữ kín câu chuyện lúc “lâm chung” vì có nói cũng không ai thèm nghe. Gần nửa thế kỷ sau, tôi có dịp về Quảng Bình gặp lại con Chắt, lúc ấy là một bà già tàn tật. Nó cho biết anh Đồng bị Việt Cộng sát hại ngay sau khi tiếp thu làng vì anh không chịu “*học tập*” để đấu tố nội. Như thế, anh đã qua đời trước thời điểm tôi “*hấp hối*” ở Đà Nẵng.

Lớn lên, tôi hầu như luôn luôn gặp may mắn trong việc học hành thi cử, học tôi đứng đầu lớp, và thi tôi đậu đầu bảng nên mẹ nói tôi có “*quoi hơn*” phò hộ. Tôi đậu kỹ sư điện và hãnh diện là người đầu tiên trong dòng họ tốt nghiệp đại học, nhưng vẫn biết mình chưa theo kịp họ Trần. Rồi cuộc đời dun rủi khiến tôi học lên tiến sĩ kỹ sư. Mùa xuân 1975, tôi học xong mọi môn học đòi hỏi và hoàn thành luận án về truyền sóng điện từ, nhưng phải bỏ nước ra đi, không kịp trình luận án.

Ước vọng của tổ tiên, tôi vẫn nhớ. Nhưng so với niềm đau mất nước và những mất mát lớn lao khác, hột cơ hội đậu tiến sĩ là chuyện nhỏ.

* * *

Đầu thập niên 1980, tôi phụ trách mục “*Đố Vui Đố Chọc*” của tạp chí *Xxxx Việt* ấn hành ở Toronto, Gia Nã Đại do Bảo bạn tôi chủ trương, và thường ghé lại Toronto để tiếp tay với các bạn *Xxxx Việt*. Trong một chuyến viếng thăm, tôi nghe Bảo nói chuyện “*Tiến sĩ CETA*” (người Việt đọc là “*xê-ta*”) Cung Thái Giao mà báo chí Việt ngữ đang thắc mắc. CETA là chương trình huấn nghệ của Đạo luật Bao quát về Nhân dụng và Huấn nghệ năm 1973 nhằm cung cấp việc làm từ 12 đến 24 tháng cho những người lợi tức kém hay bị thất nghiệp dài lâu. Trong thời gian huấn nghệ, người tập việc trong hãng xưởng được trả lương như nhân viên thực thụ, nhưng chính phủ liên bang hoàn trả lại số tiền đó cho chủ.

Ngày ở Ban Mê Thuột, tôi đã nghe tiếng giáo sư Giao dạy Việt văn ở trường trung học La San K’Buôn Ban Mê Thuột. Mặc dù không có bằng Tú tài I, ông được học sinh và các *frère* quản đốc kính trọng và yêu mến vì dạy hay và ăn nói lưu loát. Nhờ khéo giao tế, ông xoay sở đổi về dạy trường La San Taberd Sài Gòn; ngoài giờ dạy, được giao thêm công việc trong tờ báo và cơ sở ấn

loát của tòa Tổng Giám mục Sài Gòn; và từ đó bước vào nghề viết báo viết văn. Ông là đồng tác giả bút ký lịch sử nổi tiếng *Làm Thế Nào Để Lật Đổ Một Nền Cộng hòa* xuất bản năm 1971.

Sang Hoa kỳ định cư ở Silver Spring, Maryland thuộc vùng ngoại ô Hoa Thịnh Đốn, Giao thường gửi bài bình luận thời sự hay biên khảo đăng trên các báo Việt ngữ, trong số đó có *Xxxx Việt*. Gia đình ông “ăn *welfare*” (nhận trợ cấp của chính phủ), ông phải theo chương trình CETA. Không ai biết ông học nghề gì trong 18 tháng huấn nghệ, nhưng sau đó người ta thấy ông bắt đầu thông vào các bài biên khảo, dưới dạng phụ chú, tham chiếu luận án tiến sĩ có đề tài "Vai trò của thương buôn người Hoa trên thị trường lúa gạo Việt nam 1865 - 1965" với tên ông là tác giả. Ông không tự nhận mình có bằng Tiến sĩ, nhưng khi đăng bài, tờ báo nhận biết và trình trọng giới thiệu tác giả là Tiến sĩ Cung Thái Giao. Ngay cả khi in sách, ông cũng không trực tiếp nhận mình có bằng Tiến sĩ mà trích đoạn bài báo gọi ông là “Tiến sĩ” để in lại ở bìa sau.

Bảo đưa cho tôi xem phụ chú cuối bài viết mới nhất của Giao trên *Xxxx Việt*,
[12] *Giao, Cung The. 1980. The Role of the Chinese Merchants in VN's Rice Market 1865 - 1965. Ph.D. thesis, Georgetown University, Columbia.*

Trước cặp mắt chờ đợi của Bảo, tôi cười khà khà,

“Tôi đã gặp thằng bạn cũ bỏ học đi lính trước khi học hết đệ ngũ [lớp 8] mà sang đây lớn lối xưng có bằng Cử nhân Văn khoa. Rồi có ông thượng sĩ già oai phong vỗ ngực xưng là đại tá. Nay có thêm ông ‘Tiến sĩ CETA’ nói không có sách, mách không có chứng. Chỉ cần đọc cái phụ chú này, tôi dám chắc người viết nó chưa bao giờ đặt chân đến trường đại học Mỹ.”

“Thật không?” Bảo nóng lòng.

“Này nhé, trước hết là chữ ‘Việt nam’ bị viết tắt thành ‘VN.’ Đối với người Việt, đó là chuyện tự nhiên, nhưng đây là nhan đề của luận án tiến sĩ, viết tắt là lỗi lầm không thể tha thứ; một nhà khảo cứu người Mỹ muốn tìm hiểu đề tài luận án sẽ phải hiểu ‘VN’ là gì? Thứ hai, ông Giao dịch chữ ‘luận án’ từ tiếng Pháp ‘thèse’ ra tiếng Anh ‘thesis’ mà không biết ở đại học Mỹ, ‘thesis’ là luận án cao học; luận án tiến sĩ là ‘dissertation’! Thứ ba, cái đuôi dốt nát thò ra khi ông ta ghi trường Đại học Georgetown nổi tiếng nằm ở ‘Columbia,’ thay vì ‘District of Columbia.’ Người Việt quen dịch ‘D.C.’ thành ra ‘Quận Columbia,’ và ông ta cho rằng chữ ‘Quận’ không cần thiết nên bỏ đi và ghi địa điểm ‘Columbia’ không ai biết là cái gì hay ở đâu.”

Tôi quên bằng chuyện này cho đến đầu thập niên 1990, khi vụ “Mặt trận kiện báo chí” xảy ra. “Mặt trận” là Mặt trận Quốc gia Thống nhất Giải phóng Việt nam, một tập hợp gồm một số tổ chức chính trị và võ trang, do cựu Phó Đề đốc Huỳnh Công Mai lập ra năm 1980 với mục đích khôi phục đất nước từ tay Cộng sản. Những năm đầu, được mọi người Việt tỵ nạn ủng hộ nhiệt thành, Mặt trận lập chiến khu ở Thái Lan và phát động "đấu tranh Đông tiến." Trong cuộc hành quân Đông tiến giữa năm 1987, ông Mai bị trọng thương và tỵ sát. Mặt trận bắt đầu phân hóa, các viên chức cao cấp dấu kín tin ông Mai tuần tiết và tiếp tục gây quỹ kháng chiến, nhưng dùng tiền vào việc kinh doanh riêng.

Mùa thu 1990, ký giả Lê Tú của tạp chí *Văn nghệ Tạp sự* ở Hoa Thịnh Đốn và bà vợ bị bắn chết trước nhà tại Bailey Crossroads, Virginia. Trước đó, trong nhiều số báo liên tiếp, ông viết bài châm biếm và đả kích Mặt trận thậm tệ. Tuy cục Điều tra Liên bang FBI và ty cảnh sát địa

phương ra sức điều tra mà không tìm ra manh mối, Giao viết ba bài bình luận đăng trên *Văn nghệ Tạp sự* quy kết Mặt trận là thủ phạm. Ông còn viết hồi ký ám chỉ nội bộ Mặt trận rất lam nham, và sách được nhà xuất bản Vũ Nguyên ở Houston, Texas ấn hành. Bị chạm nọc, ba tay đầu não của Mặt trận bèn thuê luật sư kiện Giao, chủ báo *Văn nghệ Tạp sự*, và chủ nhà xuất bản Vũ Nguyên về hành vi phỉ báng mạ lỵ, và đòi bồi thường \$550,000. Họ ỷ thế Mặt trận và dùng tiền để dẫn dắt ba nhà văn nhà báo nghèo mạt, và ngu xuẩn tin rằng sẽ thắng kiện trong môi trường tự do ngôn luận và tự do báo chí ở xứ này.

Cuối năm 1994, tòa Hòa giải Rộng Quyền quận Santa Clara ở San Jose, California xử vụ kiện. Giao là nhân chứng đầu tiên, ông nói tiếng Việt. Luật sư hỏi bằng tiếng Anh, thông dịch viên dịch ra tiếng Việt, Giao trả lời bằng tiếng Việt, và thông dịch viên dịch ra tiếng Anh cho quan tòa và bồi thẩm đoàn nghe. Để hạ uy tín Giao, luật sư nguyên đơn căn vặn về bằng tiến sĩ lơ mơ của ông. Ông khai,

Tôi có bằng Tú tài Việt Minh năm 1953 và đỗ bằng Cử nhân Việt Hán năm 1967. Năm 1974 tôi học hàm thụ École universelle de Paris của Pháp và đỗ bằng tiến sĩ. Cha mất sớm, gia đình nghèo, thuở bé tôi đi chăn trâu. Mẹ tôi buôn tảo bán tần nuôi tôi ăn học và mong tôi đỗ đến tiến sĩ. Tôi vừa học vừa đi làm vất vả và khi đạt mục đích, đem bằng tiến sĩ tới trước mộ mẹ, đốt cúng dâng bà.



École universelle là trường tư dạy nghề, không phải đại học, rất ít người biết tới. Trong khi quan tòa và bồi thẩm đoàn ngỡ ngác không hiểu tại sao ông lại đốt bằng tiến sĩ, đám cử tọa người Việt cười thầm vì ông làm gì có bằng tiến sĩ để mà đốt; vả lại, tín đồ Công giáo như ông đâu có lệ đốt vàng mã cúng người chết như người bên lương. Sau khi bồi thẩm đoàn tuyên phán bên bị thắng, ông chép miệng tiếc rẻ, “Thế mà *tứ* quên mất, không khai luôn cái bằng tiến sĩ năm 1981 tại Mỹ cho chúng nó nể mặt.”

Giao giỏi hơn tôi ở chỗ ông đã hoàn thành ước vọng của mẹ ông. Có điều, khó có ai chấp nhận lối *đi ngang về tắt* để đạt danh hiệu “Tiến sĩ” như thế.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 6 tháng Chín, 2023

Cây Kim Bọc Giẻ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sau chuyến di cư từ làng quê Quảng Bình vào Nam, biến cố đời thứ hai của tôi khởi sự vào ngày lễ Phật đản 1963. Đối với dân Huế, ngày kỷ niệm đức Phật đản sanh là lễ lạt lớn nhất trong năm. Ở các khu dân cư, ngoài việc treo hoa kết tụ tại nhà, ở mỗi khu phố, bà con góp công góp của giăng đèn và trang trí một khu tường niệm trưng bài cảnh ngài ra đời tại vườn Lâm Tỳ Ni, buổi tối mời thầy ở *khuôn hội* đến tụng kinh, và ăn mừng cho đến hết tháng Tư âm lịch. Khắp đất thần kinh, đâu đâu cũng nghe lời nhạc Phật đản vang lừng,

Vui mừng gặp ngày nay mừng tám tháng Tư

Ngày khánh tiết Phật Thích ca ngài

Hiện về Ca Tỳ La Vệ trong đời khổ nạn đức Từ bi . . .

(Bửu Bác)

Ngày lễ Phật đản, tôi dậy sớm để lên chùa Diệu Đế dự lễ và theo đoàn xe hoa rước lễ lên chùa Từ Đàm. Dưới ánh nắng chói chang, tôi đứng ở sân chùa Từ Đàm dự lễ chính thức và nghe Thượng tọa Tuệ Minh thuyết pháp đến gần hai giờ chiều. Buổi tối, tôi cùng với rất nhiều Phật tử tụ tập trước đài phát thanh ở chân hữu ngạn của cầu Trường Tiền chờ phát thanh lại buổi lễ và bài thuyết pháp hồi sáng, nhưng buổi phát thanh không đến. Rồi có tiếng súng nổ, và biến cố đau thương xảy ra trước mắt tôi. Sau đó, tôi đi theo đám biểu tình cầm cờ Phật giáo phản đối chính phủ trên cầu Trường Tiền đến hai giờ sáng mới về nhà. Mẹ lo lắng chong đèn đợi cửa, nhưng không la rầy vì thường ngày vẫn khoan dung cái thói “luông tuông lóc lách” của *thằng Bé* – tên gọi ở nhà của tôi.

Hôm sau, và mấy ngày kế tiếp, tôi hăng hái kể lại với mọi người những điều tai nghe mắt thấy. Nhưng những điều ấy không phù hợp với lời tuyên bố của “mấy thầy” và cũng không giống như tin tức của chính phủ loan báo trên đài phát thanh. Vốn là “*thằng Bé* lì lợm như trâu,” tôi gân cổ cãi cho bằng được với người lớn cả hai bên, và nhiều lần bị họ nổi nóng rượt đánh và dọa giết. Lo sợ cho sự an toàn của tôi, lúc ấy chưa tròn 16 tuổi, mẹ quyết định lẹ làng mà quyết liệt: đưa cả gia đình vào Ban Mê Thuật ở với cha. Từ nhiều năm nay, anh em tôi ở Huế với mẹ để đi học, trong khi cha đóng đồn và sống một mình trên thành phố cao nguyên đất đỏ.

Rời cố đô, quê hương của tôi gần mười năm, tôi vào thành phố lạ, không bạn bè, không người quen. Đó lại là một điều may mắn: Trong lúc tôi yên ổn dành hết tâm trí vào việc học, các bạn ngoài Huế bị biến động chính trị lôi cuốn và khống chế, ngày nào cũng xuống đường biểu tình, và không thể để tâm vào việc gì khác. Biến cố Phật giáo ở Huế đưa tới cuộc đảo chánh mùng 1 tháng Mười Một năm 1963. Tiếp theo, các tướng lĩnh quân đội tranh quyền tranh chức bằng cách chính lý, đảo chánh, và lập chính phủ mới liên liên. Trong tình thế bát nháo ấy, giáo sư, sinh viên, và nhân sĩ Huế không chịu thua kém. Đầu năm 1964, họ bắt chước Robespierre thời cách mạng Pháp 1789, lập ra Hội đồng Nhân dân Cứu Quốc (“HĐND CQ”), ra tuần báo *Thái độ* để làm cơ quan ngôn luận, và hô hào dân chúng đứng lên làm “cách mạng Phật giáo” dưới sự lãnh đạo của thầy Tuệ Minh.

Chủ tịch HĐNDCQ là Bác sĩ Luyến khoa trưởng Đại học Y khoa Huế, trước đó ông làm giám đốc Bệnh viện Trung ương Huế. Tôi biết chắc ông không thể là người tốt. Tám năm trước, thằng Sang em tôi, lúc ấy lên năm, bị bệnh nặng thở hoi hóp sắp chết. Mẹ cùng kế bên cùng anh Quang kêu xích lô đưa nó đến phòng mạch ông Luyến; phòng mạch ở mặt tiền, phía sau là nhà ở. Ông không thèm tiếp và sai người nhà ra đuổi, “Bác sĩ *mắc thời cơm*. *Mụ* đem thằng nhỏ về đi.” Mẹ khóc lóc nài nỉ, anh người nhà mắng nhiếc, “*Đã nói* ngài *mắc thời cơm*. *Mụ* nhà quê *ni rãng* mà lì lợm quá, hết khiến nổi.” Mẹ cam lòng đem em tôi về và theo lời mách thuốc của hàng xóm, mua dầu đu đủ (một loại thuốc xổ mạnh) cho nó uống để “súc ruột.” Thế mà nó không chết! Về nhà, anh Quang – lúc ấy 12 tuổi – tức tối kể,

“*Tau tức bể d... chưởi tổ cha hấn. Trỏ c... đái một trộ vô cửa nhà hấn.*”

Chẳng khác gì đảo chánh, HĐNDCQ ngang nhiên chiếm cứ cơ sở viện Đại học Huế và dùng tài sản của viện vào mục đích chính trị. Từ *Thái độ* đặt ngay ở nhà in viện đại học dưới chân cầu Bạch Hổ, sung công phương tiện của nhà in để ấn loát, đăng những bài báo chê bai cay độc quân lực Việt nam Cộng hòa, chụp mũ nhiều người Công giáo hiền lương và ghép họ vào tội Cần lao (đảng chính trị duy nhất dưới thời Đệ nhất Cộng hòa), và xỏ xiên mạ lỵ dân Công giáo di cư. Mỗi số báo đều có mục “Thư Thầy” là lời hiệu triệu của thầy Tuệ Minh và mục “Chén Thuốc Đắng” đả kích và bêu diếu “kẻ thù cách mạng” của Ba Cao, bút hiệu của Cao Hữu Thùy.

Thùy sinh năm 1937 ở Quảng Ngãi, là con đầu lòng của một gia đình năm anh em, và năm tám tuổi theo cha mẹ về nguyên quán ở Huế. Ông học trung học tại trường Khải Định (Quốc Học) rồi vào Sài gòn học Đại học Luật khoa, năm 1962 đậu cử nhân công pháp, và về Huế làm phụ khảo tại Đại học Luật khoa Huế. Ông là tổng thư ký tòa soạn *Thái độ* và ai cũng biết chính là tác giả của lá “Thư Thầy” hàng tuần.

Vị giáo sư đại học 27 tuổi thường được Tướng Thơ tư lệnh Sư đoàn 1 đóng bản doanh tại Huế mời ăn cơm. Bấy giờ, ông Thơ là một tướng lãnh có nhiều thế lực chính trị đối với chính phủ trung ương ở Sài gòn. Giữa tháng Chín, Thùy với tư cách phóng viên *Thái độ* đi máy bay quân sự với ông Thơ vào Sài gòn để “theo dõi cuộc hợp lực của Tướng Thơ và Tướng Kiên chống phá một âm mưu đảo chánh” đang diễn tiến. Tướng Kiên lúc này là tư lệnh Không quân, được coi là thủ lĩnh của phe tướng tá trẻ, và bị sinh viên Sài gòn gọi là “ông tướng *Không quân lạnh mư.*”

Thái độ là tờ báo chính trị không hề có nhu cầu gửi phóng viên đi quan sát để lấy tin, và hai ông tướng không thể ngu ngơ đến nỗi mở rộng vòng tay mời một tay phản loạn *vua biết mặt chúa biết tên* vào Sài gòn chứng kiến cuộc hành quân dẹp loạn của họ. Chuyển đi Sài gòn của Thùy hiển nhiên là để thương lượng giao ước có lợi cho cả ba người. Quả nhiên, đầu tháng Mười, tướng Thơ được thăng lên làm tư lệnh Quân đoàn I. Tháng Mười Một, *Thái độ* ra số cuối cùng, chào tạm biệt độc giả, và hẹn gặp lại. Tháng Mười Hai, Thùy nhận học bổng lên đường sang Pháp du học.

Vụ Phật giáo nổi dậy ở miền Trung bị dẹp tan, ông Luyến và các giáo sư viện Đại học Huế cầm đầu HĐNDCQ bị đuổi ra khỏi ngành giáo dục, nhiều giáo sư và sinh viên khác lộ chân tướng Việt Cộng nằm vùng *nháy núi*, và thầy Tuệ Minh được đưa vào Sài gòn an trí ở dưỡng đường Bác sĩ Nguyễn Vũ Lộc. Thầy tuyệt thực 100 ngày; thầy nói,

Có hai việc mà tuyệt thực tuyệt đối phải có. Một là phải có một tâm thức thanh thản, không buồn, không giận, không cầu hờ hờ gì. Không cầu chết cũng không sợ chết, tiếp cận hoàn toàn với đức hỷ xả của Phật. Hai là tuyệt đối không ăn, dĩ nhiên, cũng không uống, không chích bất cứ thứ gì.

Trong thời gian 100 ngày đó, thầy không ăn, không uống, và chỉ “dùng” nước sâm đại bổ do mấy tín nữ đứng tuổi ngày đêm túc trực dâng lên.

* * *

Sau năm năm học tại phân khoa Luật và Chính trị học của Đại học Paris, Thùỵ trình luận án tiến sĩ quốc gia về chính trị học với đề tài “Christianisme et colonialisme au Vietnam (1857-1914)” (Đạo Thiên chúa và chủ nghĩa thực dân tại Việt nam [1857-1914]). Luận án đồ sộ 563 trang in ronéo cỡ 20 x 26 cm đáng buồn thay chứa rất nhiều chi tiết sai lạc, phóng đại, và xuyên tạc. Tác giả nhiều lần bẻ cong ngòi bút để đi tới kết luận mong muốn. Thí dụ, trong cuốn *Divers Voyages et Missions* (Các cuộc hành trình và truyền giáo) xuất bản tại Paris năm 1653, giáo sĩ Dòng Tên và nhà ngôn ngữ học Alexandre de Rhodes (1593 - 1660) viết nguyên văn (bản dịch của Hồng Nhuệ, 1998),

Tôi tin tưởng nước Pháp là một nước đạo đức nhất thế giới, nước Pháp có thể cung cấp cho tôi nhiều chiến sĩ [soldats, là chiến sĩ Phúc âm tức nhà truyền giáo] đi chinh phục toàn cõi Đông phương đưa về quy phục Chúa Giê-su và nhất là tôi sẽ tìm được các giám mục, cha chúng tôi, và thầy chúng tôi trong các giáo đoàn [Église viết hoa]. Với ý đó, tôi rời bỏ La Mã ngày 11 tháng Chín năm 1652 sau khi tới hôn chân đức Giáo hoàng.

De Rhodes là người có công hệ thống hóa và san định chữ Quốc ngữ; ông biên soạn và giám sát việc ấn hành *Tự điển Việt - Bồ Đào Nha - La tinh*, cuốn tự điển Việt ngữ đầu tiên. Khi trích dẫn đoạn văn này, Thùỵ bỏ hai khúc “đưa về quy phục Chúa Giê-su” và “hôn chân đức Giáo hoàng” để người đọc hiểu “soldats” của de Rhodes là những kẻ đi xâm lăng chứ không phải nhà truyền giáo, và ngụy tạo lời de Rhodes (bản dịch của chính Thùỵ, 1988),

Tôi tin rằng: Pháp là nước ngoan đạo nhất thế giới, sẽ cung cấp cho tôi nhiều binh sĩ để đi chinh phục toàn thể Đông phương, cũng như ở đó, tôi sẽ có cách để có nhiều giám mục vốn là cha và các thầy của chúng ta ở trong các nhà thờ [église viết thường]. Tôi rời La Mã ngày 11 tháng Chín năm 1652 với ý định đó.

Những hành động gian trá như thế không thể có chỗ đứng trong bất cứ tác phẩm nào của một học giả, phương chi đây là luận án tiến sĩ của một đại học nổi tiếng nhất thế giới. Khốn nỗi, khi người ta khám phá ra trò bất lương của Thùỵ thì đã quá trễ: Ông đã “lỡ” lãnh bằng tiến sĩ và nhận một chân giáo sư dạy tại Đại học Picardie, một trường đại học nhỏ vừa chính thức mở cửa ở miền Bắc nước Pháp. Tại đây, ông kiêm nhiệm chức giám đốc một trung tâm nghiên cứu về Cộng đồng Âu châu và trong những năm kế tiếp ấn hành một số tác phẩm bằng tiếng Pháp về chính trị học và quan hệ quốc tế.

Năm 60 tuổi, Thùỵ về hưu và bắt đầu viết bằng tiếng Việt trở lại. Ông về Việt nam thăm viếng thường xuyên, viết bài đăng báo và đọc diễn văn ca ngợi và thổi phồng chính sách và đường lối

của đảng Cộng sản Hà nội lên tận chín tầng mây, và nhờ đó được Quỹ Văn hóa Phan Châu Trinh trao giải thưởng “vì sự nghiệp văn hóa và giáo dục.” Thùy cho dịch và in luận án tiến sĩ xưa thành sách, *Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt nam, 1857-1914*. Sách kịp xuất bản trước khi chính quyền Việt Cộng chột mở mắt, bốt ngu muối, và tôn vinh “tên gián điệp đội lốt tôn giáo” Alexandre de Rhodes thành danh nhân Việt nam, dựng bia ghi công ở Thư viện Quốc gia, và khôi phục tên trên con đường phía sau nhà thờ Đức Bà Sài gòn.

Về mặt văn chương, Thùy viết một số tản văn và luận đàm về Phật giáo. Đặc biệt là truyện ngắn “Chùm Tóc” mở đầu cuốn tản văn *Trò Chuyện*, trong đó ông nêu lên nỗi khắc khoải của một người đàn bà phản bội chồng và những băn khoăn của bà về hành động của một nhà sư khi ông “nói dối” để che chở bà. Nhiều người cho rằng Thùy viết truyện ngắn đó để bào chữa hoàn cảnh riêng của mình. Tuy nhiên, trước sau ông vẫn *thủ khẩu như bình* (giữ nhẹm, không nói ra như đóng nút miệng bình), không hề tiết lộ về quãng đời quá khứ đáng ngờ của ông. Có lần báo chí tường thuật một buổi ra mắt sách của ông và ghi tuổi của ông sai đến gần 10 năm, nhưng ông không cải chính. Vì cải chính sẽ phải lộ ra các chi tiết thầm kín.

Cuối năm 2019, thầy Tuệ Minh viên tịch, Thùy viết bài tưởng niệm thầy. Không biết vì trong cơn xúc động quên thủ thế giữ mồm giữ miệng, hay đến lúc mặc cảm tội lỗi đã chín muồi, ông miên man kể lại các diễn biến năm 1964 liên quan đến ông, từ *Thái độ*, thầy Tuệ Minh, HĐNDCQ, và tướng Thơ. Nhờ đó, kẻ hiểu chuyện phẫn lần ra sự thực: Giống như Judas Iscariot đã phản bội và bán Chúa Giê-su (lúc ngài 33 tuổi) với giá 30 đồng bạc, khoảng 1930 năm sau, Thùy phản bội và bỏ rơi thầy và HĐNDCQ để đổi lấy học bổng đi du học.

Cây kim bọc giẻ lâu ngày cũng lòi ra. Mà có lâu lắc gì cho cam, có 55 năm – ngắn hơn một đời người!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 20 tháng Chín, 2023

Cứ Tưởng Bở

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU) của tôi là hội viên của Tổ hợp Điện lực Vùng Trung-Lục địa (MAPP) có trụ sở đặt ở Minneapolis, Minnesota. Các công ty hội viên phân công cử nhân viên tham dự vào những ủy ban của MAPP, và tôi lần lượt được cử vào một số ủy ban và dần dần giữ chân chủ tịch một ủy ban kỹ thuật quan trọng. Mỗi ủy ban có một nhân viên MAPP ngồi vào với tư cách “thư ký” không có quyền biểu quyết. Thư ký của ủy ban tôi là Mark, một kỹ sư chừng 27, 28 tuổi làm việc cho MAPP khoảng ba, bốn năm nay. Người hơi mập mạp, nhưng dáng đi nhanh nhẹn, anh nói nhanh, tỏ vẻ xông xáo, và luôn luôn hăng hái nhận công tác mới.

Mark đậu kỹ sư tại Đại học Minnesota ở Minneapolis. Hồi đó, ban ngày anh đi học, ban đêm lái tắc-xi kiếm sống, và nay đang học lớp đêm chương trình cao học kỹ thuật điện. Anh là người Mỹ duy nhất tỏ thái độ lễ phép theo lối đông phương với tôi. Khi đưa cho tôi một vật gì, anh cầm hai tay và hơi cúi đầu xuống. Mỗi khi tôi yêu cầu anh làm điều gì, anh nghiêm nghị trả lời, “Yes, Sir!” Ban đầu, tôi tưởng anh đùa, nhưng ít lâu sau hiểu ra: Anh kết hôn với Miki, cô bạn học cùng trường cha mẹ là người Nhật và đang làm việc cho hãng luật. Ở Minneapolis, Mark tình nguyện đưa đón tôi ở phi trường và làm tài xế đưa tôi đi đó đây nên tôi thường ăn tối với vợ chồng Mark và trò chuyện với anh như bạn tâm giao.

Mark có hoài bão lớn, không muốn nằm gì ở MAPP tương đối ít có cơ hội thăng tiến. Anh nghĩ ra cách tạo danh tiếng cho mình để dễ kiếm chức vụ cao hơn trong kỹ nghệ điện lực: viết bài khảo cứu gửi đăng trên *IEEE Transactions*, tạp chí kỹ thuật xuất bản định kỳ của IEEE (Hội Kỹ sư Điện và Điện tử thế giới). Tạp chí này rất kén chọn và chỉ đăng những bài khảo cứu có giá trị, thường từ 15 đến 20 phần trăm số bài gửi tới, nên anh cần tôi giúp. Anh tham khảo với giáo sư ở Đại học Minnesota, đề nghị đề tài khảo cứu, và cùng tôi phác thảo cách thức nghiên cứu.

Tôi đệ trình dự án để ủy ban tôi đứng ra phụ trách việc khảo cứu. Với thẩm quyền của MAPP, Mark gửi *data request* (thư yêu cầu cung cấp dữ kiện) đến các công ty hội viên, họ có bốn phần thu thập và cung cấp dữ kiện mà MAPP đòi hỏi. Có đủ dữ kiện cần thiết, anh làm việc ngày đêm và cuối tuần để tính toán và phân tích – một công việc không phải dễ dàng hay đơn giản – và trình bày kết quả. Ủy ban duyệt lại, thêm ý kiến, và sau cùng hoàn tất và ấn hành phúc trình kỹ thuật chính thức mang tên Tổ hợp MAPP.

Dựa vào phúc trình này, Mark viết bài khảo cứu và gửi đến *IEEE Transactions*; tác giả là các thành viên của ủy ban với tên Mark (thư ký) hay tôi (chủ tịch) thay nhau đứng trước, tức là tác giả chính. Bài của chúng tôi thường được chọn đăng với lời khen ngợi của hội đồng tuyển chọn. Trong lịch sử MDU, tôi là nhân viên duy nhất của công ty có bài đăng trên tạp chí kỹ thuật có uy tín khắp thế giới này. Do đó, khi tôi có bài được chọn đăng và muốn trình bày ở hội nghị IEEE tổ chức nửa năm một lần, kỳ mùa hè và kỳ mùa đông, công ty sẵn lòng gửi tôi đi dự và đài thọ chi phí di chuyển và ăn ở cho suốt một tuần lễ.

Tháng Mười năm 1987, tôi dự hội nghị IEEE kỳ mùa đông ở Vancouver, Gia Nã Đại; lần đầu tiên tôi đến thành phố tuyệt đẹp, khoáng khoáng, và có hơn một nửa dân số là dân tứ xứ này. Hội nghị khai mạc suôn sẻ sáng thứ Hai, nhưng cuối ngày Mark báo cho tôi một tin đáng lo: Thị trường chứng khoán sụp đổ, trong một ngày chỉ số Dow Jones tụt xuống 508 điểm hay 22.6 phần trăm (mức suy sụp lớn nhất trong lịch sử), và đồng Mỹ kim mất giá hơn 30 phần trăm so với đồng Gia kim. Số tiền tôi mang theo để trả khách sạn và ăn uống chỉ còn 70 phần trăm so với hôm trước. Suốt tuần, tôi lo ngay ngáy sợ không đủ tiền nên ăn uống rất dè xẻn và ban đêm không dám gọi điện thoại viễn liên quốc tế (tính vào hóa đơn khách sạn) cho Quỳnh Châu như thường lệ. Dĩ nhiên, tôi cũng . . . quên mang quà ngoại quốc về cho nàng và bé Mạc. Đó là lần cuối cùng tôi dự hội nghị IEEE.

Khoảng một năm sau, Mark gọi điện thoại báo tin sẽ rời MAPP để làm việc cho Viện Nghiên cứu Điện năng (EPRI) ở Palo Alto, một thành phố nhỏ ở bắc California nổi tiếng trí thức với mật độ PhD cao nhất Hoa kỳ. EPRI là một cơ quan độc lập được các công ty điện lực và cơ quan chính phủ tài trợ để nghiên cứu phương pháp giải quyết các trở ngại kỹ thuật hiện tại trong ngành điện lực. Mark tháo vát, chịu khó, và thấu đáo nên được thăng chức nhanh, chẳng bao lâu làm giám đốc mại dịch có nhiệm vụ quản cố và cấp môn bài sử dụng sản phẩm của EPRI.

EPRI nổi tiếng trên thế giới nhờ đi tiên phong trong việc nghiên cứu và phát triển các chương trình điện toán tân kỳ, nổi bật nhất là Hệ thống Giải tích sự Bành trướng Hệ thống Phát Điện (EGEAS) gồm năm chương trình điện toán liên kết với nhau. EGEAS có thể dùng để tìm giải pháp tối ưu cho hệ thống phát điện của một công ty điện lực lớn: trong vòng 20 hay 30 năm tới, nên xây nhà máy điện loại nào, công suất bao nhiêu, vào thời điểm nào, v.v. để đáp ứng thích hợp nhu cầu dùng điện của khách hàng với tổn phí thấp nhất.

Ở MDU, tôi dùng EGEAS để hoạch định hệ thống phát điện tương lai và tuy không còn gặp Mark ở MAPP, gặp lại anh trong các cuộc hội thảo hàng năm về EGEAS do EPRI tổ chức. Cuối mỗi cuộc hội thảo, trước khi chia tay, chúng tôi cố gắng dành cho nhau một buổi tối để hàn huyên tâm sự. Một dịp như thế xảy ra vào mùa hè cuối thập niên 1990 ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Tôi cùng anh đến nhà hàng The Salt & Pepper Line bán hào s ống và đồ biển nấu theo kiểu New England, ngồi ăn ở sân gỗ có lan can nhìn ra sông Potomac, và nghe anh kể chuyện đi công tác Hà nội.

* * *

Mùa thu năm trước, qua tòa Đại sứ Hoa kỳ tại Hà nội, chính phủ Việt Cộng bắt tiếng muốn mua EGEAS để dùng trong việc “quy hoạch.” EPRI không mấy sốt sắng về chuyện để hạt châu sản phẩm trí tuệ của mình lọt sang thế giới Cộng sản, nhưng vì bộ Ngoại giao Hoa kỳ thúc giục, phải gửi Mark sang Hà nội thăm dò và quyết định có nên bán EGEAS cho Tổng Công ty Điện lực Việt nam (“TCTĐLVN”) hay không. Mark đã đi qua nhiều quốc gia trên thế giới, nhưng Hà nội là lần đầu. Như mọi khi, anh xem mục “Traffic Regulations” (Luật lệ lưu thông) của quốc gia sắp tới trong sách hướng dẫn du lịch. Thường mục này liệt kê những điều như: lái xe theo chiều lưu thông bên tay phải, được phép quẹo phải lúc đèn đỏ, cấm bấm còi trong khu dân cư sau 9 giờ đêm, v.v. Nhưng khi nói về Hà nội, sách ghi ngắn gọn,

Traffic Regulations: None (chẳng có gì cả)

Thật vậy, buổi sáng đầu tiên từ trong khách sạn bước ra lề đường, Mark chóng mặt với dòng xe cộ chạy như mắc cửi. Phần lớn là xe gắn máy và xe đạp, có vài chiếc xe hơi, và mạnh ai nấy chạy và bóp còi *tin tin* liên tục mà không cần ai nghe. Ai nấy đều mặt lạnh như tiền, nhìn thẳng về phía trước, và không mấy may đếm xỉa tới anh chàng ngoại quốc đang lính quýnh giỡm bước xuống đường nhiều lần. May thay có thằng bé ôm chông báo đến mời anh mua. Anh ra hiệu nói sẽ mua hết chông báo, nếu nó dắt anh sang bên kia đường. Anh trả cho nó số tiền tương đương với năm đô la và không lấy báo.

Đầu tiên, Mark họp với người đàn ông trung niên, ăn mặc chững chạc, và có chức tước dài ngoằng mà anh “dịch” ra là phó tổng giám đốc (“PTGD”) kỹ thuật của TCTĐLVN và một số kỹ sư dưới quyền ông ta. Họ biết tiếng Anh, không giỏi, nhưng đủ để hai bên hiểu nhau. Mark trả lời thỏa đáng mọi câu hỏi về EGEAS và cuối cùng đưa ra giá môn bài như sau. Ở Hoa kỳ, EPRI định giá dựa trên hai yếu tố: công ty lớn hay nhỏ (dựa theo tổng số công suất phát điện), và công ty là hội viên EPRI (đóng niên liễm hàng năm) hay không. Với một công ty nhỏ; nếu là hội viên, EPRI tính \$10,000; và nếu không phải là hội viên, EPRI tính \$50,000. EPRI dự định sẽ đặc biệt tính giá sau với TCTĐLVN. Mark rời Hà nội, trong cặp có tờ *letter of intent* (thư giao hẹn mua) do ông PTGD ký.

Tuy nhiên, sau đó Hà nội trở mặt, *cò kè bớt một thêm hai*. Đồng thời, bộ Ngoại giao Hoa kỳ làm áp lực đòi EPRI giảm giá với lý do Việt Cộng là nước chậm tiến, thiếu ngoại tệ, cần tiền mua thêm máy và dụng cụ điện toán để chạy EGEAS, v.v. EPRI nhân nhượng và bớt giá xuống \$25,000. Sau khi hai bên thỏa thuận về mọi điều khoản giao ước, để xác nhận, EPRI gửi bằng điện thư bản hợp đồng không có chữ ký cho ông PTGD TCTĐLVN. Mark trở lại Hà nội với hai bản hợp đồng chính thức in trên giấy mang chữ ký của PTGD EPRI, *sếp* của anh. Ông PTGD TCTĐLVN chỉ việc ký vào cả hai bản, gọi là *execute the contract* (thi hành hợp đồng), một bản ông giữ và một bản giao cho Mark. Anh sẽ trao cuộn băng từ tính chứa những chương trình điện toán EGEAS và một bộ dữ kiện mẫu, và việc giao dịch sẽ kết thúc.

Nhưng sự đời ở Hà nội không giản dị như thế. Vừa đến trụ sở TCTĐLVN, Mark được mời ra một nhà hàng rất sang trọng để ăn trưa với hơn ba chục nhân viên TCTĐLVN; họ chiếm trọn cả nhà hàng, không cho tiếp thực khách khác. Sơn hào hải vị ê hề; bia và rượu mạnh rót tuôn ra như nước lũ, nhưng Mark từ chối không uống vì EPRI cũng như những công ty Hoa kỳ khác cấm ngặt uống rượu trong khi làm việc. Sau bữa tiệc trưa gần ba tiếng đồng hồ, Mark được đưa về họp riêng với người đàn ông trạc ngũ tuần, gầy gò, và mang chức tước dài lòng thông tương đương với tổng giám đốc TCTĐLVN với sự hiện diện của thông dịch viên và ông PTGD. Ở đây, mọi đối thoại đều qua thông dịch viên; ông *sếp sòng* nói,

“Chúng tôi quyết định sẽ trả các anh \$50,000, thay vì \$25,000 như đã thỏa thuận.

Nhưng đó là số tiền ghi trong hợp đồng. Thực tế, các anh sẽ nhận được \$25,000.”

“Nhưng . . .” Mark lấp bắp; anh hiểu là chính phủ Việt Cộng sẽ chính thức xuất quỹ \$50,000, và bọn người thối nát sẽ giữ lại \$25,000 chia nhau bỏ túi.

“Tôi biết Hoa kỳ có luật cấm ngặt nhân viên nộp tiền hối lộ cho viên chức nước ngoài để đạt được hay duy trì công chuyện làm ăn,” ông PTGD cười nụ giải thích, “Trước hết, các anh

không hối lộ; tiền của chúng tôi, chúng tôi giữ lại mà thôi. Thứ hai, các anh không hề ra công tìm kiếm công chuyện làm ăn; chính chúng tôi tìm đến các anh.”

“EPRI có thể không bị truy tố bởi Đạo luật về Tập tục Thối nát tại Ngoại quốc năm 1977 như ông nói,” Mark lấy lại bình tĩnh, “Nhưng nếu hợp đồng ghi \$50,000 mà tôi chỉ mang về \$25,000 thì chính tôi không những sẽ mất việc mà còn bị tù về tội biển thủ hay gian lận sổ sách. Tôi rất tiếc không thể tuân lời.”

“Nếu vậy, anh có quyền về tay không. Nhưng nói cho anh biết, chúng tôi sẽ có cách để có chương trình điện toán đó,” ông *sếp sòng* nói chắc nịch.

Ông Việt Cộng không nói suông. Lúc Mark ra phi trường Nội Bài bay về Mỹ, hành lý của anh bị khám xét kỹ lưỡng, và cuộn băng từ tính chứa EGEAS bị tịch thu “vì lý do an ninh.”

* * *

Tôi thủng thủng bưng ly Coca-Cola lên miệng uống chờ đoạn kết. Tôi không tin một người thông minh có tài xoay xở như Mark lại để cho bọn Hà nội lưu manh cướp giật ngang xương như thế. Anh cười cười,

“Tôi nhớ anh luôn luôn nói Cộng sản là bọn người gian xảo nhất trần đời nên trước khi đi, dàn xếp với bộ Ngoại giao nhờ gửi cuộn băng EGEAS và sách hướng dẫn sử dụng về tòa đại sứ ở Hà nội bằng tín hàm ngoại giao. *Vi-Xi* ký hợp đồng và trả tiền sòng phẳng thì mới *tiền trao cháo múc*.”

“Còn cuộn băng bị chúng cướp thì sao?”

“Cuộn băng đó, tôi mang theo mình để làm cảnh. Nó chỉ chứa bộ dữ kiện mẫu để chạy thử.”

Tôi hình dung bộ mặt tiu ngầu của mấy anh Việt Cộng tham nhũng khi biết mình bị *tổ trác*. Thấy Mark là người đàn ông hào tử tế nên *cứ tưởng bở!*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 4 tháng Mười, 2023

Người Đẹp Trong Tranh

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày tôi là sinh viên trường kỹ sư dạy kèm cô nữ sinh Gia Long thùy mị dễ thương Quỳnh Châu, nàng hay kể những buổi hẹn hò hứng thú của Giáng Lê bạn nàng và họa sĩ Nguyễn Đài nổi tiếng. Có lẽ nàng kể để kín đáo khuyến khích tôi tiến xa hơn về mặt tình cảm, nhưng tôi giả bộ ngu ngơ không đáp ứng. Trong khi Giáng Lê công khai sa mê Nguyễn Đài bằng mối tình cuồng nhiệt, tôi yêu Quỳnh Châu bằng mối tình câm, không dám và không thể thổ lộ. Vì chỗ dạy kèm là phương tiện sinh sống và tự ái thanh niên không cho phép tôi lợi dụng hoàn cảnh thuận lợi để chiếm quả tim cô học trò ngây thơ. Và lại, nàng là em bạn tôi, tỏ tình mà không được đáp lại thì không những khổ đau vì tình mà còn mất bạn. Sau gần chín năm làm quân tử gàn, tôi *xăm mình* tỏ tình lần đầu tiên bằng cách *xin bàn tay* nàng, và một tháng sau, chúng tôi lấy nhau, cưới hỏi cùng ngày. Giáng Lê và Nguyễn Đài đã nên duyên vợ chồng từ lâu.

Nguyễn Đài sinh năm 1939 ở phố Thu Xà tỉnh Quảng Ngãi và là con trưởng trong một gia đình sáu anh chị em. Ông chọn bút hiệu “Nguyễn Đài” một cách tinh nghịch và lạ đời: lật tự điển cầu âu hai lần, lần đầu bắt gặp chữ “Nguyễn,” và lần sau bắt gặp chữ “Đài.” Ông lớn lên ở Sài Gòn, theo học trường Cao đẳng Mỹ thuật ở Gia Định, rời trường trước khi tốt nghiệp, và là hội viên sáng lập và tổng thư ký hội Họa sĩ Trẻ Việt nam (“HHSTVN”) thành lập năm 1965. Đến với HHSTVN, ông mang theo tầm vóc của một họa sĩ từng có tác phẩm trong nhiều cuộc triển lãm cá nhân và chiếc huy chương bạc đoạt được trong cuộc triển lãm Hội họa Mùa Xuân 1961. Ngoài lãnh vực hội họa, ông viết văn và làm thơ, cho xuất bản tập truyện ngắn *Sợi Tóc Ngàn Năm*, và giữ phần trình bày và minh họa các tác phẩm tiền chiến do nhà xuất bản Cảo Thơm in lại. Giữa những hoạt động sôi nổi, ông bất thần quay về sống ở Quảng Ngãi để, theo lời ông, trốn quân dịch và tránh né ái tình.

Trước đó, có lần Nguyễn Đài mang tới phòng triển lãm bức tranh “Chân Dung của Lê” ưng ý nhất trong số hơn một trăm bức tranh đã vẽ. “Lê” ở đây có lẽ là người đàn bà mà ông về Quảng Ngãi trốn lánh vì lúc này Giáng Lê còn là cô bé học lớp 1 tiểu học. Mười năm sau, do định mệnh đẩy đưa, Giáng Lê và Quỳnh Châu tò mò lạc bước vào phòng triển lãm của Trung tâm Văn hóa Pháp đang trưng bày tranh các họa sĩ trong HHSTVN. Hai cô mãi mê xem tranh cả buổi; trên đường về, Quỳnh Châu bình phẩm,

“Hội ‘Họa sĩ Trẻ’ mà sao thấy toàn ông già, ông nào ông nấy già *cúp bình thiếc?*”

Giáng Lê đâm ra mê tranh Nguyễn Đài rồi yêu luôn tác giả, bất chấp sự chênh lệch tuổi tác đáng kể. Dù bị gia đình cấm đoán, cô thường trốn học và bỏ đi lễ nhà thờ để đến nơi hẹn hò với ông. Ông đưa cô đi ăn phở bình dân, uống nước mía lề đường, và lặng yên nhìn cô hồn nhiên ăn uống. Họ cùng nhau đến phòng triển lãm La Dolce Vita trong khách sạn Continental, nơi trưng bày những tác phẩm do HHSTVN tuyển chọn. Cô riu riu theo ông ra quán cà-phê vỉa hè ở góc đường cạnh phòng triển lãm, quán La Pagode ở góc đường Lê Thánh Tôn và Tự Do, hay quán cà-phê Givral ở góc đường đối diện với khách sạn Continental để ngồi trong màn khói thuốc dày yên lặng nghe ông và đôi ba anh bạn nghệ sĩ nói huyên thiên về tác phẩm đang hay sắp thành

hình. Cô đến căn gác trọ của ông và ngoan ngoãn ngồi làm mẫu cho ông vẽ. Bức tranh ấy được ông quý báu nâng niu trong suốt quãng đời còn lại.



La Pagode là nơi lui tới ưa chuộng của ký giả và văn nghệ sĩ Sài Gòn, hầu hết thích phô trương và ngồi ngắm thiên hạ mà lại nghèo nên đến quán chỉ mang theo số tiền vừa vặn đủ trả cho thức uống sẽ gọi. Một chiều Chủ Nhật, Giáng Lê trốn đi lễ nhà thờ đến La Pagode với Nguyên Đài, có bạn ông là thi sĩ Trần Anh Tuấn. Cô gọi món sữa tươi độc đáo của quán và uống cạn ly khá nhanh, nhà thơ làm màu hỏi cô có muốn uống thêm không, và cô thích sữa nên ngâm thơ dạ. Áng chừng đến giờ tan lễ, cô giục Nguyên Đài ra về, nhưng ông cứ lẩn chần, không gọi bồi tính tiền. Sau này cô khám phá ra vì ly sữa uống thêm mà ông phải ngồi *làm va li* trong quán, trong khi bạn ông hốt hơ hốt hải chạy qua nhà sách Khai Trí bên đại lộ Lê Lợi tìm người quen hỏi mượn tiền.

Giống như nàng Giáng Kiều trong truyện *Bích Câu Kỳ Ngộ* từ trong tranh bước ra làm vợ chàng thư sinh Tú Uyên, Giáng Lê bước ra khỏi gia đình làm vợ Nguyên Đài. Họ sống rất hạnh phúc và có ba đứa con tuyệt vời: cu Bi, bé Búp, và bé Sài Gòn. Sau năm 1975, nghệ thuật hội họa thực sự không còn đất sống, ông xoay qua làm tranh sơn mài bán cho du khách và xuất cảng, tương đối đủ sống. Vợ chồng ông có khả năng thỉnh thoảng mời vài ba người bạn văn nghệ sĩ nghèo xác xơ đến nhà họp mặt và chia xẻ bữa cơm chiều đạm bạc. Những dịp gặp nhau, cả bọn cùng nhau đờn ca xướng hát và ngâm thơ cho quên bớt cuộc sống nhọc nhằn của thời kỳ bao cấp, và nàng mãi mãi là “*người đẹp trong tranh*” trong lòng bạn bè văn nghệ sĩ.

Nguyên Đài và gia đình vượt biên và định cư tại San Diego ở nam California. Cuối thập niên 1990, ông qua đời năm 60 tuổi, khi các con bắt đầu khôn lớn và Giáng Lê, người bạn đời tri kỷ trong 25 năm dài, còn là một thiếu phụ trung niên trẻ đẹp. Mãn tang chồng, nàng gặp điều khắc gia và họa sĩ Phan Thái Trang cùng trang lứa và quyết định đi thêm bước nữa. Có một điều không được như ý: Anh ở tận bên Gia Nã Đại. Nàng phải rời San Diego, xa con, và sang xứ “đất lạnh tình nồng” cho cuộc sống lứa đôi mới.

* * *

Trang sinh năm 1955 tại làng Long Cang bên bờ sông Vàm Cỏ thuộc tỉnh Long An và sống với ông bà nội. Từ ngày còn bé, anh đã có khiếu dùng đất sét nắn đồ chơi và các vật chung quanh. Năm lên tám, anh theo ông bà tản cư lên Sài Gòn, học trung học ở trường Pétrus Ký, và ngoài giờ học, học thêm kỹ thuật vẽ. Anh thi đậu vào trường Cao đẳng Mỹ thuật ở Gia Định và mất sáu năm mới tốt nghiệp vì năm 1975, khi Việt Cộng vào, trường sở đóng cửa hai năm cho sinh

viên học tập chính trị. Vài tháng sau khi ra trường, anh tìm đường vượt biên, đến trại tỵ nạn Songkhla ở Thái Lan, được Gia Nã Đại tiếp nhận, và định cư ở Toronto. Ở đây, anh không ngừng vẽ tranh và nắn tượng và được nhiều người biết tiếng, nhưng đó chỉ là nghề tay trái. Nghề chính là trang trí nhà cửa, và anh khá thành công về mặt tài chánh.

Ngày đến với Giáng Lê, Trang lận lạng hai tờ giấy giá thú hết hiệu lực với hai bà vợ người Việt. Bà thứ nhất sống ở Hoa kỳ với cô con gái. Bà thứ hai sống ở Toronto, có hai đứa con trai, và sau khi ly dị, đi học lấy bằng dược sĩ rồi kết hôn với một người đàn ông gốc Trung Đông. Trang tỏ ra là người đàn ông cứng cỏi và có bản lĩnh: giận hai bà mẹ bầy gan, không đếm xỉa tới ba đứa con, và không thêm cấp dưỡng cho chúng. Anh rước cô dâu mới về *dinh* là ngôi nhà lớn trên đồi ở thị trấn nghỉ mát mùa hè East Gwillimbury cách Toronto khoảng 60 cây số về hướng bắc. Ngôi nhà do anh tự xây và trang trí, mặt tiền dựng cột điêu khắc giống như trụ đền Parthenon ở Athens, thủ đô Hy Lạp; đền xây vào thế kỷ thứ năm trước Tây lịch và trước kia dùng thờ nữ thần Athena.



Trong cộng đồng người Việt ở Bắc Mỹ, Trang nổi tiếng nhờ tác phẩm “Thuyền Nhân.” Đó là tượng mẹ bồng con bằng đồng lớn bằng người thực dựng ở đài tưởng niệm “những người đã bỏ mình trên đường đi tìm tự do” ở Ottawa, thủ đô Gia Nã Đại, vào ngày 30 tháng Tư năm 1995. Hai mươi năm sau, Trang và 12 nghệ sĩ người Việt khác ở vùng Toronto đứng ra vận động xây cất một tượng đài thuyền nhân quy mô để tri ân nhân dân Gia Nã Đại đã nhận lãnh và đùm bọc thuyền nhân trong mấy mươi năm qua. Trong đơn xin đất và giấy phép ở Mississauga, một thành phố lân cận của Toronto, nhóm người này dùng hình của pho tượng để bàn bằng thạch cao của anh để mô tả tượng đài. Tuy nhiên, không ai thích mẫu tượng này vì nét mặt của hai vợ chồng và đứa con trai trong tượng trông ghê rợn như thể họ đã chết bạo chết thảm. Nhưng anh cương quyết, “Tôi là nghệ sĩ đã cảm xúc như vậy. Nó phải như vậy, không thể đổi khác.”

Sau nhiều tháng tận lực làm việc, nhóm vận động được thành phố Mississauga chấp thuận và dành cho khoảnh đất trước thư viện Burnhamthorpe để làm tượng đài. Khi họ nhóm họp cộng đồng để bầu ban quản trị Ủy ban Xây dựng Tượng Đài Thuyền Nhân (“UBXDTĐTN”) để phân nhiệm, gây quỹ, và xúc tiến xây cất, Trang không tham dự. Anh nói UBXDTĐTN đã dùng mẫu tượng của anh để xin đất và giấy phép và do đó bắt buộc phải dùng mẫu tượng đó. Anh lại đòi giá trên trời – 150,000 Gia kim, vượt xa khả năng gây quỹ của UBXDTĐTN. Hơn nữa, anh nhất định bán tượng chứ không bán tác quyền và sẽ dành quyền đúc thêm tượng đem bán cho nơi khác. Chính quyền thành phố Mississauga không chấp nhận điều kiện này vì theo hợp đồng và giấy phép, cộng đồng Việt nam sẽ cho đứt tượng đài, kể cả pho tượng đồng, làm quà tặng cho thành phố. Do đó, ủy ban bác bỏ đòi hỏi của anh.

Anh khiêu nại với thành phố Mississauga và tự nhận mình, không phải UBXDĐTĐTN, là đại diện hợp lệ của cộng đồng, nhưng chỉ mất công toi vì không thể chứng minh khả năng gây quỹ xây cất tượng đài. Anh uất ức *quy tụm lum*, gửi bài đăng trên các báo Việt ngữ và *post* bài lên *website* cũ của nhóm vận động đầu tiên trách mắng UBXDĐTĐTN, và trở thành *black sheep* (“con cừu ghẻ”) của cộng đồng. *Đường ta, ta cứ đi*, UBXDĐTĐTN tiến hành bằng cách mở cuộc thi mẫu tượng và trao giải 30,000 Gia kim cho tác phẩm xuất sắc nhất sẽ dùng cho tượng đài.

Trang đặt hy vọng vào một dự án khác mà anh cho là sáng giá hơn tượng đài Mississauga nhiều. Trong hơn mười năm, một nhóm nhân sĩ người Việt ở nam California vận động gây quỹ thành lập Nghĩa trang Biên Hòa Hải ngoại (“NTBHHN”). Một người cầm đầu ủy ban vận động là bác sĩ và ca sĩ Chung Trinh, một người hâm mộ Trang hết mình. Qua nhiều lần gây quỹ trên đài truyền hình và trong các buổi đại nhạc hội, cuối năm 2012 ủy ban mua được khu đất 55 mẫu Anh ở gần Adelanto, một thành phố ở nam California trong vùng sa mạc Mojave, để làm đất nghĩa trang. Adelanto cách Los Angeles khoảng 85 dặm Anh về hướng đông bắc.

Theo chương trình dự trù, NTBHHN sẽ tái tạo pho tượng “Thương Tiếc” của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu ở Nghĩa trang Quân đội Biên Hòa trước năm 1975, dựng nhiều tường đá đen khắc tên các chiến sĩ đã bỏ mình vì lý tưởng tự do, và tạc tượng năm vị tướng tuần tiết ngày 30 tháng Tư năm 1975: Nguyễn Khoa Nam, Phạm văn Phú, Lê văn Hưng, Trần văn Hai, và Lê Nguyên Vỹ. Nếu và khi hoàn tất, dự án này sẽ là ngón đòn *song chỉ* chọc sâu vào cặp mắt của Hà nội.

Trang bay xuống San Diego gặp Chung Trinh để thảo luận dự án NTBHHN. Ông này rất bi quan về việc gây quỹ và cho biết ủy ban vận động cao tay lắm là trả được một phần rất nhỏ giá tiền anh đòi cho việc thực hiện công tác điêu khắc. Trong khi nhà điêu khắc quá lục tuần thất vọng tràn trề, một người đàn bà khoảng dưới 40 tuổi tìm cách làm quen với anh và cho biết đã hâm mộ tài năng của anh từ lâu. Nàng ở Đà Nẵng sang Hoa kỳ du lịch, khá đẹp, độc thân, và ăn nói duyên dáng. Nàng hết lòng chiều chuộng và dâng hiến, và rủ anh về Sài gòn sống cho . . . sướng đời. Người đàn ông có bản lĩnh bèn *ừ liền cái rụp* và bay thẳng từ San Diego về Sài gòn, không thèm trở lại Gia Nã Đại. Ngôi nhà to lớn ở East Gwillimbury, anh nhờ người anh ruột bán giùm. Hón hử đút đầu vào vòng dây thòng lọng êm ái của Hà nội.

Giống như nàng tiên Giáng Kiều trong tích xưa, Giáng Lê không thể bước vào lại trong tranh. Nàng bay về chốn cũ, giận căm kẻ *phàm phu tục tử*, và sống lại những ngày thần tiên hạnh phúc của một kiếp xa xưa.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 18 tháng Mười, 2023

Đôi Bạn Đôi Đường

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Giữa tháng Mười, thời tiết North Dakota chớm vào cuối thu và buổi sáng se lạnh. Đã đến lúc vợ chồng tôi về Texas tạm trú qua mùa đông. Tôi háo hức vì sắp gặp người bạn thân là Công ở Dallas nằm trên đường di chuyển bắc - nam. Tôi gọi Công trên điện thoại di động,

“Mày đang ở đâu? Tuần sau tao ghé Dallas, gặp nhau được không?”

“*Tau* đang ở Wichita Falls, cách nhà chừng ba tiếng đồng hồ,” Công điềm đạm trả lời, khác hẳn giọng nói hấp ta hấp tấp của tôi.

“Khi nào về nhà?”

“Không biết, nhưng chắc còn lâu lắm,” vẫn cái giọng trầm đều, không cảm xúc.

“Mày làm gì ở đó?”

“*Tau* đang ở chùa,” Công ngập ngừng.

“Không lẽ mày đi tu?”

“Đúng vậy, *tau* đã xuất gia bốn tháng trước.”

Tôi không ngạc nhiên mà chỉ ngỡ ngàng trước cái tin đột ngột. Như đọc được ý nghĩ của tôi, Công nửa đùa nửa thật,

“*Chừ mi* phải gọi *tau* bằng ‘thầy’ xưng ‘con’ đàng hoàng đó *nghen*.”

“Mày tu chứ tao có tu đâu mà ‘thầy’ với ‘bà’!”

“Nhưng ‘mày *tau*’ với sư là không kính trọng tam bảo,” lần này Công nói thật, cương quyết như trong bao lần tranh luận trước đây.

Tôi lúng túng nhưng không chịu thua,

“Năm mươi một năm nay, tao chỉ biết mỗi một cách xưng hô với mày.”

“Nhưng *chừ mi* nói chuyện với sư!”

“Thôi chúc mày mau thành chánh quả. Hẹn gặp sau,” tôi cúp điện thoại mà không biết mình buồn hay vui.

* * *

Đầu niên khóa 1962-63, tôi và Công được xếp ngồi cạnh nhau ở dãy bàn đầu lớp đệ tam (lớp 10) B3 trường Quốc Học Huế. Biết tiếng nhau từ trước vì cùng đứng đầu bảng trong kỳ thi Trung học đệ nhất cấp, chúng tôi thân nhau từ ngày đầu tiên. Tôi lên từ trường (trung học đệ nhất cấp) Hàm Nghi trong Thành Nội, trong lúc Công từ lớp đệ tứ (lớp 9) cuối cùng ở Quốc Học sau đó chỉ còn đệ nhị cấp (đệ tam trở lên). Trong số mười ba lớp đệ tam ban B (Khoa học Toán), B1 đến B6 là lớp Pháp văn “sinh ngữ” (ngoại ngữ) chính, B7 đến B13 Anh văn “sinh ngữ” chính.

Công gầy mà chắc chắn, khuôn mặt khắc khổ, giọng Huế trầm và chậm rãi mà cương quyết. Kém Công một tuổi, tôi mang khuôn mặt *búng ra sữa*, láu táu và ồn ào, cãi với ai thì nhất định cãi đến kỳ cùng. Công quê ở Phú Lộc gần núi Túy Vân, sống ở Huế từ lúc sinh ra, và được nung

đúc thành một Phật tử thuần thành; cha làm công chức, rất gần gũi với con. Tôi sinh ở ngoài vĩ tuyến 17 di cư vào Nam, học tiểu học ở trường công giáo khi gia đình di chuyển khắp miền Trung, và rất ít khi sống gần cha là một sĩ quan cao cấp đang đóng đồn ở Ban Mê Thuột. Buổi chiều sau giờ học, tôi thường theo Công lên chùa học đạo với thầy; Công say mê nghiên cứu Phật pháp, và tôi hay chất vấn thầy làm sao đạo Phật áp dụng vào đời.

Hai đứa đều học giỏi, giỏi toán hết chỗ chê. Giờ ra chơi, chúng tôi dắt nhau đi quanh sân trường *luận anh hùng*. Những học sinh đệ tam có tiếng học giỏi như thằng Đình cùng lớp B3, thằng Tuấn B7, thằng Kim B9, v.v. đều bị xếp vào *cao thủ hạng ba*, nhưng không có hạng nhất hay hạng nhì. Vì tôi và Công không biết ai giỏi hơn!

Đệ tam là lớp *ăn chơi* vì không phải năm thi và chương trình học không liên quan trực tiếp đến lớp thi là đệ nhị (lớp 11) và đệ nhất (lớp 12). Tuy nhiên, tôi và Công ngày đêm thi nhau học *gạo chết bỏ*, cố gắng hơn bạn để mong đạt tới danh hiệu "*cao thủ hạng nhất*," mà ngoài mặt làm bộ nhớn nhợ ta đây không thèm học.

* * *

Biến cố Phật giáo năm 1963 đã đưa cuộc đời tôi sang một ngã rẽ khác. "Luông tuồng và lóc lách" (lời của mẹ), tôi tham dự các hoạt động của tập thể Phật tử Huế và chứng kiến mọi diễn biến trong ngày Phật đản ấy. Vì những điều tai nghe mắt thấy không phù hợp với những điều "mấy thầy" tuyên bố hay chính phủ thông tin, trong những ngày kế tiếp tôi gân cổ cãi nhau với người lớn về những sự kiện thực sự xảy ra và nhiều lần bị đe dọa. Lo sợ cho sự an toàn của thằng bé, mẹ đi tới một quyết định quyết liệt: đưa gia đình vào Ban Mê Thuột ở với cha.

Xa mặt nhưng không cách lòng, tôi và Công viết thư cho nhau hàng tuần, thiết tha như đôi tình nhân. Mở đầu thư bằng tiếng gọi triu mến, "Công thương," tôi thường thuật những chuyến thám hiểm vào rừng núi Ban Mê Thuột buồn muôn thuở bụi mù trời; những sinh hoạt trong lớp nam nữ học chung, điều mà ở Huế không có; và các bạn cùng lớp lớn tuổi hơn và mến chuộng anh học trò *thông minh nhất nam tử* nói tiếng Huế trọ trẹ khó nghe. Ngoài những lời lẽ nhớ bạn, Công kể những lần về làng đưa cô *bờ* ra đụn cát ngồi bên nhau trò chuyện và ngắm trăng, hay lên chùa Túy Vân thọ giáo và xin thầy cho quy y nhưng thầy không đồng ý khuyên nên sống ngoài đời phục vụ thế gian.

Tuy nhiên, phần chính của những bức thư dày cộm với chữ nhỏ lẫn tẩn trên hơn một chục tờ giấy mỏng là đề toán đưa ra để đố bạn và bài giải cho các bài toán đố trước, như các nhà toán học Âu châu đầu thế kỷ 18 thách thức nhau chứng minh những bài toán nan giải.

Để theo kịp bạn, tôi xin cha cho người về Sài gòn tìm mua tất cả sách toán, cả sách giáo khoa lẫn sách bài giải, bày bán trong nhà sách. Tôi làm hết toán, lựa ra những bài khó nhất, thay đổi cho phức tạp hơn, loại bỏ các câu hỏi trung gian tác giả dùng để hướng dẫn cách giải, và chỉ chừa lại câu hỏi cuối cùng làm thành đề toán gửi về Huế cho Công.

Sách bán trên thị trường không có nhiều toán khó, tôi nhờ đến *tàng lâu các* là kho sách cổ bằng tiếng Pháp thừa hưởng của các ông chú bác họ, sách họ học thời Quốc Học còn là trường Khải

Định. Ngoài một số sách thông dụng, *bí kíp võ học* của tôi là bộ sách giáo khoa của François Brachet và Jean-Auguste Dumarqué, gọi tắt là “cuốn Brachet,” ấn bản 1932. Ông chú tặng tôi bộ sách mà dặn đi dặn lại,

“Toán Brachet khó điếc lỗ tai; *mi* đừng phí thì giờ nhiều, không có lợi *mô!*”

Chú tôi nhảm – bộ sách Brachet rồi cũng hết toán khó! Cuối cùng viện đến *độc chiêu* là cuốn sách toán có bài giải bằng tiếng Pháp xưa thật là xưa, mất bìa và mấy trang đầu tiên nên không biết tên tác giả và năm ấn hành; chỉ biết là toán khó cả họ không ai dám rở tới. Anh tôi học trên hai lớp, thấy tôi nghiền ngẫm cuốn sách này, le lưỡi phục lẩn,

“*Tau* mà hiểu được bài toán *mô* trong *nớ* thì *tau* xế liền!” “Xế” tiếng lóng nghĩa là chết.

Cuộc tranh tài kéo dài suốt hai năm đệ nhị và đệ nhất; tôi học bài và làm toán hầu như 24 tiếng đồng hồ mỗi ngày. Khi chưa giải được bài toán, tôi ghi hay vẽ lại trên tờ giấy, xếp bỏ túi; rảnh rỗi mở ra xem, và nhiều khi cách giải hiện lên trong giấc ngủ.

Trong lúc tôi sống an bình và yên tâm học tập ở cao nguyên, Công bị xáo trộn bởi những cuộc biến động chính trị ở miền Trung, học sinh sinh viên xuống đường bãi khóa liên miên. Trong kỳ thi Tú tài II ở Nha Trang (Ban Mê Thuật tỉnh nhỏ không có hội đồng thi) tôi đậu ưu mà ở Huế Công đậu bình thứ, kết quả khiêm nhường nhưng chứng tỏ khả năng của Công không thua kém tôi.

* * *

Cuối năm đệ nhất, Công viết, “*Tau* thấy trong các ngành học, kỹ sư điện là ngành dùng toán cao nhất.” Đó là ngành Công lựa chọn, và tôi không có lựa chọn nào khác. Tôi xin cha nhờ người về Sài Gòn nộp đơn thi vào trường Cao đẳng Điện học. Mẹ thắc mắc,

“*Răng* con không nộp đơn thi vô các trường khác?”

“Dạ như trường *mô?*” tôi bực bội hỏi mẹ.

“Trường Y khoa hay Nông Lâm Súc chẳng hạn.”

“Con không thích học mấy ngành *nớ.*”

“Nhưng lỗ con thi vô trường *nớ* không đậu thì *răng?*”

“*Răng* mà rớt được?”

“Biết *mô* đó, học tài thi phận mà con!”

“Nếu không vô được trường Điện, con ghi danh học toán ở Đại học Khoa học; trường *ni* không thi tuyển,” tôi bướng bỉnh như mọi khi.

Trong số 25 học sinh được chọn vào vào ban Kỹ sư Điện, tôi xếp hàng thứ ba. Tôi tức mình ầm ức cho đến khi biết hai người đứng trên tôi đã có “chứng chỉ” Toán Đại cương hay Toán Lý Hóa trong chương trình cử nhân khoa học. Công đậu hạng mười, thấp hơn tôi vì bài thi có môn vật lý là sở trường của tôi. Ngạc nhiên nhất là tên hai thằng đệ tam B3 khác cũng xuất hiện trên “bảng vàng”: Đinh đậu hạng 18 và Phan (ngày trước không được xếp vào hàng *cao thủ*) đậu chót; ngoài ra không còn ai ở Huế. Chắc hẳn nhờ sự thi đua học hành với Công mà hai đứa này giỏi hơn, đủ để trúng tuyển.

Bọn sinh viên chân ướt chân ráo chúng tôi mong chờ buổi học giải tích, môn toán chính, đầu tiên với giáo sư Thế. Ông là trưởng ban Khoa học Cơ bản có nhiệm vụ giảng dạy kiến thức tổng quát mà sinh viên kỹ sư ngành Điện, Công chánh, và Công nghệ đều học chung. Dạy luyện thi tú tài nổi tiếng khắp Sài Gòn và là tác giả bộ sách toán trung học bán rất chạy, ông được sinh viên ngưỡng mộ và xưng tụng là “cây đại thụ của ngành toán học áp dụng Việt nam.”

Còn bỡ ngỡ với giảng đường đại học, tôi lật lướt qua tập *cua* (cours, tức là bài giảng) in *ronéo* (một kỹ thuật in bằng cách đánh máy trên giấy sếp gọi là *stencil*, rập lên máy quay *ronéo*, và dùng mực in thành nhiều bản) và lơ đãng nghe giáo sư giảng bài. Chương Dẫn Nhập gồm những ý niệm cơ bản đặt nền tảng cho môn học – *dễ òm!* Bài giảng kết thúc, sinh viên mừng rỡ vì sắp được ra về sớm. Bất ngờ, Công lễ phép đưa tay lên,

“Thưa thầy, con thấy những ý niệm trong chương này không đồng nhất.”

Ban đầu tươi cười nghe Công trình bày lập luận của mình, mặt giáo sư dần dần đổi sang màu đỏ ửng. Công vừa dứt lời, ông chỉ mặt lớn tiếng,

“Anh đọc những sách nhằm nhí về tà thuyết toán học. Tà thuyết đó do mấy nhà toán học Ý như Clavius, Guldin, và Bettini lằm lặc đưa ra vào đầu thế kỷ 17.”

Giáo sư mắng một tràng dài; Công ấp úng không nên lời thì thằng bạn rắn đầu nhảy vào *cứu bồ*. Tôi đưa tay xin phát biểu,

“Thưa thầy, con biết chắc nó chỉ học bài của thầy chứ không hề đọc sách vở nào khác. Thầy mắng mà không giải thích nó sai ở chỗ nào.”

Có tiếng xầm xì biểu đồng tình của Đình và Phan (đệ tam B3 ủng hộ *phe ta!*) cùng vài sinh viên khác ngồi sau lưng tôi. Giáo sư nổi giận, chĩa mũi dùi sang chàng anh hùng rơm điếc không sợ súng,

“Anh tên gì, học ngành nào?”

Giáo sư ghi tên tôi và ra lệnh,

“Ngồi xuống, không được hỗn láo!”

Nói xong, ông xếp sách vở vào cặp, lẳng lặng bước ra. Giảng đường gần chín mươi sinh viên im phăng phắc. Tôi biết những ngày khó khăn của mình bắt đầu.

Thực vậy, vào giờ hỏi bài (hàng tuần sinh viên được chia thành những nhóm nhỏ, mỗi nhóm được một vị giáo sư hay giảng viên sát hạch khả năng) tôi được giáo sư Thế chiếu cố tận tình với những bài toán khó nhất, thường không có trong tập *cua* cho sẵn.

Học đại học mà bị thầy *trù* là kể như *tiêu đời!* Tôi biết vậy nên cậy vào chiến lược cũ: lùng kiếm trong các nhà sách Khai Trí trên đường Lê Lợi, Xuân Thu đường Tự Do, và American Bookstore đường Nguyễn Huệ mua hết sách toán đại học bằng tiếng Việt, Pháp, hay Anh. Sách Sài Gòn không có nhiều nhưng đủ cho tôi bận rộn trong hai tháng đầu tiên.

Mặt khác, tôi xin cha đánh điện sang Paris nhờ ông chú họ kỹ sư vào khu La-tinh vét sạch sách bài giải toán, mới lẫn cũ, dành cho lớp Toán Cao đẳng (Mathématiques supérieures) và lớp Toán Đặc biệt (Mathématiques spéciales) là hai lớp chuyên dạy toán cho sinh viên luyện thi vào

các trường lớn của Pháp như trường Bách khoa, trường Cao đẳng Sư phạm, trường Cầu Cống, trường Cao đẳng Điện học, v.v. Trình độ toán của hai lớp này ngang hàng với hai năm đầu trường kỹ sư.

Nhờ hai năm khổ luyện ngày đêm, học *mờ người*, và làm hết toán trong đồng sách tiếng Pháp, bị giáo sư *quay* đến nơi đến chốn mà chưa lần nào tôi bị bí. Công nhân nhả học giải tích như đùa bỡn; thỉnh thoảng chất vấn khiến giáo sư Thế bối rối và hẹn lần sau giải đáp, có khi quên mất luôn.

Giáo sư Thế đã biên soạn và ấn hành *Giải tích Đề nghị Niên*, cuốn sách Việt ngữ duy nhất về toán áp dụng cao cấp và là niềm hãnh diện sâu xa của ông. Cuối năm học thứ hai, khi chúng tôi sắp rời ban Khoa học Cơ bản về trường Điện học chuyên môn, ông gặp riêng Công,

“Tôi định tái bản cuốn *Giải tích* nếu hè này anh giúp tôi hiệu đính; chúng mình đứng tên chung.”

“Cám ơn thầy cho con cộng tác, nhưng con đang bận rộn nghiên cứu kinh *Pháp hoa* của nhà Phật,” Công trả lời không do dự; kinh *Pháp hoa*, tức là kinh *Điều pháp Liên hoa*, bộ kinh Đại thừa quan trọng nhất và chứa đựng những quan điểm chủ yếu của Phật giáo Đại thừa.

* * *

Sau khi tốt nghiệp, Công đi Hoa kỳ học cao học điện toán, một ngành tương đối mới mẻ, và tôi ở trong nước dạy học và sửa soạn luận án tiến sĩ kỹ sư về truyền sóng. Xa nhau nửa vòng trái đất và nghiên cứu hai lãnh vực khác biệt nhưng *ngựa quen đường cũ*, chúng tôi trao đổi toán đố như trước. Tôi phát biểu các hiện tượng truyền sóng thành bài toán, và Công thách tìm các công thức lặp đi lặp lại (iterative formula) trong khoa giải tích số trị để thảo chương vào máy điện toán và tính kết quả bằng số.

Tháng Tư năm 1975 bỏ nước ra đi, tôi trôi giạt về North Dakota làm kỹ sư kế hoạch cho công ty tiện ích. Công đã ở Dallas từ mấy năm trước, vừa học tiến sĩ vừa làm việc trong nha Nghiên cứu Điện toán của hãng Texas Instruments, một hãng điện tử lớn bậc nhất thế giới. Chúng tôi nói chuyện qua điện thoại viễn liên hàng tuần, và mỗi kỳ nghỉ hè tôi lái xe xuống Texas thăm bạn.

Công làm việc mà hàng ngày tà tà xách cặp đi học, cuối tháng vào sở lãnh lương. Qua các tạp chí kỹ thuật, tôi biết Công đang hoàn tất lý thuyết nền tảng cho phương pháp thảo chương mới mà nhờ đó máy điện toán Dòng Dữ kiện (Dataflow computer, tên do Công đặt ra) có thể thực hiện được. Các nhà nghiên cứu bấy giờ gọi phát minh này là “Máy Điện toán Công” (“Công’s Computer”). Đó chính là hệ thống điều hành của những máy siêu điện toán ngày nay.

Một đêm hè năm 1978, xuống thăm Công tôi giúp bạn duyệt lãm bài thuyết trình hôm sau Công trình bày với Hội đồng Quản trị Texas Instruments. Tối hôm sau, không nghe Công đề cập tới cuộc họp ban ngày, tôi dò hỏi,

“Hôm nay thuyết trình ra sao?”

“Cũng được,” Công miễn cưỡng trả lời.

“Sao mà được vinh hạnh mời ra hội đồng quản trị?”

“*Bọn hắn* trả tiền cho *tau* đi học PhD cốt để dùng kết quả công trình nghiên cứu đó,” Công uể oải nói.

“Dĩ nhiên. Mình làm công, ăn cơm chúa múa tối ngày mà!”

“*Bọn hắn* cần biết dự án máy điện toán Dòng Dữ kiện có khả thi hay không trước khi chấp thuận ngân sách chế tạo và đưa ra thị trường.”

“Rồi mà nói sao?”

“Dự án thực hiện được, nhưng hiện tại *tau* bận chuyện riêng nên không có thì giờ nghiên cứu thêm.”

“Sao bỏ qua cơ hội bằng vàng như vậy?”

“*Mi* thấy đó, *tau* đang nghiên cứu viết sách chứng tỏ Phật giáo không những là tôn giáo dân chủ hoàn hảo mà còn là triết lý vô cùng khoa học. Thì giờ *mô* mà lo chuyện bao đồng!”

Lặng người nhưng tôi cố vớt vát,

“Hay là mày để ra một hai tuần viết ra dự án nghiên cứu đó cho tao?”

“Để làm *chi*?”

“Tao thuê luật sư lấy bằng sáng chế. Cầm bằng sáng chế trong tay là mình giàu to, *thằng* IBM không mua thì *thằng* khác cũng giành mua. Nó không chế để bán thì cũng mua cất giữ cho *thằng* khác khỏi chế. Sau đó, mày không cần đi làm, dành thì giờ nghiên cứu đạo Phật.”

“Đừng xúi *tau* vướng vào tam chương – tham sân si, ba điều trở ngại cho việc cởi bỏ oan nghiệt.”

Tôi nổi giận lớn tiếng,

“Chính mày mới là sân si – giận và ngu tối. Riêng về ‘tham’ thì đây không phải là tham lam lấy của người, kéo nhà người khác về làm chuồng heo mình, mà là ‘tối đa hóa lợi nhuận’ theo thuyết kinh tế của Adam Smith.”

“Kinh tế tư bản khiến người giàu càng giàu hơn, kẻ nghèo càng nghèo thêm?” Công cười mỉa.

“Mày lầm rồi! Khi mọi người được phép hưởng lợi nhuận do công sức của mình làm ra, cái ‘tham’ ấy là động lực khiến họ làm việc hăng say, cố gắng phát minh sản phẩm tân kỳ và hữu ích, và không ngừng cải tiến phương cách làm việc để có hiệu quả hơn và sản phẩm tốt và rẻ hơn. Nhờ cái ‘tham’ Adam Smith, người nghèo cũng được hưởng lợi ích mà mức sống cao hơn.”

Trở về đề nghị của mình, tôi cố gắng một lần nữa,

“Bỏ qua chuyện lợi danh, hoàn tất dự án nghiên cứu là mày đóng góp kiến thức mới cho nhân loại và giúp việc cải thiện đời sống của mọi người, giàu cũng như nghèo.”

“*Tau* không màng thế sự; *mi* là Phật tử làm đường, đừng ép *tau* tư vương vào cõi trần tục,” Công nói chắc như đinh đóng cột.

* * *

Hai tuần trước khi tôi lên đường, trận bão tuyết đầu mùa đến sớm bất chợt, đi kèm với cơn lạnh giá chưa từng có trong hơn ba mươi năm. Các tiểu bang miền Trung-Lục địa chuyên về

nông nghiệp và chăn nuôi bị ảnh hưởng và chịu thiệt hại nặng nề. Hàng chục ngàn con bò bị chết cồng, và hoa màu vụ mùa thu hư hại hoàn toàn.

Cảnh vật tiêu điều khiến con đường bắc - nam quen thuộc trở nên dài lê thê. Qua khỏi South Dakota đến Nebraska, những cánh đồng bắp chết khô thành rơm rạ xám xịt liên tiếp nối đuôi nhau ở hai bên hàng trăm dặm đường. Cuối ngày thứ hai, đến chặng cuối của đồng bằng trồng bắp ở Kansas, tôi ngừng xe bước xuống ruộng, rưng rưng nước mắt nhìn những trái bắp dài mang những hạt bắp đầy đặn nám đen nằm lẫn trong lá và thân cây cháy khô.

Tôi không xót xa cho nông gia Mỹ vì họ được chính phủ trợ cấp, được mùa hay mất mùa thì lợi tức vẫn gần ấy. Năm được mùa, thị trường thặng dư mà không bán được bắp thì chính phủ thu mua giữ trong kho dự trữ và sau đó mang viện trợ cho các xứ nghèo. Năm mất mùa, không những không có thực phẩm viện trợ mà giá thực phẩm tăng lên khắp toàn cầu khiến cho các xứ nghèo càng không đủ tiền mua. Hậu quả của trận thiên tai vừa qua là năm tới sẽ có thêm hàng chục hay hàng trăm ngàn người ở các nước Phi Châu chết đói vì thiếu ăn.

Trên quãng đường còn lại, tôi chợt nhận ra sự khác biệt giữa Công và tôi, hai Phật tử với hai lối suy tư khác biệt. Bạn tôi “kính trọng tam bảo” – Phật, Pháp, và Tăng, tôi nghĩ đến “chúng sinh” – tất cả sinh vật. Đối với tôi, tam bảo mà không phục vụ chúng sinh thì tôi thà làm kẻ lầm đường.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 16 tháng Giêng, 2014

Hai Thằng Hai Nẻo

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Hàng năm cứ vào khoảng 30 tháng Tư, tôi và Ân lại liên lạc với nhau. Ngày đó Ân là sinh viên học với tôi và nay làm việc cho công ty hàng không Boeing ở Everett, Washington. Ngoài đôi lời thăm hỏi thường tình, chúng tôi buồn bã nhắc lại những diễn biến bi tráng của tháng Tư đau thương ở Sài Gòn cũng như tại Đại học Kỹ thuật (“ĐHKT”) thuộc viện Đại học Bách khoa Thủ Đức. Viện đại học thành hình năm 1973 và gồm bảy phân khoa khác nhau, cả cũ lẫn mới, mà ĐHKH là một. ĐHKH trước là Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật gồm các trường Cao đẳng Công chánh, Cao đẳng Điện học, Quốc gia Kỹ sư Công nghệ, Việt nam Hàng hải, và Cao đẳng Hóa học, và năm 1975 vẫn còn tọa lạc ở khuôn viên Phú Thọ. Trong hệ thống tổ chức mới, Cao đẳng Điện học – trường Điện của tôi – được gọi là Ngành Điện.

Ân là đại úy Không quân được quân đội gửi tới học kỹ sư điện ở trường Điện. Anh lớn hơn tôi hai, ba tuổi, *đô con* cao lớn trắng trẻo, chăm học, và lễ phép. Trong hai năm học giải tích mạch điện với tôi, anh tỏ ra có khả năng và không thua kém các bạn sinh viên trẻ cùng lớp. Anh thuộc lớp đệ tứ niên được chấm đậu và cấp bằng tốt nghiệp chiều ngày 28 tháng Tư trong phiên họp bất thường của hội đồng giáo sư Ngành Điện mà tôi với tư cách trưởng phòng Giáo sư vụ triệu tập và chủ tọa.

Phiên họp kết thúc, trong lúc các sinh viên khác đứng vây quanh anh giáo sư trưởng phòng Học vụ bồn chồn hỏi việc lãnh phiếu điểm và văn bằng, Ân đứng riêng chăm chú nhìn tôi đến khi tôi trở về văn phòng và bước khuất sau cánh cửa. Ngay sau đó, tôi rời trường bỏ nước ra đi, theo tàu Hải quân trôi giạt sang trại tạm trú Orote Point trên đảo Guam. Giữa tháng Sáu, bắt ngờ tôi gặp lại Ân ở cuối chuyến bay Northwest Orient từ Guam sang nam California để vào trại tỵ nạn Trại Pendleton; anh đi với cô sinh viên học cán sự điện ở trường Đại học Trung cấp.

Sáu tuần lễ sau, Ân và cô bạn đến lều tìm tôi,

“Tụi *tui* đến chào từ giã thầy để sáng mai đi tiểu bang Washington định cư.”

“Chúc anh chị may mắn trong cuộc sống mới,” tôi siết chặt tay Ân.

“Là quân nhân, *tui* đã ngưỡng mộ tinh thần chống Cộng của thầy. Ai cũng biết trường mình có cả đồng Việt Cộng nằm vùng; vậy mà từ đầu tháng Tư, trong những buổi nói chuyện với sinh viên, thầy dám vạch rõ tội ác của tụi Cộng sản miền Bắc và tuyên bố sẽ ra đi bằng mọi giá vì không thể sống chung với tụi nó. *Tui* và hai anh bạn sinh viên quân nhân sợ tụi nó *làm thịt* thầy nên đã thay nhau kín đáo mang súng làm *gác đờ co* [tiếng Pháp ‘garde du corps’] cho thầy. Nhất là sau vụ thầy rượt đuổi ông Tuấn, phá vỡ dự định đón chào Việt Cộng của ông ta.”

Tuấn làm phụ tá khoa trưởng ĐHKH, anh cùng trang lứa và là chỗ quen biết với tôi. Sáng thứ Bảy 26 tháng Tư, tôi vào trường mà lòng trĩu nặng. Cộng quân đang năm ngả tiến về Sài Gòn, Quốc hội bàn chuyện đổi thay tổng thống, và thủ đô trong cơn hấp hối. Một nhóm người đứng tụ tập lố nhố trước Ngành Điện, trường tôi nằm ngay sau cổng chính của khuôn viên ĐHKH.

Tuấn đứng giữa đám đông thúc giục sinh viên lên giảng đường khiêng bục giảng và bàn ghế xuống làm sân khấu. Nhìn thấy tôi, anh mừng rỡ,

“*Ba Hoa* ra lệnh cho sinh viên giùm. Tôi biểu mà họ không nghe.”

“Để làm gì?” tôi gằn giọng hỏi.

“Phe bên kia sắp vào rồi. Phải dựng diễn đài chào mừng họ. Đây là cơ hội cho mình lập công chuộc tội,” anh phấn khởi trả lời.

“Đ. m. thằng trở cờ, *ăn cơm quốc gia thờ ma Cộng sản!* Mà mà không cút đi thì tao đánh chết cha mày.”

Tôi giận dữ dùng ngôn ngữ hạ lưu, quên mất mình là giáo sư đứng trước mặt sinh viên. Tôi xắn tay áo nhào tới; Tuấn sợ hãi bỏ chạy. Tôi nghe tiếng hoan hô đằng sau lưng – tiếng của Ân và bạn anh. Đó là lần cuối cùng tôi gặp mặt Tuấn.

* * *

Tuấn sinh năm 1947 trong một gia đình có chín anh em trai. Thời chiến tranh giữa thập niên 1940, ba *mẹ* anh từ Huế tản cư ra một làng quê Quảng Trị sát biên giới Lào - Việt nghèo khó và hẻo lánh đến nỗi, theo cách nói của người Huế, *chó ăn đá, gà ăn muối*. Nơi đây, Tuấn sinh ra, gia đình nghèo đói, và bữa cơm nào cũng dọn khoai sắn. Tuấn kể, “Tôi học vỡ lòng ở đình làng, trẻ con bẻ cành lá quét bụi rồi ngồi học dưới đất.” Sau đó gia đình anh hồi cư về sống ở Huế.

Tuấn cùng học đệ thất (lớp 6) nhưng khác lớp với tôi ở trường trung học Hàm Nghi Huế. Trong bốn năm trung học đệ nhất cấp, Tuấn không học giỏi nhất lớp, nhưng được thầy cô thương yêu vì nhà nghèo và hạnh kiểm tốt, trong lúc tôi tứ thời có tên trong bảng phong thần gồm những đứa nghịch ngợm phá phách. Cuối năm đệ tứ (lớp 9), Tuấn lãnh phần thưởng danh dự toàn trường, mặc dù anh chỉ đứng thứ nhì trong lớp anh, một trong năm lớp đệ tứ của trường.

Sau khi đậu Trung học Đệ nhất cấp, tôi và Tuấn lên đệ tam (lớp 10) trường Quốc Học. Trường có 13 lớp đệ tam ban B (Khoa học Toán), B1 đến B6 là lớp Pháp văn “sinh ngữ” (ngoại ngữ) chính, và B7 đến B13 Anh văn “sinh ngữ” chính. Tôi học đệ tam B3, và Tuấn B7. Trong lớp B3, tôi và thằng bạn thân nhất là Công tự hào học giỏi nhất trường. Giờ ra chơi, hai thằng dắt nhau đi quanh sân trường *luận anh hùng*. Tuấn và những học sinh đệ tam có tiếng học giỏi khác đều bị xếp vào *cao thủ hạng ba*, nhưng không có hạng nhất hay hạng nhì. Vì tôi và Công không chắc ai giỏi hơn ai. Mùa hè cuối năm đệ tam, tôi theo gia đình vào Ban Mê Thuật và học hai năm trung học còn lại ở thành phố cao nguyên đất đỏ. Cuối năm đệ nhất (lớp 12), ở Quốc Học Công lãnh phần thưởng danh dự toàn trường, và như thể điền vào chỗ tôi trong *giới cao thủ*, Tuấn đậu thủ khoa kỳ thi Tú tài II ở hội đồng Huế.

Tuấn được cấp học bổng Colombo đi Úc du học. Tôi cũng được cấp học bổng Colombo đi du học Gia Nã Đại, nhưng không may bị mất học bổng, phải ở nhà, vì thuở trung học Ban Mê Thuật phá phách khiến ông hiệu trưởng thù vặt và báo cáo láo tôi dùng học bạ giả khi xin học bổng. Tuấn sang Úc học ngành khoa học hàng không, tốt nghiệp kỹ sư hạng danh dự, và đáng lẽ phải về nước, xoay xở ở lại học tiến sĩ. Ở Úc, anh lập gia đình với Liên Kim; nàng đi du học một lượt

với anh, học ngành giáo dục, và đậu bằng Tiến sĩ Giáo dục. Hai người có con trai đầu lòng ở Úc, và khi con lên bốn, Tuấn hoàn tất học trình và đưa vợ con về quê hương.

Liên Kim làm việc ở Tổng cục Phát triển Đầu tư, và Tuấn được bổ nhiệm về ĐHKT. Về trường giữa niên khóa, anh tạm thời giữ nhiệm vụ phụ tá khoa trưởng trong khi chờ xếp lớp dạy niên khóa tới. Cuối tháng Ba năm 1975, khi các tỉnh miền Trung lọt vào tay Việt Cộng, anh nhóm họp “ủy ban cứu trợ” nhằm tìm cách giúp đỡ sinh viên mất liên lạc với gia đình ngoài Trung. Ủy ban họp tất cả hai lần, và tôi đại diện Ngành Điện tham dự. Không ai có ý kiến phải làm gì vì ủy ban không có lấy một xu hay một mảy may phương tiện để thực hiện bất cứ việc gì. Tôi về trường Điện, dùng khả năng tài chánh của gia đình mình, và rón sức giúp sinh viên túng thiếu sống qua được bữa nào hay bữa đó.

* * *

Ngày 30 tháng Tư, tiếng súng chưa ngừng hẳn thì Tuấn đã có mặt tại sân trường ĐHKT để hân hoan đón tiếp “ban Quân quản.” Các cán bộ chân ướt chân ráo trong rừng ra “tiếp quản” ĐHKT và bắt giáo chức tập trung ở rạp hát Thống nhất trên đường Thống nhất và học tập chính trị 30 ngày. Những bộ óc tinh hoa của miền Nam, bây giờ là *bên thua cuộc*, biết phận ngồi gục mặt im thin thít nghe các cán bộ *i tờ rít* rêu rao như con vẹt những bài tuyên truyền láo khoét. Tuy nhiên, Tuấn khắp khởi mừng thầm vì không những anh không phải đi trình diện “học tập cải tạo” mà còn được cho trở lại trường dạy học.

Chẳng bao lâu, túng bấn gian nan ập lên đầu mọi gia đình miền Nam. Sau đợt đổi tiền đầu tiên, Tuấn lãnh lương 75 đồng một tháng, ngang hàng với tên trung úy công an khu vực. Lương không đủ sống, vợ chồng anh lần hồi bán tài sản dành dụm trong hơn chín năm du học. Nữ trang, quần áo ấm, máy ảnh, máy chữ, máy hát, tạp chí cũ, v.v. lần lượt ra đi. Để kiếm thêm tiền cho gia đình chi dùng, Liên Kim đi dạy kèm Anh văn ở tư gia, có nơi ở xa phải đạp xe đi đến mười cây số. Ở trường đại học, sau mỗi kỳ nghỉ tết hay nghỉ hè, nhiều giáo sư đồng nghiệp của anh biến mất. Họ đã vượt biên vì *nếu cái cột đèn biết đi, nó cũng ra đi*. Dù biết vợ con chịu khổ sở cùng cực, Tuấn vẫn giữ lòng trung kiên và nhất quyết trụ lại quê nhà với *mẹ* và anh chị em anh.

Con trai Tuấn sinh ra ở Úc, là công dân Úc, và năm 1992 được sang Úc học. Đồng thời, Tuấn được học bổng chương trình Kinh tế Fulbright sang Hoa kỳ học Cao học Quản trị Công quyền (Master of Public Administration hay MPA) tại trường Hành chánh Kennedy thuộc Đại học Harvard ở Cambridge, Massachusetts. Chương trình MPA giảng dạy phương cách thiết lập và thi hành chính sách của chính phủ ở các cấp liên bang, tiểu bang, và địa phương. Mọi chính sách đều có hai mặt tốt xấu lợi hại, nhà quản trị công quyền cần dung hòa để tìm giải pháp tối ưu cho xã hội. Thời gian này cũng là lúc tôi trở lại đại học lần thứ hai trên đất Mỹ, học lớp đêm của Đại học North Dakota để lấy bằng MPA, và say mê học hỏi những điều mới mẻ thú vị.

Tuấn về nước với bằng MPA của đại học danh tiếng nhất Hoa kỳ, một nước tự do dân chủ theo chủ nghĩa tư bản với nền kinh tế thị trường. Anh không thể và sẽ không bao giờ có cơ hội áp dụng kiến thức MPA tại Việt nam, một nước độc tài chuyên chế mà quyền hành tập trung trong

tay một nhóm nhỏ ít học, ngu dốt, và quyết định chính sách quốc gia theo tiêu chuẩn đảng trên hết, hay không theo tiêu chuẩn nào cả. Do đó, anh nhận đứng ra lập chương trình dạy kỹ thuật hàng không tại trường Đại học Bách khoa (tên mới của ĐHKHT). Phấn đấu vượt qua những khó khăn và thiếu thốn, anh là giảng viên duy nhất của “bộ môn” (ban) này trong hai năm đầu tiên và khi chương trình thành hình, được bầu làm “chủ nhiệm” (trưởng ban). Tuy nhiên, anh bị cách chức “chủ nhiệm bộ môn” ba tháng trước khi hết nhiệm kỳ mà không biết lý do.

Năm 60 tuổi, Tuấn về hưu. Anh tham gia hoạt động giáo dục ở hai đại học tư Hoa Sen và Văn Lang và thỉnh thoảng phê bình trên báo chí những chính sách kỹ nghệ hàng không thiếu cận và ngu xuẩn của Hà nội. Thí dụ, anh phản đối dự án xây phi trường Long Thành ở Biên Hòa, hay nêu rõ lý do không nên xây phi trường tại một số thành phố nhỏ. Đó là những dự án bất khả thi về nhiều phương diện.

Việc làm đáng kể nhất của Tuấn là khởi xướng chương trình “Vì Ngày Mai Phát triển” của báo *Tuổi Trẻ* bắt đầu từ năm 1988. Trước sau chương trình đã tặng 60,000 học bổng cho học sinh và sinh viên. Trong những năm sau này, anh kêu gọi bạn bè và học trò cũ ở ngoại quốc đóng góp vào chương trình “Tiếp Sức Đến Trường” tặng học bổng cho sinh viên vừa lên đại học ở Huế và tỉnh Thừa Thiên, cái nôi của đời anh. Khi có người hỏi Liên Kim anh về hưu làm gì cho hết ngày, nàng trả lời, “*Ảnh vận động xin tiền cho học bổng.*”

Đầu thập niên 2020, tôi tình cờ biết tin Liên Kim qua đời sau ba năm chống chọi với bệnh ung thư, và gửi điện thư chia buồn với Tuấn. Anh viết trả lời, cảm ơn và nói,

Tôi vẫn nhớ Ba Hoa từ lúc học Hàm Nghi và đến lúc dạy ở trường Điện. Cuối tháng Tư năm 1975, Ba Hoa còn đến nhà rủ tôi đến chỗ hẹn để đi, nếu muốn. Có phải hồi đó trực thăng đón Ba Hoa trong trường Phú Thọ không?

Không hiểu vì sao Tuấn lại nghĩ ngày đó tôi giữ một vai trò bí mật nào đó, của sở Trung ương Tình báo Hoa kỳ CIA chẳng hạn, quan trọng đến nỗi trực thăng phải vào tận trường đón đi di tản. *Hai thằng hai nẻo*, tôi thấy không cần cải chính nên không trả lời.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 8 tháng Mười Một, 2023

Tôi Đi Học . . . Hoài

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày kỷ niệm 16 năm ngày cưới của tôi và Quỳnh Châu nhằm thứ Bảy cuối tuần, Mạc con trai lớn 14 tuổi đi ăn sinh nhật nhà bạn và ngủ lại, và tôi thuyết phục Quỳnh Châu nhờ cô sinh viên hàng xóm sang *babysit* (giữ trẻ hộ) bé Ân hai tuổi và Diễm Lệ một tuổi để vợ chồng tôi đi ra ngoài ăn mừng và sống lại những ngày tháng yêu nhau của thời Sài Gòn hạnh phúc mà thương đau. Tôi đã gọi điện thoại giữ chỗ trước ở nhà hàng sang trọng nhất thành phố, nơi thực khách ăn tối dưới đèn mờ và trong ánh nến lung linh, và bồi bàn mặc *com-lê* trắng thắt nơ cánh bướm đen trên cổ. Thực khách được yêu cầu mặc quần áo trang trọng: Ít nhất đàn ông mang cà vạt, và đàn bà không mặc quần *jeans* và *T-shirt*.

Anh hầu bàn trịnh trọng đưa chúng tôi đến bàn ăn, kéo ghế mời Quỳnh Châu ngồi, bật lửa thắp nến, và đưa hai tấm thực đơn lớn cho chúng tôi rồi giới thiệu món ăn đặc biệt trong ngày. Nhà hàng có món thịt bít-tết nổi tiếng. Bít-tết được cắt và rửa soạn trước 30 ngày rồi giữ ở nhiệt độ không thay đổi 30°F, khách gọi mới lấy ra nướng. Quỳnh Châu thích ăn bít-tết, và thịt phải nướng *rare*, bên ngoài chín tái nhưng trong còn sống đỏ. Nhìn vào thực đơn, nàng lưỡng lự không biết nên gọi bít-tết hay không vì sau khi sanh bé Diễm Lệ, nàng cố ăn uống kiêng cử để khỏi lên cân – tôi nói đùa để giữ eo. Bít-tết, cùng những *side dish* (món phụ thêm như khoai tây nướng, nấm chiên, v.v. đi kèm theo món ăn chính) chứa vô số *calorie*. Tôi biết ý đưa ý kiến, “Em gọi *filet mignon* ăn cho khoái khẩu. Đó là món ít nhất trong các món bít-tết.”

“*Filet mignon*” đọc là “phi-lê mi-nhông” như trong tiếng Pháp là thịt thăn, phần thịt ngon và mềm cắt ra từ phần lưng con bò rất được ưa chuộng và đắt tiền vì trung bình mỗi con bò chỉ cung cấp khoảng nửa kí *filet mignon*. Quỳnh Châu vờ miễn cưỡng,

“Ăn *dzô* cho người mập ú để *ông dông dông* chê xấu à? Nói cho mà biết, gái ba con này mà có sò sè xấu hình đi nữa, chồng cũng không được tìm mấy con bò cũ năm xưa năm xưa mà tán tỉnh đâu đó!”

“Rất tiếc phải làm cô *gái ba con trông mòn con mắt* thất vọng,” tôi trêu nàng, “Cô vợ dễ thương của anh không thể xấu. Hơn nữa, xưa nay anh chỉ có mỗi một cô bò, cũ mà mới hoài là má ba đưa con anh.”

“Anh chỉ giỏi tài nịnh,” nàng cười sung sướng, “Vậy thì em sẽ gọi *filet mignon*, nhưng chỉ ăn một nửa. Nửa kia bỏ vào hộp *to go*, mai nhờ Mạc ăn giùm.”

Chúng tôi vừa ăn vừa bồi hồi nhắc lại chuyện ngày xưa. Tôi yêu Quỳnh Châu bằng mối tình câm suốt mười năm, tỏ tình bằng cách *xin bàn tay* nàng, và một tháng sau làm đám cưới. Cuộc tình sống còn sau bốn năm thử thách, mỗi đứa ở một bên bờ Thái bình dương, khi nàng đi du học tại Đại học Stanford ở bắc California. Chúng tôi *chia cay sẻ đắng*, *chia ngọt xót bùi* trong gần bốn tháng di tản gian khổ dài như bốn thế kỷ, từ Sài Gòn trôi giạt đến trại tỵ nạn rồi tấp về Bismarck. Nơi đây, ba đứa con đẹp đẽ và thông minh ra đời. Những kỷ niệm trân kỳ hiện ra trong trí như một cuộn phim quay chậm. Đột nhiên, Quỳnh Châu đưa tay qua mặt bàn nắm tay tôi,

“Mấy lúc gần đây em thấy dường như anh có chuyện gì buồn phiền. Buổi tối dạy Mạc học tiếng Việt xong, anh ôm cu Ân ngủ gà ngủ gật trên ghế xa-lông và để cuộn phim truyện kiểm hiệp của Mạc chạy trên VCR [videocassette recorder] mà không coi.”

“Có gì đâu. Vài năm nay, anh đã quen thuộc với công việc sở và không có gì mới để học hỏi nên đâm ra nhàm chán,” tôi trấn an nàng.

“Chuyện vui chuyện buồn gì anh cũng phải nói với em. Đừng để em lo,” nàng nói như năn nỉ.

“Nói ra thấy tức cười. Anh để ra hai năm rưỡi nhịn ngủ hành xác và học *mò người* để lấy cho được cái bằng MBA. Không dè vì nó mà bị đẩy vào một thế giới chỉ quan tâm đến tiền bạc, tình người để sang một bên,” tôi chậm rãi giải thích.

MBA là Master of Business Administration, tức bằng Cao học Quản trị Xí nghiệp. Tôi học lớp đêm MBA của trường Kinh Doanh thuộc Đại học North Dakota (UND) với ý nghĩ kiến thức về quản trị xí nghiệp sẽ mở rộng cơ hội thăng tiến trong công ty. Quả đúng vậy, nhờ có MBA, tôi được mời tham dự các phiên họp cấp giám đốc thảo luận về tài chính và ngân sách với tư cách là người chỉ huy nhóm *Load Forecasting* có nhiệm vụ tiên đoán mức tiêu thụ điện của khách hàng trong 20 năm tới. Việc tiên đoán được thực hiện bằng các kiểu mẫu toán học mô phỏng điều kiện kinh tế và thời tiết tương lai.

Trong những phiên họp đó, tôi chứng kiến các giám đốc tài chính chỉ quan tâm đến sự lồi lõm của công ty và quyền lợi của những cổ đông qua giá cả cổ phần. Như sách MBA dạy: Làm thế nào để lợi tức của công ty cao hơn năm trước? Làm thế nào để giá cổ phần lên cao hơn trên thị trường chứng khoán? Kết quả tiên đoán của tôi được dùng để ước tính thu nhập do việc bán điện cho khách hàng và để dự trù ngân sách ngắn và dài hạn. Khi thu nhập ước tính không đạt tới mức định sẵn (gồm cả tiền lương tăng thêm và tiền thưởng cuối năm của ban giám đốc), việc đầu tiên mấy *ông lớn* nói tới là sa thải bao nhiêu nhân viên để “theo đúng ngân sách.” Đó là giải pháp giảm bớt chi tiêu dễ dàng và thuận tiện nhất. Không ai đề cập tới nỗi khốn khó sẽ xảy đến cho nhân viên bị sa thải.

* * *

Một tuần sau, tôi đi dự buổi tiếp tân gây quỹ học bổng của hội cựu sinh viên trường Kinh doanh UND và được dịp nói chuyện với ông khoa trưởng. Ông hỏi, “Anh thấy chương trình MBA thế nào?” Tôi tuôn ra một tràng dài than thở, ông lắng nghe và gật gù,

“Sao anh không học thử chương trình MPA xem sao? MPA thuộc ban Chính trị học của trường Kinh doanh UND. Tôi sẽ cho anh học bổng để làm gương cho đám sinh viên trẻ.”

MPA là Master of Public Administration, tức bằng Cao học Quản trị Công quyền. MPA giảng dạy phương cách thiết lập và thi hành chính sách của chính phủ ở các cấp liên bang, tiểu bang, và địa phương. Vì cái học bổng \$1,000 để *lấy le* với vợ con, tôi ghi danh học lấy bằng cao học thứ ba, sau chương trình cao học điện tử ở Đại học Khoa học Sài gòn và MBA. Tôi được nhập học mà không phải đi qua những chặng khổ ải như khi xin học MBA: thi Khảo sát Anh ngữ khi là Ngoại ngữ (TOEFL), thi Khảo sát để Nhập học Cao học (GRE), hay học những môn học dự tiên (prerequisite) trong chương trình cử nhân quản trị công quyền.

MPA ở UND đòi hỏi 36 tín chỉ, và dù đã có 36 tín chỉ MBA, tôi cũng phải học đủ 36 tín chỉ mới, không được miễn một tín chỉ nào. Có môn MPA bắt buộc mà tôi đã học rồi thì trường chỉ định môn khác thay thế. Đôi khi môn thay thế chưa được mở thành lớp chính thức, tôi thụ giáo trực tiếp với giáo sư, một thầy một trò, và học và thi dễ dàng hơn vì thời khóa biểu uyển chuyển, không tùy thuộc vào các sinh viên khác.



UND đặc biệt có chương trình song đôi (dual) MPA và *Juris Doctor* (bằng Luật sư) của trường Luật: học MPA trong thời gian tương đương với hai năm học, và nếu học thêm một năm nữa thì sẽ được trao bằng *Juris Doctor*. Tôi vốn có thành kiến không mấy tốt đẹp về *thầy kiện* và biết chắc mình sẽ không bao giờ hành nghề luật sư nên chỉ học nửa MPA. Sau này đôi khi tôi nổi hứng khoác lác với bạn bè là mình có một nửa bằng luật sư vì trong khi học MPA, tôi đọc hơn hai phần ba số phán quyết then chốt của Tối cao Pháp viện Hoa kỳ và các tối cao pháp viện tiểu bang mà sinh viên trường Luật UND phải đọc.

Tôi học được rằng mọi chính sách của chính phủ đều có hai mặt tốt xấu lợi hại, nhà quản trị công quyền cần dung hòa để tìm giải pháp tối ưu cho xã hội. Thí dụ, một chính sách mới để giúp đỡ dân nghèo thoát nghe thì nhân đạo tốt đẹp, nhưng để có tiền tài trợ cho chính sách đó, nhà quản trị công quyền có hai lựa chọn: cắt bớt ngân sách của chính sách hiện tại khiến cho một số dân chúng mất quyền lợi đang hưởng, hay đề nghị tăng thuế khiến cho người đóng thuế bất mãn. Quản trị công quyền là làm dâu trăm họ, phải thận trọng cân nhắc,

*Ở sao cho vừa lòng người,
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê.*
(Ca dao)

“Rộng” hay “hẹp” ở đây lại . . . tùy người đối diện! Trong công ty, tôi vẫn ở chức vụ kỹ thuật nên bằng MPA không trực tiếp đem lại quyền lợi vật chất nào. Tuy nhiên, tôi hay được gửi đi điều trần với các ủy ban tiện ích tiểu bang khi công ty tôi (cung cấp điện cho bốn tiểu bang miền Trung-Tây) nộp đơn xin xây nhà máy, tăng giá điện, v.v. hay đệ trình dự án điện năng của công ty với các tiểu ban năng lượng của nghị viện tiểu bang. Công tác này, tôi hoàn thành êm đẹp vì có thể dự liệu quan điểm và chủ đích của các viên chức chính phủ liên hệ và cảm thông với họ. Đôi khi tôi gặp bạn học MPA cũ, được tiếp đãi ân cần, và dành cho mọi sự dễ dàng.

* * *

Thời tiết có ảnh hưởng rất lớn đến mức tiêu thụ điện của khách hàng. Thí dụ về mùa hè, khi nhiệt độ và độ ẩm lên cao, khách hàng chạy máy điều hòa không khí thường xuyên hơn. Kiểu

mẫu toán học của tôi mô phỏng điều kiện thời tiết tương lai bằng cách dùng dữ kiện thời tiết “bình thường” (normal) là trị số trung bình (average) của 30 năm trong suốt ba thập niên trước. Không may cho tôi, mấy mùa hè của thập niên 1990 nóng như lửa đốt nên “thầy bói sáng” thường bị dè bĩ,

“Tiên đoán của anh sai nữa rồi!”

“Không phải đâu, tính toán của tôi khi nào cũng đúng. Có sai là thời tiết sai, không chịu bình thường cho tôi nhờ,” tôi vênh váo trả lời.

Về mặt lâu dài, mức tiêu thụ điện tùy thuộc vào khả năng tài chánh của khách hàng và tình trạng kinh tế của khu vực mà công ty phục vụ. Thí dụ, khi có lợi tức cao, khách hàng có khuynh hướng dùng điện nhiều hơn, và khi nền kinh tế của khu vực phục vụ phát triển mạnh, nhu cầu dùng điện gia tăng. Sau đôi ba lần bị chất vấn gắt gao vì kết quả tiên đoán không đạt tới độ chính xác mong muốn, tôi nhận ra rằng mình đã cả gan đóng vai nhà kinh tế mà vốn liếng kinh tế học lặn lừng chưa thấm tháp vào đâu.

Nhân UND mở chương trình mới dạy cao học kinh tế, một giáo sư cũ nhớ tới tôi – “anh sinh viên *vạn niên*” – và gọi mời ghi danh học. Thế là một tuần hai buổi tối, tôi khoác ba lô đựng sách vở một bên vai trở lại trường học kinh tế vĩ mô (macroeconomics). Đó là ngành kinh tế học nghiên cứu toàn bộ nền kinh tế của quốc gia và thế giới, liên quan tới những yếu tố kinh tế đại quy mô và tác động hỗ tương của chúng. Nghĩa là học các biện pháp giúp cho nước giàu dân mạnh qua việc khảo sát những đề tài như tổng sản lượng quốc gia (GDP), lợi tức quốc gia, thất nghiệp, lạm phát, chính sách tiền tệ, v.v. Lần này, tôi học dễ như chơi, dù phải đi trọn con đường 36 tín chỉ mới.

Tôi hoàn tất luận án cao học kinh tế giữa khóa mùa xuân 1998 và cuối khóa sẽ tốt nghiệp, nhưng không hé môi nói với Quỳnh Châu, hay mẹ và các em tôi. Cũng vào thời điểm ấy, Mạc sẽ tốt nghiệp cử nhân vật lý tại Học viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT) ở Cambridge, Massachusetts; tôi muốn mọi người trong gia đình chú tâm vào thành quả rực rỡ của con trai đầu lòng. Từ Bismarck tôi lái xe *minivan* đi Cambridge, mang theo bé Ân lúc ấy lên mười, để dự lễ phát bằng của MIT, dọn đồ đạc của Mạc đem về, và đưa Mạc về nhà nghỉ ngơi một tuần trước khi Mạc đi San Francisco nhận việc làm mới.

Từ Bismarck đi, xe chạy hai ngày. Cuối ngày đầu, chúng tôi vào khách sạn nghỉ đêm, và trước khi đi ngủ, Ân lấy trong ba lô ra chiếc phong bì đưa cho tôi, “Má nói cho ba.” Trên tấm thiệp là nét chữ mềm mại của Quỳnh Châu,

Chúc mừng chồng yêu đã hoàn tất chặng cuối con đường học hỏi lập thân của người xưa: tu thân (kỹ sư), tề gia (quản trị xí nghiệp), trị quốc (quản trị công quyền), và bình thiên hạ (kinh tế).

Chuyện tôi giấu không qua mắt được Quỳnh Châu. Nhưng xong rồi, từ nay thôi không đi học nữa!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 22 tháng Mười Một, 2023

Những Bước Đường của Mạc

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày Quỳnh Châu có thai con đầu lòng, chúng tôi không biết trai hay gái nên gọi tùy hứng, khi thì “bé Long” khi thì “thằng Thìn,” vì bé sẽ sinh năm Bính Thìn (1976). Chúng tôi muốn con có cả tên Mỹ lẫn tên Việt nên việc đặt tên khó gấp đôi. Sau nhiều đêm loay hoay suy nghĩ, tôi đề nghị với vợ,

“Nếu là con gái, anh thấy nên đặt tên ‘Pearl’ bạn gọi em ngày em học Đại học Stanford. ‘Bé Long’ mang tên má và cũng sẽ giỏi giang như má.” “Pearl” là ngọc quý, dịch từ chữ “châu.”

“Cám ơn chồng. Nếu ‘thằng Thìn’ thò đầu ra thì anh đặt tên gì cho ‘đẹp’?”

“Ông Gardner là ân nhân của gia đình mình và thương yêu em như con, sao không dùng tên ‘Ryland’ của ông?”

Ông Ryland Gardner đại diện nhà thờ bảo trợ, nhà thờ Ba ngôi Lutheran, và đã hết lòng giúp đỡ gia đình tôi với tấm lòng nhân ái hiếm có. Lục ký ức tìm tên Việt cho con, một hôm tôi nhớ đến một người bạn cũ ở Đại học xá Minh Mạng ngày trước và kể với Quỳnh Châu sự tích tên anh,

“Anh Cân chào đời ở xứ *Quảng Nam hay cũ*. Cha anh cực kỳ hâm mộ Tổng thống Abraham Lincoln [1809 – 1865] của Mỹ nên lấy ‘Lincoln’ phiên âm ra tiếng Việt để đặt tên con trai đầu lòng là ‘Linh Cân.’”

“Ông đồng định dùng ‘Bismarck’ để đặt tên con?” nàng hiểu ra.

“Tên ‘Bích Mạc’ không những có thể dùng cho cả ‘thằng Thìn’ lẫn ‘bé Long’ mà còn ghi nhớ đây là quê hương của con, nơi cưu mang gia đình mình.”

Trước khi bé trai Ryland, hay Bích Mạc, được hai tuần, ông Gardner khuyên cho bé rửa tội để thành thành tín đồ Tin Lành. Ông đề nghị,

“Tôi sẽ làm cha đỡ đầu cho Ryland. Theo tục lệ Cơ đốc giáo, cha đỡ đầu không khác gì cha đẻ và sẽ chăm lo cho bé suốt đời.”

“Cám ơn bác vô cùng. Nhưng cháu muốn dành quyền lựa chọn tôn giáo cho Ryland, khi bé đủ lớn,” tôi đã sửa soạn câu trả lời.

Ở nhà tôi và Quỳnh Châu chỉ nói tiếng Việt, và tôi bắt đầu dạy Mạc học tiếng Việt năm bé lên bốn. Bé thông minh học nhanh và dần dần đọc được sách Việt ngữ, kể cả cuốn *Ánh Đạo Vàng* của Võ Đình Cường về sự tích đức Phật. Tôi đã hứa với ông Gardner sẽ cho Mạc tìm hiểu Cơ đốc giáo nên mỗi Chủ Nhật bắt bé đi nhà thờ học giáo lý. Đến năm 13 tuổi và học lớp 6, lứa tuổi trẻ nhất có thể nhận lễ ban thánh thể (communion) tức là rửa tội, Mạc được phép quyết định và không muốn làm tín đồ Tin Lành. Tình cờ tôi nghe Mạc giải thích lý do với bạn,

“Phật của tao *cool* hơn Chúa của mày. Vả lại, Bismarck không có chùa Phật giáo, tao không phải đi lễ ngày Chủ Nhật như mày.” “Cool” tiếng lóng là rất giỏi hay tốt.

Ở trường, Mạc là học sinh gương mẫu được thầy yêu bạn quý. Nhờ rành Việt ngữ, Mạc phát triển khả năng diễn đạt Anh ngữ nhanh hơn bạn Mỹ cùng trang lứa và cuối năm lớp 9, dự thi viết luận văn toàn tiểu bang đứng hạng nhất và lãnh phần thưởng của thống đốc. Mạc mê lịch

sử và văn hóa đông phương, khoai phim *chưởng* diễn truyện kiếm hiệp của Kim Dung, và được mẹ (bà nội) thu băng phim bộ *Anh hùng Xạ Diêu, Cô Gái Đồi Long, Tiểu Ngạo Giang hồ*, v.v. cho coi. Mạc thuộc nằm lòng lời đối thoại tiếng Việt trong những phim võ hiệp cũng như lời đối thoại tiếng Anh trong các phim *Star Wars* do George Lucas làm đạo diễn.

Từ hồi tiểu học, Mạc chọn chơi vĩ cầm, tỏ ra có khiếu âm nhạc, và học đàn tư với một nữ nhạc sĩ vĩ cầm nổi tiếng của thành phố. Các môn sinh của bà hãnh diện đánh đàn trong ban nhạc Strolling Strings thường được mời trình diễn giúp vui các tiệc lớn của chính phủ hay công ty lớn. “String” là nhạc khí có dây như vĩ cầm, và “stroll(ing)” là đi tản bộ. Khi trình diễn, ban nhạc chia ra nhiều nhóm nhỏ vừa kéo đàn vừa di chuyển quanh các bàn tiệc. Đôi khi vào dịp lễ Tạ ơn hay lễ Giáng sinh, Mạc cùng vài đứa bạn Strolling Strings ra phi trường đứng đánh đàn chào mừng hành khách đến, họ là thân nhân trở về sum họp với gia đình trong mùa lễ lạt. Có lần chúng tôi đi du lịch sang thăm Toronto, Gia Nã Đại, Mạc một mình xách cây vĩ cầm ra phố đánh đàn trước trạm *subway* (xe điện ngầm) trên đường Yonge là con phố chính của Toronto.

Từ hồi trung học sơ cấp, Mạc đã quyết định sẽ học vật lý lý thuyết để theo gót Albert Einstein (1879 - 1955). Trong phòng ngủ, Mạc treo bức hình Einstein lớn bằng người thực; ông chơi vĩ cầm từ thuở bé và lớn lên luôn luôn mang theo cây đàn đã sờn cũ. Mạc tốt nghiệp trung học *summa cum laude* (hạng tối ưu), thi Trắc nghiệm Khả năng Học lực (SAT) đạt được điểm số hoàn hảo 1,600, và hầu như có thể theo học bất cứ trường đại học nào Mạc muốn.

Ban đầu, Mạc định học Học viện Kỹ thuật California (Caltech) ở Pasadena, California vì đó là trường nhà vật lý lý thuyết Richard Feynman (1918 - 1988) giảng dạy trước khi qua đời. Feynman đoạt giải Nobel vật lý năm 1965 và được một tạp chí Mỹ chọn là người đàn ông thông minh nhất thế giới. Nhân đi thăm bạn ở nam California, Quỳnh Châu đưa Mạc viếng trường sở của Caltech và vừa ý với sự lựa chọn của Mạc. Tuy nhiên, cuối cùng Mạc đổi ý, học Học viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT) ở Cambridge, Massachusetts vì cô bạn thân được nhận vào Đại học Harvard nằm cạnh MIT bên bờ sông Charles nhìn sang Boston.

Để sửa soạn cho sinh viên sẵn sàng đương đầu với những thay đổi nghề nghiệp trong tương lai, MIT đòi hỏi một phần ba tổng số tín chỉ cần thiết để tốt nghiệp phải là các môn không liên quan đến ngành học chính, trong trường hợp Mạc là các môn nhân văn và xã hội. Mạc toại lòng ghi danh học các lớp đọc, phê bình, và viết truyện kiếm hiệp; các lớp lịch sử và địa lý Trung hoa và tiếng Quan thoại; và môn lịch sử Việt nam, chú trọng vào đời Tây Sơn.

Một năm trước khi Mạc vào MIT, giới khoa học Hoa kỳ bàng hoàng vì chính phủ hủy bỏ dự án Siêu Gia tốc Siêu dẫn (SSC) đang xây cất ở Texas. SSC là máy “siêu” gia tốc cực lớn và cực mạnh dùng để bắn và cho va chạm các hạt proton ở năng lượng cực cao để khảo sát tính chất của hạt nhân nguyên tử. Proton được bắn đi trong những vòng kim loại rộng lớn giữ ở nhiệt độ tuyệt đối -460°F để không còn tính cản điện (hiện tượng “siêu dẫn”). Nếu xây xong và hoạt động, SSC sẽ sử dụng khoảng 15,000 nhân viên, hai phần ba là kỹ sư và nhà vật lý học. Cơ sở có triển vọng thu nhận năm, bảy ngàn nhà vật lý học đã không còn.

Thêm vào đó, trong những năm ấy, số PhD vật lý ở Hoa Kỳ tăng vọt lên nhiều lần vì Ấn Độ và Pakistan hăm hè muốn tiêu diệt nhau và thi nhau gửi sinh viên sang Hoa Kỳ học vật lý để về nước chế bom nguyên tử. Nhiều người học xong không muốn về nước và tình nguyện ở lại dạy học với thù lao chết đói để được trường đại học bảo trợ ở lại Hoa Kỳ. Do đó, sinh viên Mỹ tốt nghiệp ngành vật lý không thể tìm ra việc làm hợp với khả năng. Mùa hè Mạc về nhà nói chuyện với tôi; lần đầu tiên – và cũng là lần cuối cùng – tôi gợi ý,

“Hay Mạc lấy thêm một bằng cử nhân khác, kỹ sư điện hay điện toán chẳng hạn, để dễ kiếm việc hơn?”

“Ba muốn Mạc học những ngành chán ngấy như vậy sao?” Mạc nhìn tôi với đôi mắt khinh thị.

Với nạn thất nghiệp hoành hành thế giới vật lý, hai giáo sư kinh tế tại trường Quản trị Sloan của MIT ra công nghiên cứu và khám phá ra sự “di chuyển” của giá cả cổ phần trên thị trường chứng khoán có thể tiên đoán bằng cơ học nguyên lượng (quantum mechanics), môn học chính của vật lý nguyên tử. Họ cũng chứng tỏ nhà vật lý học là chuyên gia có khả năng mô phỏng kiểu mẫu kinh tế và tài chính bằng toán học hữu hiệu nhất. Nhờ công trình đó, Wall Street mở rộng vòng tay mời PhD vật lý đến làm việc, và sinh viên tốt nghiệp ngành vật lý trở thành đặc biệt cao giá. Sau đó, hai vị giáo sư tạo dựng một chương trình điện toán có khả năng dò tìm và ngăn chặn sự sụp đổ bất chợt của thị trường chứng khoán, và cuối thập niên 1990 đoạt giải Nobel kinh tế.

Cuối năm thứ ba, Mạc được Callan Associates, một công ty cố vấn tài chính và quản trị quốc tế, gửi máy bay riêng lên Boston đón sang phỏng vấn; công ty đặt trụ sở tại tòa nhà 48 tầng Hình Tháp Transamerica nằm giữa khu thị tứ San Francisco, California. Tốt nghiệp, Mạc làm việc cho Callan Associates, được trọng dụng, lãnh lương cao, và được gửi đi công tác khắp nơi: từ Nhật, Đại Hàn, Đài Loan, và Việt nam ở Á châu; đến Đức, Pháp, và Anh ở Âu châu; và các thành phố lớn của Hoa Kỳ và Gia Nã Đại ở Bắc Mỹ. Đặc biệt lần về Hà nội nghiên cứu thị trường cho khách hàng, Mạc tiếp xúc với viên chức chính phủ cấp bộ trưởng và thứ trưởng. Họ ân cần tiếp đãi Mạc, kể cả mời đi ăn thịt cầy, món ăn quốc hồn quốc túy của dân miền Bắc.

Cuộc sống bận rộn luôn luôn di chuyển với chiếc va-li khiến Mạc mệt mỏi và trở nên chán ngán với công việc. Ba năm sau, khi để dành đủ tiền, Mạc xin nghỉ việc để *đi giang hồ*, thực hiện ước mơ làm Lệnh Hồ Xung trong *Tiểu Ngạo Giang hồ*. Đầu tiên là chuyến đi Hoa lục, theo vết chân những nhân vật trong truyện kiếm hiệp của Kim Dung. Ông viết truyện tưởng tượng, nhưng các địa danh và biến cố lịch sử thời Trung hoa cổ đều có thực. Mạc về Việt nam vài lần. Ngoài việc du lịch từ nam ra bắc để tìm hiểu quê hương của ba má, Mạc thu góp sử liệu về đời Tây Sơn và khám phá ra làng Nam Ô thuộc huyện Hòa Vang tỉnh Quảng Nam là quê quán của cặp vợ chồng danh tướng Tây sơn Trần Quang Diệu và Bùi thị Xuân.

Sau hai năm *tiểu ngạo giang hồ*, Mạc trở lại đại học, học cao học lịch sử và văn hóa Á châu tại Đại học California Berkeley ở bắc California. Trong năm học Mạc làm *tutor* (thầy dạy kèm) ở trường đại học cho sinh viên lớp dưới và mùa hè trở lại Callan Associates làm việc để kiếm tiền sống năm tới. Học nửa đường, Mạc nhận ra nếu tiếp tục theo đuổi ngành này để thỏa mãn nhu

cầu kiến thức, con đường duy nhất là học lên PhD rồi đi dạy học, một cuộc sống Mạc chê chán phèo như nghề kỹ sư điện của tôi.

Một lần nữa, Mạc đổi hướng: nộp đơn và được nhận vào học chương trình MFA tại trường Điện ảnh - Truyền hình của Đại học Nam California (USC) ở Los Angeles. MFA là Master of Fine Arts, tức là bằng Cao học Nghệ thuật. USC là đại học tư lâu đời nhất của California và nổi tiếng nhất về các ngành nhân văn. Mạc chọn USC còn vì một lý do khác: Đạo diễn *Star Wars* George Lucas trước học ở trường Điện ảnh - Truyền hình USC và vừa tặng trường \$175 triệu. Cuối cùng, Mạc tìm ra ngành yêu thích để theo đuổi suốt đời.

Cuối năm học MFA đầu tiên, Mạc đang sửa soạn trở lại San Francisco làm hè, lương \$500 một ngày cho Callan Associates thì thấy thông cáo của USC cần trợ giáo làm việc hai tháng hè cho một khóa điện ảnh ngắn hạn huấn luyện chừng 20 đạo diễn đã hành nghề từ Việt nam sang “tu nghiệp.” Mạc mê nghề làm phim hơn cần tiền nên bỏ làm hè cho Callan Associates và làm trợ giáo cho khóa huấn luyện. USC trả Mạc lương sinh viên hè \$6.25 một giờ, trung bình 8 tiếng một ngày. Không những Mạc phải thông dịch Anh - Việt và giúp học viên làm dự án thực hành trong lớp, mà ngoài giờ học còn giúp đỡ họ trong những nhu cầu cá nhân; họ tạm trú trong ký túc xá sinh viên USC trong thời gian “tu nghiệp.”

Sau hai tháng làm việc sát cánh và tận tình giúp đỡ các nhà đạo diễn Việt nam, Mạc được họ kính mến và khẩn khoản mời về Việt nam cộng tác với họ. Cuốn phim ngắn Mạc thực hiện làm dự án tốt nghiệp được trao giải nhất trong đại hội hàng năm của Phường hội Đạo diễn Hoa kỳ, nhờ đó Mạc được nhiều người trong nghề biết tới. Tuy nhiên, khi lặn lưng tấm bằng MFA của USC đi xin việc tại các phim trường Hollywood, Mạc bị đề nghị làm *tà lọt* chạy việc vặt cho đạo diễn chính. Mạc không thèm nhận, bay về Sài gòn làm phim theo lời mời của bạn. Nhờ đó, khán giả Việt nam được thưởng thức những cuốn phim đúng bài bản, đúng đắn, và hấp dẫn của đạo diễn Ryland Nguyễn.

Mười mấy năm qua, chưa bao giờ tôi liệu trước được bước đường kế tiếp của Mạc. Nhưng có hề gì, lúc nào mà tôi chẳng hãnh diện về người con trai tài hoa!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 6 tháng Mười Hai, 2023

Con Voi và Chú Nài

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tuần lễ trước lễ Tạ Ơn, tôi đi dự một phiên họp ngắn ở Austin, thủ phủ tiểu bang Texas. Gia đình Sang (em kế tôi) và gia đình Bình (em gái duy nhất) ở Austin, và mẹ ở với Sang để giúp vợ chồng em nuôi hai đứa con gái và thằng cu út. Nhà của cả hai em tôi đều cách trung tâm Austin khoảng 20 dặm Anh về phía bắc, trong lúc tôi ở và họp tại khách sạn Hyatt Regency bên bờ hồ Lady Bird nhìn thẳng qua khu thị tứ của thành phố. Phiên họp chỉ kéo dài trong ba ngày giữa tuần nên tôi hẹn gặp tất cả ở nhà Bình tối thứ Tư. Qua giọng nói của Bình trên điện thoại, tôi có thể hình dung nụ cười tủm tỉm của em,

“Em sẽ dành cho anh một ngạc nhiên, nhưng cấm anh không được mách lẻo với chị Quỳnh Châu. Chị ấy mà biết rồi *giữa* em thì đời anh *te tua* đó.”

Tôi họp xong trễ, từ chối lời mời đi ăn tối với bạn đồng sự, và vội vã lái xe thuê đến nhà Bình. Giờ tan sở, đường Austin kẹt như nêm cối, tôi nóng lòng gặp lại người thân và bực bội cầu nhàu một mình. Bước vào nhà Bình, tôi lặng người khi thấy người khách ngồi ở ghế xa-lông. Đứng dậy chào, người ấy hơi lúng túng nhưng lấy lại bình tĩnh rất nhanh. Bình giơ tay giới thiệu,

“Sư cô Diệu Hương. Sư cô về trụ trì tại chùa Linh Bảo hơn một năm nay. Nhân dịp có anh về thăm, em và mẹ nấu bữa cơm chay mời sư cô đến chơi.”

“*Ba Hoa* mạnh giỏi? Mình nghe nói *Ba Hoa* được hạnh phúc và thành công về nghề nghiệp nên mong gặp để chúc mừng người bạn cũ,” vị ni cô trạc tứ tuần trong chiếc áo cà sa màu lam với vẻ mặt thanh tú chấp tay.

“Trúc Hương . . . à sư cô đi tu hồi nào mà tôi không hay?” tôi nói lấp bắp.

Trúc Hương, hay ni cô Diệu Hương, là chị của Hiệu, thằng bạn quê Tuy Hòa cùng khóa kỹ sư điện với tôi. Nàng lớn hơn tôi năm tuổi, tốt nghiệp đốc sự trường Quốc gia Hành chánh, và hồi đó giữ chức vụ trưởng ty Hành chánh dưới quyền cha, cha giữ chức vụ cầm đầu tỉnh Phú Yên. Mùa hè tôi về thăm nhà thì Hiệu nằm lại Sài gòn nên tôi chỉ có nàng là người bạn duy nhất trong thành phố nhỏ bé hiền hòa ấy; chúng tôi hợp tính và thân nhau. Từng đoạn phim quá khứ quay lại trong tâm tư, tôi thẩn thờ,

“Mới đó mà đã hơn hai mươi năm!”

* * *

1. *Ba Hoa* cười toe chào bác Sáu, người tài xế gia đình thân tín; bác đón chàng ở chân cầu thang chiếc DC-3 của hãng Hàng không Việt nam. Sáu tuần lễ nghỉ hè trước mặt. Tạm xa sách vở và cuộc sống Sài gòn xô bồ náo nhiệt. Tha hồ tắm biển, rong chơi, và viếng thăm thắng cảnh thiên nhiên của miền duyên hải. Được thưởng thức tài nấu nướng của mẹ, những món ăn khoái khẩu mà nghĩ tới không thôi cũng thấy thèm rỏ dãi. Và gặp lại Trúc Hương và theo nàng tham dự những sinh hoạt thanh niên tỉnh nhà.

Thay vì chờ *Ba Hoa* về nhà, bác Sáu đưa chàng vào văn phòng cha. Ngồi sau chiếc bàn giấy đồ sộ, ông Thông hơi tươi nét mặt hỏi cho có lệ, “Đi đường mệt không?” và không cần nghe câu trả lời, “Dạ không,” của chàng, đi ngay vào đề,

“*Mi* gần hai mươi tuổi rồi. Trai lớn lấy vợ, gái lớn lấy chồng; *tau* đã kén cho *mi* con gái ông Hoàng dân biểu Quốc hội tỉnh mình. Nhà người ta giàu có, *hắn* là con một nên mai sau của cải sẽ về phần hai đứa *bây*. Tối mai *tau* mời ông bà Dân biểu và con *nó* ăn cơm tối với mình, *mi* sẽ có cơ hội tìm hiểu *hắn*.”

Ba Hoa hình dung cô con gái nhà giàu tỉnh lẻ. Chuyên vòi vĩnh nhõng nhẽo và giỏi tài ăn hiếp con bé người làm. Học hành dở dang, ăn mặc quê mùa, và suốt ngày ăn và ngủ nên khuôn mặt phính phệ xấu xí. Không nhìn con, ông Thông tiếp tục,

“Chiều *ni* khoan đi chơi đã, ở nhà nói chuyện với mẹ *mi*. *Tau* đã kêu thợ chiều tới nhà hớt tóc cho *mi*, và *mi* cần mặc thử bộ *com-lê* đặt may sẵn, có *chi* không vừa ý thì biểu thợ sửa lại.”

Ông Thông chu đáo sắp xếp mọi chuyện, ngoại trừ cho *Ba Hoa* biết tên tuổi, học lực, hay nhan sắc của cô kia. Về nhà, chàng thuật chuyện với mẹ, bà Thông lắc đầu chép miệng,

“Cha *mi* muốn làm thông gia với ông Hoàng, chớ con *nó* học hành chưa ra *chi* mà ông a ông ọ, ngó phát ghét! *Tau* đã chấm được một đứa cho *mi*.”

“Mẹ ơi, con mới học hết năm thứ ba, *công chưa thành danh chưa toại*, làm sao dám nghĩ tới chuyện vợ con?” chàng phản đối.

“Trước sau *chi mi* cũng phải lấy vợ thôi. Con Hương bạn *mi*, *tau* ưng ý *nhứt hạng*. *Hắn* có lớn hơn *mi* dăm ba tuổi mà đẹp cả người lẫn nét, con nhà đảng hoàng, có học thức cao, và lại đang *mần ôông nọ bà tề*. *Tau* chấm *hắn* số một trong tỉnh *ni*.”

2. Tối hôm ấy, trong phòng khách nhà ông Hoàng, ông dặn dò cô con gái Ly Lan, “Làm thân con gái, cha mẹ đặt đâu con ngồi đó.” Nàng ngồi đối diện với cha, ông nói hùng hồn như diễn thuyết tranh cử,

“Về môn đảng hộ đối thì khắp miền Trung, không có nơi nào xứng đáng với gia đình mình bằng gia đình ông ‘Tỉnh.’ Tương lai chính trị của *ông* rực rỡ; sau này hai con và cả ba má cũng được nhờ. *Nẫu* lại được *ông* cưng; thương con sẽ quý dâu, con có phúc lắm đó.”

Ly Lan lợm giọng nghĩ tới bọn con ông cháu cha ý thế ý thần hiếp đáp kẻ thế cô, làm điều càn rỡ. Thứ vô tích sự, tối ngày đảng điểm ăn chơi. À, nhà này chắc là thiếu chữ nghĩa nên mới kiếm cô dâu có học thức như mình. Nhưng không sao, cô sinh viên năm thứ nhất Chánh trị Kinh doanh Đà Lạt tự nhủ, thế nào mình cũng có cách để thoát khỏi bàn tay lông lá của . . . con dê xồm đó.

3. Bữa cơm chung của hai gia đình thoạt trông có vẻ thân mật và vui vẻ. Hai ông cha nói lớn và cười to, mặc dù câu chuyện họ trao đổi chẳng có gì buồn cười. Hai bà mẹ làm ra vẻ tâm đầu ý hợp, kề tai nhau nói nhỏ, và cười khúc khích, nhưng mắt thì nơm nớp trông chừng “hai đứa nhỏ.” Xúng xính trong bộ *com-lê* mới toanh và chiếc cà vạt màu sắc sỡ, *Ba Hoa* cố tình đội lốt một công tử miệt vườn quê kệch và khúm núm một điều thưa hai điều dạ với ông bà Hoàng, y như một nhân vật trong tường cái lương phỏng theo tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh.

Ly Lan quyết ý đóng vai một thiếu nữ khó thương với bộ mặt trát phấn quê kệch, môi tô son lòe loẹt kém thẩm mỹ, và mái tóc bới cao theo thời thượng như tổ quạ. Nàng và *Ba Hoa* được đặt ngồi cạnh nhau và từ phút đầu tiên, nàng mở máy gặt gồng với chàng. Chàng chiều chuộng nàng rất mực, món ăn gì cũng gấp để vào chén của nàng, nhưng nàng để riêng ra không thèm ăn. Nàng càng lẩn lướt, chàng càng nhún nhường và giả vờ ngây ngô nói về kếp Thành Được, đào Út Bạch Lan, và những gánh cải lương để nàng trả lời nhăm nhắng và khinh miệt.

Ông bà Hoàng bối rối vì thái độ bất nhã của Ly Lan. Ông bà Thông cũng mong cho bữa cơm chóng kết thúc để hoàn cảnh khó xử khỏi kéo dài. Khi từ giã, *Ba Hoa* tiễn khách ra tận cửa xe, “Hai bác cho phép con hôm nào mời Ly Lan đi xem tuồng *Lan và Điệp*. Gánh Thanh Minh điễn thì hay vô số.”

“Ai thèm? Đồ cà chớn!” đang bước lên xe, nàng ngoái lại xí một tiếng lớn.

4. Nhờ màn đóng kịch xuất thần, *Ba Hoa* thoát nạn. Nhưng chàng biết mình phải rời khỏi Tuy Hòa trước khi cha – hay mẹ – nhấm thêm mối khác. Chàng ra bưu điện gửi cho thằng bạn thân ở Sài Gòn cái điện tín mang mật hiệu giao hẹn trước, “Biển động.” Hôm sau, bạn gửi ra bức điện tín “Vào gấp. Thứ Hai đi tập sự hè.” Tư dinh của ông Thông không có địa chỉ riêng, thư từ phải qua tòa Hành chánh tỉnh, và bức điện tín khẩn được trình với ông trước khi đến tay chàng. Chính ông ra lệnh cho chàng trở lại Sài Gòn chiều Chủ Nhật, không tới một tuần sau khi chàng về nhà.

Ba Hoa vô cùng ngạc nhiên khi thấy Trúc Hương đợi ở chàng phi trường Đông Tác. Nàng đến sớm trước giờ bay với một thùng thức ăn, bánh trái, và rượu Mỹ để “bới” cho chàng mang về Sài Gòn. Trước những cặp mắt tò mò soi mói của đám dân tỉnh lẻ, quên mình là một nhân vật quan trọng trong thành phố, nàng nắm tay chàng nói cười riu rít và khi tiễn chàng lên máy bay, ghé mặt sát bên tai chàng,

“*Ba Hoa* nhớ viết thư đều cho mình. Không thì mình buồn lắm!”

Ba Hoa giữ lời hứa, viết thư cho Trúc Hương hàng tuần và mỗi tuần nhận được hai, ba lá thư dài với lời lẽ triu mến của nàng.

5. Ông Thông được đổi về bộ Tư lệnh Quân khu II ở Nha Trang, gia đình dọn về đó, và *Ba Hoa* cãi lời cha rồi bỏ nhà *đi bụi đời*. Mùa hè 1970, lớp kỹ sư tốt nghiệp, Hiệu được nha Hỏa xa Việt nam nhận và gửi ra làm việc tại ty Ốc Lộ Nha Trang, và *Ba Hoa* dạy ở Đại học Minh Đức và học tiến sĩ kỹ sư. Đồng thời, Trúc Hương từ nhiệm và về Sài Gòn học cao học hành chánh.

Hàng tuần Trúc Hương và *Ba Hoa* gặp nhau để cùng đi ăn tối, đi uống cà-phê, đi dạo phố Lê Lợi, đi xi-nê, đến nhà bạn, v.v. Bạn bè ai cũng cho họ là đôi tình nhân, nàng cười chum chim không cãi chính, và chàng cũng lặng thinh – vì biết có thanh minh bạn cũng không tin. Nàng làm đồng bạn của chàng trong các dịp giao tế của trường đại học, dù biết rõ tim chàng đã in sâu hình ảnh của Quỳnh Châu, cô học trò dạy kèm cũ đang du học ở Hoa Kỳ.

6. Đầu năm 1972, khi trường học đóng cửa để sinh viên nghỉ tết Tết Nhâm Tý, Trúc Hương không về Tuy Hòa ăn tết với gia đình vì,

“Mình làm sao về *ngoài* sum họp với *nấu* mà ba ngày tết để *Ba Hoa* ở đây thui thủi một mình.”

Tối 23 tháng Chạp, Trúc Hương mời *Ba Hoa* làm *partner* đi dự dạ tiệc tất niên tại nhà bà giáo sư thân nhất của nàng ở trường Quốc gia Hành chánh, bà là một viên chức cao cấp của chính phủ. Cuối tiệc, chủ nhà bày một trò chơi thử nghiệm tâm lý khá thịnh hành ở tây phương, tách rời khách đàn ông và đàn bà thành hai nhóm, và đưa họ vào hai phòng riêng biệt. Từng người đàn ông bị bịt mắt dắt sang phòng có các bà các cô đứng hàng ngang im lặng ngửa tay đưa ra phía trước. Người đàn ông phải sờ vào các bàn tay rồi đoán xem tay nào của vợ hay *partner* của mình. Hơn phân nửa các ông có gia đình đoán sai tay vợ, và *Ba Hoa* không may mắn gì hơn vì không quen thuộc với bàn tay Trúc Hương.

Kẻ đoán sai phải tạ tội bằng cách hôn vợ hay *partner* trước mặt khách dự tiệc. Trong tiếng hoan hô cổ vũ của họ, *Ba Hoa* và Trúc Hương hôn nhau lần đầu tiên – như đôi tình nhân. Lúc hai đôi môi rời nhau, mặt nàng đầm nước mắt vì sung sướng. Mặt đỏ bừng vì rượu, hai người say men tình đi thêm một bước, hôn nhau lần thứ hai rồi lần thứ ba, và vượt qua ngưỡng cửa say mê. Suốt hai tuần lễ sau đó, họ tiếp tục say đắm thụ hưởng mối liên hệ tình cảm mới tìm thấy. Những lần dạo phố tay trong tay, những vòng tay khăng khít âu yếm, và những nụ hôn thắm thiết không muốn dứt. Như trong phim lãng mạn tây phương.

Mồng bảy Tết, kỳ nghỉ tết chấm dứt, *Ba Hoa* bàng hoàng tỉnh giấc mộng du và đau đớn tự trách mình đã lợi dụng lòng tin yêu của Trúc Hương và đồng thời không xứng đáng với tình yêu của Quỳnh Châu. Sau một đêm thức trắng, chàng viết cho Trúc Hương,

Tôi yêu mến Trúc Hương là người bạn thân thiết và người chị tinh thần cao quý. Hai tuần qua, mình đã trải qua những thời khắc tuyệt vời với nhau, nhưng về phía tôi, chắc chắn đó không phải là tình yêu. Để khỏi tiếp tục rơi vào hố thẳm lầm lỗi, từ nay tôi sẽ không gặp Trúc Hương.

Thư gửi qua bưu điện về nhà trọ Trúc Hương. Một tuần sau, chàng nhận được thư trả lời, *Để mình kể cho Ba Hoa một chuyện. Ngày đó có một chú nai hết lòng chăm sóc một con voi con. Nai yêu voi đến nỗi có thể hy sinh đời mình cho voi, dù biết chắc một ngày voi lớn lên trở thành cương dũng, sẽ quật ngã mình. Ngày đó đã đến. Nai lúc nào cũng thương voi và không bao giờ giận voi. Có điều thiếu voi, cuộc sống của nai sẽ không còn ý nghĩa.*

Từ đó, *con voi* và *chú nai* tách biệt. Không gặp nhau cho đến hơn hai mươi năm sau.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 27 tháng Mười Hai, 2023

Cô Gái Đồng Hới

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đầu tháng Bảy năm 1965, sau khi thi đậu Tú tài II ở hội đồng Võ Tánh Nha Trang, tôi trở về nhà ở Ban Mê Thuột. Không tới một tuần sau, cha bất thần biểu tôi và mẹ đi Đà Lạt thăm anh Quang, anh là sinh viên sĩ quan khóa 20 trường Võ bị Quốc gia và sẽ tốt nghiệp vào cuối tháng Mười Một. Mặc dù chưa bao giờ đặt chân tới “Thủ đô Hoa viên,” tôi không hề háo hức về chuyến đi này. Lòng trĩu nặng, tôi biết – và mẹ cũng biết – cha đẩy mẹ đi để những đêm mẹ vắng nhà, đưa đàn bà về nhà vui thú. (Cha sống một mình và ăn cơm riêng ở nhà trên, mẹ và anh em tôi chen chúc dưới nhà bếp và trên căn gác nhỏ đằng sau.) Nhưng mẹ không thể không đi vì lệnh cha nói ra là đình đóng cột, không thể cãi dờ. Không tuân theo sẽ bị cha dọa bắn, đánh đập, và hành hạ cho dờ sống dờ chết, đến khi cha được như ý.

Lên Đà Lạt, hai mẹ con ở nhà chú thím Tôn trên đường Thi Sách. Chú Tôn là em họ xa của cha, thuở thanh niên rời làng quê ngoài Đồng Hới, Quảng Bình vào Đà Lạt lập nghiệp, và đang làm công chức tòa Thị chính Đà Lạt. Trong bốn ngày giữa tuần ở Đà Lạt, trời mưa lạnh, mẹ chỉ ở nhà nói chuyện đời xưa với thím Tôn, và chỉ một lần một, tôi lang thang ra phố xem chợ Hòa bình và lần mò đi xuống bờ hồ Xuân Hương tới nhà Thủy tạ rồi về.

Chú Tôn nghỉ làm một buổi lấy xe Vespa chở tôi vào trường Võ bị thăm anh Quang. Anh không được phép ra ngoài doanh trại và chỉ gặp tôi khoảng mười phút tại trạm gác ngoài cổng, chỉ đủ thì giờ hỏi tôi dăm ba câu về chuyện học hành thi cử. Lúc chia tay, anh nắn nót sửa thế ngồi của tôi trên yên xe Vespa sau lưng chú Tôn: Trên chuyến đi ra đây, thay vì ngồi chằng hẳng để chân hai bên theo kiểu đàn ông, tôi nhà quê ngồi để hai chân thả đòng đưa một bên như đàn bà mặc váy mà chú nề lòng không nói.

Trong bữa cơm chiều hôm ấy, khi biết tôi định thi vào trường kỹ sư điện, chú Tôn nói,

“Nghe nói thi vô trường Điện khó lắm. Thăng Lộc con anh Hảo hàng xóm của chú nổi tiếng học giỏi mà năm ngoái thi cũng rớt.”

“Anh đó bây giờ học gì chú?” tôi không giấu nổi tò mò.

“Nó nghỉ học một năm và cùng với vài người bạn thân vô vùng núi làm rẫy giúp đỡ dân quê và đồng bào Thượng. Họ vừa làm việc chân tay vừa sinh hoạt văn nghệ, lập ra nhóm ‘Du ca Việt nam,’ và sống theo lý tưởng thanh niên,” chú tấm tắc khen.

“Ông Hảo *nớ* người Đồng Hới là bạn thân học cùng khóa Võ bị Liên quân Đà Lạt [tên cũ của trường Võ bị Quốc gia] với cha *mi*,” mẹ nói với tôi.

Tôi trúng tuyển vào trường Cao đẳng Điện học và về Sài Gòn học, gia đình dọn xuống Tuy Hòa khi cha được bổ nhiệm giữ chức vụ cầm đầu tỉnh Phú Yên, và cuối năm tôi ở lại lớp vì bị giáo sư *trừ*. Niên khóa sau, tôi học lại đệ nhất niên thì Lộc đậu kỳ thi tuyển đặc biệt vào đệ nhị niên dành cho các sinh viên đã có “chứng chỉ” Toán Đại cương hay Toán Lý Hóa ở Đại học Khoa học nhằm bổ sung chỗ trống của các sinh viên đệ nhất niên đi du học giữa năm. Mùa hè, tôi về nhà nghỉ hè thì một hôm bác Hảo cùng với cô em kế Lộc là Thanh Xuân ghé lại Tuy Hòa và được cha

mời ăn cơm tối. Tôi ra chào bác và gặp cô thiếu nữ duyên dáng thùy mị. Nàng lễ phép cúi đầu chào, trong lúc tôi kiểm cách *chuồn lẹ* trước khi cha đổi ý bắt ngồi ăn với khách. Hôm sau mẹ kể lại,

“Tối qua, cha *mi* vui gặp bạn cũ nên uống rượu nhiều, nói năng huyền thiên, và khi ngày ngày say, đòi cưới con Xuân cho *mi*.”

“Bác Hảo nói sao mẹ?” tôi giật mình.

“Ông *nớ* cũng say nên gật gù tán đồng. Chỉ tội con Xuân *ốc dộc* [mắc cỡ] đỏ mặt ngồi im thin thít. Hai *ông* già Đồng Hới nói chuyện tình duyên của *hắn* mà coi *hắn* như *pha, mần* [làm] như *hắn* không có mặt ở đó.”

Nhưng sau đó tôi không nghe cha đề cập đến việc hứa hôn. Cuối hè, tôi về Sài Gòn, vô tâm quên bằng cô gái Đà Lạt tóc dài dễ thương.

* * *

Lên đệ nhị niên tôi lại học cùng lớp với Lộc vì lần này nó bị ở lại lớp. Hàng ngày gặp nhau, nhưng ngoài giờ học, hai thằng đường ai nấy đi. Tôi là chàng sinh viên lác ca lác cắc ăn nói ngang như cua, và ngoài việc đi học và đi dạy học, không biểu lộ tài cán gì đặc biệt. Ngược lại, Lộc tài hoa và đa hiệu. Nó hoạt động trong lãnh vực du ca và văn nghệ, quen biết nhiều trong giới văn nghệ sĩ, và chơi giỏi mọi bộ môn thể thao. Từ bóng chuyền và bóng rổ đến quần vợt và bóng bàn, và ngay cả đánh bi-da (billiards), thứ gì nó chơi cũng giỏi.

Kể từ đệ tam niên, trong các môn học thực hành, sinh viên phải thực tập theo nhóm. Tôi và Lộc ở cùng nhóm, dần dần thân nhau thành đôi bạn Đồng Hới đời thứ hai, và đi đâu cũng có nhau. Những dịp nghỉ lễ nó về thăm nhà, tôi đi theo lên Đà Lạt vì lúc này tôi bỏ nhà *đi bụi đời* và không có nơi để về. Lên Đà Lạt, tôi gặp Thanh Xuân mỗi một lần. Nàng nhìn tôi không nói, đôi mắt buồn như trách móc giận giận hay có điều gì u uẩn. Rồi nàng kết hôn với một sinh viên sĩ quan trường Đại học Chiến tranh Chính trị và theo chồng về Nha Trang khi anh tốt nghiệp đổi về phục vụ ở bộ Tư lệnh Hải quân Vùng II.

Theo chân Lộc, tôi lấy tính "ham vui" của nó và hăng hái tổ chức các buổi sinh hoạt sinh viên trong trường. Tôi ưa nghĩ ra "mục" mới, nó có khả năng tổ chức, và hai thằng bày đầu làm một số dự án đầu tiên trong lịch sử sinh viên trường Điện. Cuối năm đệ tam niên, chúng tôi xin tài trợ và xếp đặt chuyến "Du khảo Đa Nhim" để cả lớp đi quan sát nhà máy thủy điện Đa Nhim và đập nước Đơn Dương, công trình thủy điện lớn và duy nhất của Việt nam, nằm dưới chân đèo Ngoạn Mục trên Quốc lộ 11 từ Đà Lạt đi Phan Rang. Lớp chúng tôi bay lên Đà Lạt để xuống Đa Nhim rồi trở về Đà Lạt viếng thăm viện Đại học, lò Nguyên tử, và ty Điện lực Đà Lạt. Tuy nhiên, biến cố đáng ghi nhớ nhất là đêm sinh hoạt giao tình với sinh viên Đà Lạt mà phần lớn là *dân kẹt tóc* từ ký túc xá nữ sinh viên. Nhờ đó, không ít mối tình thơ mộng đơm bông kết trái.

Lên đệ tứ niên là lớp anh cả, tôi và Lộc thúc đẩy các bạn thực hiện lễ nhập môn cho các em đệ nhất niên. Trong buổi lễ, tân sinh viên phải trải qua vài "hình phạt" tượng trưng trước khi giơ tay tuyên thệ phục vụ quốc gia dân tộc với tôn chỉ "mang lại ánh sáng và hơi ấm đến mọi nhà." Ngoài ra, thay vì để ban Đại diện Sinh viên tổ chức dạ vũ tất niên theo kiểu con nhà giàu như

những năm trước, hai thằng sắp đặt buổi văn nghệ “Hội Tàn Đông” miễn phí dành cho sinh viên và thân nhân bạn bè họ đêm 23 tháng Chạp trước Tết Canh Tuất (1970). Tôi điều động sinh viên lớp dưới trang hoàng sân khấu, sắp xếp ghế ngồi, và đón khách, và Lộc mời các ca sĩ nổi tiếng và đoàn du ca bạn nó đến trình diễn *chùa*.

Những ngày vui qua mau, tháng Tám chúng tôi ra trường. Không hiểu vì biến động chính trị hay lý do an ninh, năm ấy Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật (gồm các trường Điện, Công chánh, Công nghệ, v.v.) không tổ chức lễ phát bằng tốt nghiệp như mọi năm. Tôi bất mãn bàn với Lộc, “Đi học mười sáu, mười bảy năm và trong đời chỉ có một lần, không lý bọn mình lạng lễ tới ký tên lãnh bằng đem về *lộng kiếng*?” “Lộng kiếng” nói lái thành “liệng cống.”

Thế là hai thằng làm đầu nêu tổ chức lễ tốt nghiệp của trường Điện. Lộc chạy bên ngoài xin giấy phép, xin tài trợ, và mời các xí nghiệp lớn; tôi bao thầu bên trong lập chương trình buổi lễ, in thiệp mời, và huy động các bạn bày biện và trang hoàng khán đài và hội trường lộ thiên. Tôi không gửi thiệp mời cho ai nên buổi sáng cử hành lễ, đứng trong khu dành cho “thí sinh” (chưa tốt nghiệp), ngạc nhiên rơi nước mắt thấy mẹ và em Bình cười rạng rỡ ngồi trong khu quan khách. Buổi lễ kết thúc, quan khách được mời dự buổi tiệc trà thân mật do phụ huynh một “tân kỹ sư” (vừa lãnh bằng tốt nghiệp) đài thọ. Tôi khám phá ra phụ huynh đó không ai khác hơn mẹ và thằng Lộc đã dành cho tôi một ngạc nhiên kỳ thú – sự hiện diện của mẹ và em Bình.

Lộc được Công ty Điện lực Việt nam thu nhận làm việc tại nhà máy thủy điện Đa Nhim. Nó về Tuy Hòa cưới vợ, gia đình nàng ở Tuy Hòa, và tôi xoay xở ra đó dự đám cưới.

* * *

Cuối tháng Tư năm 1975, gia đình tôi chen chúc với hơn bốn ngàn người khác trên chiến hạm HQ-xyz di tản ra khỏi Sài gòn. Một buổi chiều tôi lên *boong* thơ thẩn nhìn quanh tìm người quen và dò la tin tức, bỗng có tiếng gọi sau lưng, “Anh! Anh!” Tôi quay lại thấy Thanh Xuân với nét mặt lo âu tiều tụy. Nàng nắm tay tôi khóc thút thít,

“Anh ơi, anh Lộc và gia đình em kẹt lại trên Đà Lạt, không biết sống chết ra sao. Em lo quá chỉ muốn trở về nhà.”

“Xuân bình tĩnh lại đi, gia đình em kẹt lại, nhưng anh biết tất cả đều bình an,” tôi an ủi nàng, “Anh vừa gặp Lộc hai tuần trước. Sau khi Đà Lạt thất thủ, nó đưa vợ con chạy về Thủ Đức. Bác trai đi hành quân và không có tin tức nên bác gái không muốn rời nhà mà ở lại Đà Lạt với bốn đứa em nhỏ của em.”

“Vậy thì em đỡ lo nhiều. Em không có tin tức gia đình từ trước ngày Đà Lạt và Nha Trang mất vì anh Thành chồng em gửi em và con bé theo tàu Hải quân vào Phú Quốc lánh nạn,” nàng chỉ tay vào anh sĩ quan Hải quân đang ẵm cô bé chừng hơn một tuổi, “Ngày 30 tháng Tư, anh ấy vào tìm mẹ con em và đưa lên tàu này để ra đi.”

Trong hoàn cảnh hỗn loạn bấp bênh, tôi và Thanh Xuân mỗi người chạy một ngã. Hơn một năm sau, tôi nhận được thư nàng gửi về Bismarck, North Dakota, nơi tôi định cư; nàng tìm địa chỉ tôi qua văn phòng giúp tìm thân nhân và đoàn tụ gia đình của hội Hồng thập tự Hoa kỳ. Vợ chồng nàng định cư ở Seattle thuộc tiểu bang Washington. Thư qua tin lại thăm hỏi thường xuyên,

chúng tôi xem nhau như anh em, và sau năm bảy năm, những đổi thay lớn trong cuộc sống mới khiến chúng tôi “lạc mất” nhau.

Hơn 30 năm sau, tôi được tin Thanh Xuân, tin buồn: Nàng qua đời ở Seattle sau một thời gian dài chống chọi với cơn bệnh ung thư; Thành chồng nàng đã bị liệt hai chân phải ngồi xe lăn và sống trong nhà dưỡng lão. Lộc ở Đà Lạt bay sang Seattle túc trực bên giường bệnh trong tuần lễ cuối cùng của nàng. Tang lễ xong xuôi, nó đến nơi tôi ở. Gặp lại nhau sau gần 40 năm xa cách, hai thằng bạn cũ mừng mừng tủi tủi, thức trắng đêm nói chuyện xưa chuyện nay, và sáng hôm sau chia tay. Trước khi lên máy bay, nó đưa cho tôi chiếc bì thư dán kín,

“Con Xuân viết thư này ngay sau biết mình không sống thêm quá sáu tháng. Nó dặn tao giao thư tới tận tay mày, nếu không thì đốt bỏ.”

Thư không nêu tên người nhận và cũng không ký tên người viết,

Sau bữa tối ngồi chịu trận nghe cha anh và ba em hứa hôn, em đã xem mình là vị hôn thê của anh. Nghĩ rằng sớm muộn gì gia đình anh cũng sẽ đem cau trầu rượu đến hỏi cưới em về làm dâu. Nhưng sáu tháng trôi qua, rồi một năm, em hết hy vọng, và ba em mất tin tưởng vào lời hứa của ông bạn già. Rồi em gặp chồng em, được anh ấy tỏ tình yêu thương, và nhận lời cầu hôn của anh ấy.

Khi ván đã đóng thuyền, em mới gặp lại anh, lúc anh về Đà Lạt với anh em. Anh em tiết lộ riêng là anh bị cha từ bỏ, bỏ nhà ra đi làm kẻ không cửa không nhà, và tự lực cánh sinh. Phải chi em kiên nhẫn đợi gặp anh hỏi cho rõ cội nguồn!

Em lớn lên ở Đà Lạt, nhưng bản chất là con gái Đồng Hới. Má em dặn gái Đồng Hới hứa là phải nhớ đời. Vậy mà em lại bội ước. Xin hẹn kiếp nhau sẽ giữ lời.

Em không bội ước, Thanh Xuân ơi. Chính cha anh mới là người có lỗi, và vô tình anh làm kẻ vô tình.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 10 tháng Giêng, 2024

Chỉ Vui Khi Các Anh Về

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa thu 1963, tôi chuyển trường từ Quốc Học Huế vào trung học Ban Mê Thuật (“BMT”) học đệ nhị (lớp 11) và đệ nhất (lớp 12). Trong hai năm ở đó, tôi được bạn, trai cũng như gái, yêu mến và chiều chuộng, trong đó Điền là đứa gần gũi với tôi nhất. Năm đệ nhị, nó hay rủ tôi và một thằng bạn khác là Kha *cúp cua* hai giờ Sử Địa cuối chiều thứ Bảy đi vào rừng chơi. Nó hay gheo tôi,

“Thằng con’ này *văn chương chữ nghĩa* bề bề thế kia mà thấy gái thì len lét như rắn mừng năm. Tao thấy bọn con gái đệ lục đệ ngũ mê mà *tít thò lò*, sao không *cua* một ‘em’ cho đời thêm hương thêm hoa?” Đệ lục và đệ ngũ là lớp 7 và lớp 8 ngày nay.

“Mày chớ có xúi thằng *Ba Hoa* giao du thân mật với mấy con bé *chưa sạch nước cần* còn lâu mới tới tuổi dậy thì,” Kha làm bộ khuyên can.

“Con gái xứ mưa bùn đỏ nắng bụi hồng đi học muộn, khai sứt tuổi, và thèm lấy chồng như điền. Tao dám cá các ‘em’ đó lớn hơn ‘thằng con’ này một, hai tuổi là ít,” Điền nói huých tẹt.

Năm đệ nhất, tôi và Điền và một thằng bạn khác là Châu được bầu làm ban Đại diện Học sinh BMT. Chúng tôi ấn hành tờ báo học sinh và bị thầy Mấu hiệu trưởng thù ghét ra mặt. Số báo ra mắt phát hành suôn sẻ và được học sinh trong trường hoan nghênh nhiệt liệt. Sang số báo thứ hai, mục “Nói Giỡn Mà Chơi” do Châu viết có một đoạn hài hước nửa đùa nửa thực nói một cô giáo hay cười duyên với học trò khác phái. Trước khi báo phát hành, chúng tôi được tin cô giáo dạy Việt văn nổi giận vì bài bàn phiếm, và thầy Mấu ra lệnh hủy số báo và đình bản tờ báo vĩnh viễn.

Ba thằng bàn bạc một hồi rồi lễ mễ ôm ba chồng báo, xếp thành đống dưới cột cờ giữa sân trường, châm lửa đốt, và đứng chống nạnh nhìn ngọn lửa lên cao giữa tiếng hoan hô của học sinh. Chúng tôi bị đưa ra hội đồng kỷ luật và bị đuổi học một tháng. Tôi đã tự học hết chương trình đệ nhất mùa hè trước, và Châu đã học đệ nhất và thi rớt Tú tài II năm trước nên chúng tôi chỉ lo cho Điền. Theo giờ đi học thường ngày, tôi đến nhà trọ Châu (nó ở với anh là giáo sư của trường) và kèm Điền học để bắt kịp bài vở trong lớp. Cha mẹ không hề biết tôi bị đuổi học.

Cuối năm chúng tôi xuống Nha Trang thi Tú tài II vì BMT không có hội đồng thi. Tôi và Châu đậu kỳ đầu rồi về Sài Gòn học. Điền lận đận, phải thi đến kỳ hai mới đậu. Nó ở lại BMT, làm thông dịch viên cho công ty RMK-BRJ thầu xây cất cho quân đội Hoa kỳ vài năm, bị gọi nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức, và ra trường tình nguyện đi Nhảy Dù. Năm 1975, Việt Cộng (“VC”) vào, chàng trung úy Nhảy Dù tin lời *bên thắng cuộc* đi trình diện “học tập cải tạo.”

* * *

Ban đầu bị giam ở trại rừng giới Z30 Hàm Tân (thuộc tỉnh Bình Tuy), cuối năm 1979 Điền và nhiều tù “cải tạo” khác bị chuyển ra trại A20 Xuân Phước (thuộc quận Đồng Xuân ở miền núi

tỉnh Phú Yên). Chút của cải nhỏ nhoi từ xoay xử mang theo mình như chén đũa, sách vở, giấy tờ, võng, thức ăn khô, và thuốc uống đều bị VC vét sạch sành sanh bằng màn kiểm soát nhập trại. Chúng nắm bóp từng ngăn túi và đường viền quần áo, vạt miệng, và dòm vào hậu môn để tìm đồ giấu. Ra khỏi phòng khám xét, người tù chỉ còn lại vài bộ áo quần tù rách rưới đóng dấu “Cải tạo” nham nhở trên lưng và ngực áo.

Trại A20 gồm năm phân trại A, B, C, D, và E. Phân trại A giam những người đã di tản tới đảo Guam, tranh đấu đòi hồi hương và được cho về bằng tàu Việt nam Thương tín, và được VC tổ chức tiếp đón rồi đưa tuốt vào trại tù sau khi tước đoạt mọi của cải, tiền bạc, và vật dụng cá nhân. Phân trại B giam tù hình sự mang án chung thân, thuộc loại giết người cướp của. Phân trại C và D nhốt tù hình sự thường. Phân trại E giam tù “cải tạo” gồm ba dãy nhà gạch kiên cố, mỗi dãy dài khoảng 40 thước chia làm hai căn cách biệt, và mỗi căn chứa từ 100 đến 120 người. Mỗi tù “cải tạo” được bề ngang chừng bốn tấc, ban đêm ngủ phải nằm nghiêng hoặc xoay ngược đầu với người bên cạnh mới đủ chỗ.

Ngày đầu tiên, Điền và bạn tù bị VC lừa vào hội trường để dẫn mặt và đưa vào khuôn phép. Tên trưởng trại là trung tá công an người Phú Yên, hắc gọi tên từng người trong danh sách “khó cải tạo” và hăm dọa, “Liệu hồn, các anh sẽ bỏ xương nơi đây.” Tiếp theo là màn văn nghệ ca tụng đảng và nhà nước, tên cán bộ phụ trách yêu cầu một người tù đứng ra bắt giọng cho cả đám tù hát một bản nhạc cách mạng để “lấy khí thế.” Tên VC hối thúc hoài mà chẳng ai thềm ra. Khi hắc trở giọng đe dọa thì Điền nóng mặt đứng lên bắt nhịp cho bạn tù hát bài “Việt nam Quê hương Ngạo nghễ” của Nguyễn Đức Quang,

*Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn
Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang vang
Lê sau bàn chân gông xiềng một thời xa vắng
Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kê loàng xoàng . . .*

Được gã đúng chỗ ngựa, đám tù hát muồn bể tung hội trường. Bọn VC ngờ ngợ có cái gì không ổn, nhưng không làm gì được. Sau buổi họp, mấy bạn tù trẻ đến bắt tay Điền khen ngợi hành động nhanh trí và can đảm. Võ Ấn, cựu chánh sự vụ sở Thời sự đài Phát thanh Sài Gòn, đến vỗ vai và ôm chặt nó tỏ vẻ quý mến. Ngày 30 tháng Tư năm 1975, ông là người phụ trách phát thanh khi Tổng thống Xxxx Man bị áp giải tới đọc bài diễn văn đầu hàng. Trong trại A20, Võ Ấn bí mật biên soạn và phổ biến tờ báo *Hợp Đoàn* cho tù ngầm chuyền tay nhau đọc. Đó là cuốn vở học trò khoảng 60, 70 trang cắt ngang một nửa và khâu lại, trang bìa là hai chữ “Hợp Đoàn” khổ lớn, và tờ báo viết tay trình bày khéo gồm các bài viết về thời sự nóng bỏng trong trại và ngoài đời.

Khuất Duy, một ca sĩ nổi tiếng bậc nhất miền Nam trước năm 1975, đến làm quen và đàn hát với Điền. Được mệnh danh là “Ca sĩ Cẩm cung” vì chỉ hát trên đài phát thanh hay thu băng đĩa chứ không xuất hiện trước khán giả, Khuất Duy từng là sĩ quan phục vụ ở nha Quân pháp và phủ Tổng thống với tư cách chuyên viên luật pháp vì ông vốn là luật sư. Tết Nhâm Tuất (1982), nhân bọn cai tù mãi vui chơi ăn tết và lơ là việc rình mò tù nhân, Điền và Khuất Duy cùng vài bạn tù trẻ *xăm mình* tổ chức buổi văn nghệ “Những Tiếng Hát Bùng Sáng A20” hát nhạc và ngâm thơ “phản cách mạng” để biểu dương tinh thần bất khuất của quân nhân Việt nam Cộng

hòa. Buổi văn nghệ được bạn tù hưởng ứng và khích lệ nhiệt liệt, đám tổ chức thừa thắng *chơi* thêm bốn buổi nữa và may mắn không bị *ăng-ten* báo cáo hay cai tù khám phá.

* * *

Tù “cải tạo” bị khủng bố không ngừng. Ban ngày phải ra ngoài lao động làm công việc nặng nhọc; buổi tối phải sinh hoạt học nội quy, tự kiểm điểm, và phê bình lẫn nhau; và ban đêm bị cai tù đi rảo ngoài phòng giam rình rập theo dõi. Mỗi bữa ăn được phát cho vài muống cơm, một chút nước mắm thối, và miếng bánh bột khoai mì luộc hình chữ nhật. Nhưng khẩu phần tùy còn thuộc mức độ chăm chỉ lao động và ngoan ngoãn tuân lệnh cai tù, theo đó tù được “bình bầu” thành ba loại: khá, trung bình, và kém. Tù trung bình được phát nguyên miếng bánh bột. Miếng bánh bột của tù loại kém bị cắt mất một phần tư, phần còn lại trông như khẩu súng lục, và phần tư đó được phát thêm cho tù loại khá.

Trong hơn năm tháng, Võ Ấn cho ra lò ba số *Hợp Đoàn* trước khi ông bị cai tù kết tội “thành phần nguy hiểm” và tống vào xà lim biệt giam. Đó là thời kỳ phong trào chống đối lên cao, tù đồng lòng “trây lười” khi đi lao động, và ban đêm “học tập” thì câm miệng như hến và nếu cần phát biểu thì chỉ trích khẩu phần ăn uống quá ít oi, lao động quá nặng nhọc, và thủ tục thăm nuôi và nhận quà quá khắt khe. Tờ *Hợp Đoàn* mất tay đầu não và tạm thời đình bản. Bạn tù khẩn khoản đề nghị Điền làm “thư ký tòa soạn” có nhiệm vụ đọc, sửa chữa, và sắp xếp bài vở rồi giao cho một bạn tù khác “lên khuôn” (chép vào cuốn vở).

Hợp Đoàn tiếp tục thêm hai số nữa thì Điền bị lộ hình tích. Tối hôm ấy, một bạn tù đến chỗ nằm của Điền đưa một bài viết ngắn chuẩn bị đăng báo, một tên *ăng-ten* nhìn thấy, và chỉ một lát sau ba tên cán bộ ập vào khám xét. Điền nhanh trí nhai nuốt được nửa mẫu giấy; nửa còn lại bị một tên bóp miệng moi ra, nhốt dãi còn lòng thòng. Tên VC cầm mảnh giấy ướt nhẹp gồm mấy nửa hàng chữ không đầu không đuôi và không có ý nghĩa gì cả.

Thế là Điền bị lôi thẳng xuống xà lim số 4. Hình phạt vô nhân đạo này không xa lạ gì đối với bạn tôi: Năm trước, nó đã bị biệt giam trong xà lim suốt hai tháng và mỗi ngày, vào khoảng xế trưa, được cho ăn hai lát khoai mì chan ngập nước muối nhưng chỉ được cho hai muống nước uống. VC hành hạ tù biệt giam bắt phải khát nước điên người suốt ngày suốt đêm. Hai chân Điền bị cùm, cai tù cố tình dùng chiếc cùm nhỏ hơn khổ chân khiến thịt cổ chân rách ra làm độc. Trong 40 ngày liền, nó không thể đại tiện, thỉnh thoảng bí quá phùng mang trợn mắt rặn, nhưng hơi đi xuống gặp một vách cản ở hậu môn dội ngược lên mũi và miệng khiến cho nghẹn mũi khó thở. Đến ngày thứ 41, nó thấy tức đì, đau như cắt ở hậu môn, và không thở nổi như sắp chết đuối. Để cứu nó, người bạn tù bên cạnh dùng tay banh móng và thò ngón tay vào hậu môn móc cục phân cứng như đá ra, máu tuôn ra lai láng hai bên đùi. Hai tháng bị cùm, bị đánh, và bị bỏ đói bỏ khát cho chết, nhưng nó không chết mà tự nhủ,

*Đời có gian lao mới rạng danh hào kiệt,
Tù không đày đọa sao rõ mặt anh hùng.*

Lần này, Điền bị cùm ở xà lim không tới năm phút thì tên cán bộ vào hỏi cung. Điền *ca điệu khúc* “không biết,” tên VC giận dữ dùng giày đinh đập tới tấp vào đầu ngực và lưng. Điền trôn

mình chịu đựng, không rên la. Tối hôm ấy, cột xương sống bị thương do hai tháng nằm xà lim năm ngoái đã tạm hồi phục nay bị chấn thương trở lại khiến Đền đau đớn khôn xiết. Phân, nước tiểu, và tinh dịch tự thoát ra khỏi cơ thể, không kiểm soát được. Nó kêu gào cấp cứu đến khản cổ. Bạn tù ở xà lim khác cũng lên tiếng kêu phụ. Mãi đến sáng hôm sau, ba tên cán bộ dẫn một bác sĩ “Ngụy” trong nhóm tù vào xà lim tìm hiểu bệnh tình. Sau khi chẩn bệnh, bác sĩ khẩn thiết đề nghị, và tên trưởng trại và tên bác sĩ VC phụ trách đồng ý, chuyển Đền vào bệnh xá trại.

Đầu năm 1983, một phái đoàn y tế bộ Nội vụ VC từ ngoài Bắc vào thanh tra trại A20. Đền may mắn được một tên bác sĩ VC trong phái đoàn khám lại và định bệnh. Cuối năm, hơn tám năm sau ngày trình diện “học tập cải tạo mười ngày,” nó được thả vì lý do nhân đạo – bệnh tật vô phương cứu chữa. Nó bị liệt không thể đi một mình nên phải chờ đến tuần sau có tù hình sự mãn án tiện thể đưa nó về Sài Gòn.

Sau sáu tháng uống thuốc nam và đi châm cứu, với bản năng chiến đấu và khát vọng sinh tồn mạnh mẽ của người lính Nhảy Dù, Đền bình phục và có thể đi lại không cần nạng. Cuối 1984 nó vượt biên bị bắt tại Bến Lức tỉnh Long An, bị đưa đi tập trung “cải tạo” trở lại tại Nhơn Hòa Lập tỉnh Long An, và giữa năm 1986 bị giải về nhà tù số 4 đường Phan Đăng Lưu Gia Định. Đầu năm 1987 nó được thả về và cuối năm lại đi vượt biên – thành công.

Tôi gặp lại Đền vào đầu thập niên 1990 ở Houston, Texas sau hơn 25 năm xa cách. Nó nhìn tôi cười láu lỉnh như ngày xưa, “‘Thằng con’ này trông còn đáng thương sinh ra phết,” và kể chuyện tù đầy bằng bài hát “Sài Gòn Chỉ Vui Khi Các Anh Về” do Khuất Duy sáng tác trong trại A20,

*Em ngược nhìn tôi, cú đầu nói nhỏ
Còn gì nữa đâu thành phố mộng mơ?
Thành phố đớn đau vẫn thường nhẩn nhủ
Sài Gòn chỉ vui khi các anh về.*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 24 tháng Giêng, 2024

Chuyện May Mắn của Diễn

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Diễn là bạn học cùng lớp với tôi ở trường kỹ sư. Ngoài quê Phan Rang của nó, trời nóng quanh năm, lượng nước mưa hàng năm thấp nhất trong các tỉnh Việt nam, và khí hậu lý tưởng để sản xuất muối biển, nhưng quá khô hạn để canh tác. Tụi bạn nói cứ nhìn vào dáng người nhỏ thó, mái tóc đen và quăn, và da mặt sạm đen của nó là hình dung được một cánh đồng cỏ cháy khô, không có một giọt mưa suốt chín tháng mùa khô. Do đó nó bị gọi là thằng “Đồng Khô Cỏ Cháy.” Nó không hề phật lòng, cười hiền hòa, và không cãi lại. Có lẽ do cái tên có ý miệt thị đó mà trong hai năm đầu học khoa học cơ bản, mặc dù biết nó học khá, tôi cũng ít nhiều coi nhẹ nó.

Lên đệ tam niên, trong các môn học thực hành, sinh viên phải thực tập theo từng nhóm ba hay bốn người. Diễn tính dễ dãi nên bị tụi kia đùn qua làm thực tập chung nhóm với tôi và Lộc, hai thằng nổi tiếng ít có thì giờ dành cho việc học. Lộc hoạt động trong lãnh vực du ca, văn nghệ, và thể thao. Tôi bỏ nhà *đi bụi đời* sống lang thang và tối ngày *cúp cua* đi dạy học kiếm sống, nhưng giấu nhẹm và khoe khoét ta đây *ngon lành* bỏ giờ học đi chơi với *đào*. Khi làm phúc trình thực tập, Diễn mau mắn lãnh các phần tẻ nhạt, tỉ mỉ, và tốn nhiều thì giờ nhất như vẽ đồ thị và thực hiện các phép tính bằng số giùm cho tôi và Lộc, và nhất là phần còn lại của tôi, khi tôi bỏ dở nửa chừng để đi . . . chơi.

Mỗi chiều Chủ Nhật, tôi sang nhà Diễn ở xóm nghèo bên Thị Nghè để chép và hỏi lại bài của mấy buổi học tôi vắng mặt trong tuần. Cha mẹ đã qua đời, nó sống với vợ chồng người anh và hai đứa cháu gái khoảng sáu, bảy tuổi; anh nó làm trung sĩ trong quân đội. Tôi khám phá ra nó thường xuyên có thơ và truyện ngắn gửi đăng trên bán nguyệt san *Văn Uyển* đứng đắn nghiêm chỉnh và tuần báo *Tuổi Hồng* được các cô lúta “tuổi ô mai” ưa chuộng. Không ngờ nó *bánh* đến thế, tôi vô duyên buột miệng,

“Tương tá mà y *cù lần* thế kia mà viết hay *hết sảy!*”

Mùa hè năm ấy, lớp đệ tam niên của chúng tôi thật bận rộn, và tôi và Diễn ở bên nhau hầu như cả mùa hè. Đầu tiên là chuyến “Du khảo Đa Nhim,” cả lớp đi thăm “Thành phố Hoa viên” Đà Lạt và quan sát nhà máy thủy điện Đa Nhim một tuần lễ. Về lại Sài gòn là sửa soạn đi trình diện ở trung tâm Huấn luyện Quang Trung (“Quang Trung”) để tập làm lính bốn tuần lễ trong chương trình Huấn luyện Quân sự Học đường. Được thiết lập sau cuộc tấn công quy mô của Việt Cộng vào Tết Mậu Thân (1968), chương trình có mục đích tạo dựng một lực lượng dân sự sẵn sàng chiến đấu trong trường hợp khẩn cấp, và tốt nghiệp khóa huấn luyện là điều kiện bắt buộc để được hoãn dịch vì lý do học vấn cho niên khóa tới.

Ở Quang Trung, ban đêm tôi ngủ ở tầng trên chiếc giường hai tầng bằng sắt sơn đen màu hắc ín, và Diễn nằm ở tầng dưới. Sắp hàng đi ra hay đi về từ bãi tập, ngồi trong lớp học (hoặc ngồi trên mũ sắt ở bãi tập), sắp hàng đi ăn cơm nhà bàn, và cả lúc ăn cơm, lúc nào nó cũng ở bên tôi. Mỗi lần đi phép cuối tuần trở về trại, các bạn bới theo thức ăn như mắm thái, mắm lóc, thịt chà bông, và phó-mát Pháp “La vache quit rit” (tiếng Pháp “Con bò cười”) để khỏi ăn cơm với *cá*

mối nhà bàn. “Cá mối” là tên gọi chung các loại cá rẻ tiền như cá đù, cá chỉ, hay cá trích xương nhiều hơn thịt, và chiên lên có mùi thơm và tanh. Đó là một trong hai *món ăn chơi* đặc thù của Quang Trung. Món kia là *chà láng*: Những lúc rảnh rỗi, khóa sinh được lệnh ra giao thông hào dùng cà-mèn (tiếng Pháp “gamelle”) bằng thép không rỉ để chà đất cho thật láng; bọn lính học trò chúng tôi được miễn làm màn vô bổ này. Diễn chia thức ăn nó bới theo cho tôi, tôi từ chối,

“Tao ăn cơm dở và rẻ tiền ở phạn xá Đại học xá Minh Mạng quen rồi nên thấy *cá mối* Quang Trung không đến nỗi tệ.”

“Mày ăn thử thịt chà bông bà chị [dâu] tao làm xem có ‘được’ không,” nó tiếp tục mời.

“Chị mày làm cho mày ăn, sao lại chia cho tao?” tôi lắc đầu.

“Hôm bữa lãnh 200 đồng tiền nhuận bút cái truyện ngắn gửi cho báo *Văn Uyển*, tao đưa hết cho chị nhờ làm đồ ăn cho cả hai đứa mình. Mày không ăn với tao thì sao gọi là bạn bè?”

Tôi ăn chung với Diễn mà rưng rưng nước mắt. Nó biết tôi túng bấn vì không có thì giờ đi dạy, mà dù có thì giờ đi nữa thì mùa hè trường trung học tư đóng cửa và các nơi dạy kèm không cần người cho đến đầu niên khóa tới. Một tuần sau khi trút bỏ bộ *trây-di* (tiếng Pháp “treillis,” quần áo lính) màu xanh ô-liu (olive) rộng thùng thình, lớp chúng tôi được phân phối đi tập sự hè một tháng ở các xí nghiệp kỹ nghệ để làm việc và học hỏi và thường không được trả lương; phúc trình tập sự được chấm điểm như một môn học chính thức.

Trong khi tụi bạn cân nhắc địa điểm (gần nhà hay thuận tiện đi lại) và kỹ nghệ muốn phục vụ sau này để bon chen giành chỗ tập sự tốt, tôi chọn nhà máy Kiên Lương của nhà máy Xi măng Hà Tiên ở quận Kiên Lương tỉnh Kiên Giang và cách Hà Tiên chừng 20 cây số vì công ty cho ăn ở miễn phí và tôi muốn rời khỏi Sài Gòn một thời gian. Diễn bị đẩy đi Kiên Lương với tôi vì tính nó hiền lành và hay nhường nhịn và nơi đèo heo hút gió này là chỗ tập sự còn lại cuối cùng. Công ty có chiếc máy bay nhỏ bảy chỗ ngồi hàng ngày lên xuống Kiên Lương để chuyên chở nhân viên và mang tài liệu liên lạc giữa nhà máy Kiên Lương, văn phòng trung ương trên đường Võ Di Nguy Sài Gòn, và nhà máy Thủ Đức trên xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa.

Trước ngày tôi lên đường, Nhật Lệ, cô cháu họ gọi tôi bằng “ông trẻ” (người Huế nói là *ông*), từ Nha Trang vào hút hơi hút hải đến Đại học xá tìm tôi,

“*Ông* đi tập quân sự không nói cho ai biết, giờ sắp đi tập sự cũng không cho ai hay. *Mụ* cố lo lắng vì biết mùa hè *ông* không đi dạy và không có tiền nên biểu em vào coi *ông* ra sao.”

“*Mụ* cố” (bà cố) là mẹ.

“Vào đây em ở đâu và khi nào về Nha Trang?” tôi nói lảng, cười như mếu.

“Em ở nhà con Thu Sương bạn em và đợi *ông* đi tập sự xong mới về lại. *Mụ* cố dặn đi *ông* ăn ngon một bữa.” Mẹ biết dù có cho tôi tiền, tôi cũng không lấy.

“Chiều nay tôi và thằng bạn lên văn phòng Xi-măng Hà Tiên làm giấy tờ và tiện đường đến ăn ở nhà hàng Thanh Bạch. Em gặp tôi ở đó *nghen*.”

Nhà hàng Thanh Bạch trên đại lộ Lê Lợi là quán ăn ưa chuộng của tôi. Tôi và Diễn đến sớm ngồi đợi ở hàng bàn dưới mái che nhô ra ngoài lề đường. Nhật Lệ đến với Thu Sương, một thiếu nữ nhỏ người, xinh xắn, tóc ngắn, và nước da trắng ngần. Bốn đứa ăn uống tự nhiên và cười vui thoải mái. Nhật Lệ hài lòng vì hoàn tất nhiệm vụ mẹ giao, và tôi khoan khoái thưởng thức món bít-tết Chateaubriand ăn với xà-lách Đà Lạt đặc biệt của nhà hàng, lâu rồi mới được ăn lại. Thu

Sương nhận ra bên trong cái dáng ngoài khô khan của Diễn là một tâm hồn bén nhạy, lãng mạn, và đáng yêu, và hai người chuyện trò thân thiết như đã quen biết từ lâu. Khi chia tay, Nhật Lệ dặn tôi, và cũng gián tiếp nhắc Diễn giùm Thu Sương,

“Ông nhớ viết thư về cho em để *mụ* cố biết tin mà yên tâm.”

Nhà máy Kiên Lương được xây thành hai khu nằm hai bên con kinh An Bình - Ba Hòn: Khu nhà máy nằm sát chân núi Còm, và khu cư xá thuộc xã An Bình ở ngay quận lỵ. Khu cư xá với đường sá rộng rãi và thẳng tắp gồm dãy biệt thự có sân trước trồng cỏ xanh mướt dành cho kỹ sư và viên chức hành chánh, các dãy nhà dài làm nhà ở cho công nhân, trường học, sân thể thao, và chợ Tròn (nhà lồng hình tròn) cùng các dãy phố quanh chợ. Tôi và Diễn được cho ở trong một biệt thự trống, chỉ một phòng ngủ trên lầu có đồ đạc, và trong đó có vồn vẹn một chiếc giường và cái bàn viết nên hai thằng ngủ chung giường như hồi ở quân trường.

Tại nhà ăn, buổi trưa người ta thường nấu canh mướp đắng (khổ qua) dồn thịt. Bữa đầu tiên tôi hỏi Diễn,

“Mày biết ăn mướp đắng không?”

“Ngon chớ! Sao lại không?”

“Ngày tao còn nhỏ, có lần ‘bà già’ xào mướp đắng cho ‘ông già,’ tao lén *bốc lúm* đựng nhằm miếng mướp đắng đắng nghét và ói ra cả mật xanh mật vàng. Từ đó tao cạch đến giờ.”

“Vậy thì mày ăn nhân thịt, để mướp đắng cho tao,” nó không ngần ngại giành phần thua thiệt.

Ban ngày hai thằng làm việc trong nhà máy, và ban đêm và Chủ Nhật quanh quẩn trong khu cư xá. Buổi tối dắt nhau đi lòng vòng nói đủ thứ chuyện trên trời dưới đất đến khi tối mịt, về nhà viết phúc trình tập sự, và sau đó việc ai nấy làm. Đôi khi tôi viết thư cho Nhật Lệ (đúng ra là cho mẹ), trong lúc hàng đêm Diễn miệt mài viết thư cho Thu Sương, tràng giang nhiều trang giấy. Nó không lơ là sáng tác thơ văn nên luôn luôn đi ngủ trễ. Sau một tháng, chúng tôi rời Kiên Lương và bất ngờ được nhà máy trả cho một tháng lương kỹ sư tập việc.

Tháng Tám cuối năm đệ tứ niên, lớp chúng tôi tốt nghiệp. Nhà máy Xi-măng Hà Tiên gửi công văn đến trường xin tuyển dụng hai kỹ sư điện làm việc tại nhà máy Kiên Lương. Diễn và một bạn khác là Huỳnh nộp đơn, được thu dụng, và xuống Kiên Lương nhận việc một lần. Tôi đi học cao học và chuyển sang nghề dạy học. Và từ đó, cuộc đời Diễn xuống dốc triền miên khiến bạn bè thường chép miệng, “Thằng ‘Đồng Khô Cỏ Cháy’ là chúa xui xẻo.”

* * *

Khi thời hạn hoãn dịch vì lý do học vấn chấm dứt, Diễn bị gọi nhập ngũ. Thường kỹ sư làm việc cho xí nghiệp lớn như Xi măng Hà Tiên bị gọi nhập ngũ chỉ phải thụ huấn chín tuần căn bản quân sự ở Quang Trung, hay cùng lắm là “cày” thêm chín tháng ở trường Bộ binh Thủ Đức, rồi được biệt phái về phục vụ nhiệm sở cũ. Thí dụ như Huỳnh, anh đi trình diện nhập ngũ cùng ngày với Diễn, thụ huấn chương trình huấn luyện giống như nó, và được biệt phái về. Nhưng nó bị quân đội giữ lại làm sĩ quan truyền tin và năm 1975, mang lon trung úy.

Việt Cộng vào, Diễn đi tù “cải tạo” gần ba năm, chưa đủ ba năm để sau này đủ điều kiện sang Hoa kỳ định cư theo diện H.O. (viết tắt của “Humanitarian Operation” là Chiến dịch Nhân đạo). Từ nhà tù nhỏ, nó ra nhà tù lớn là cả xã hội miền Nam và sau nhiều tháng lông bông, được bạn bè giới thiệu gia nhập hội Trí thức Yêu Nước của thành phố, hội viên phần lớn là trí thức miền Nam cũ nay là những con cừu non vâng dạ của *bên thắng cuộc*. Họ coi thường Diễn và giao cho nó các công việc vặt vãnh không ai thèm làm như làm lồng đèn cho trẻ em chơi trong dịp Lễ Trung thu. Do đó, nó có thêm biệt danh mới – “Diễn Lồng Đèn.”

Đến đầu thập niên 1990, “Diễn Lồng Đèn” rồi cũng có việc làm đàng hoàng. Nó được nhà máy Xi măng Hà Tiên 1 (tên mới của nhà máy Thủ Đức) nhận làm kế toán viên dưới quyền một lô kỹ sư và cán bộ từ ngoài Bắc vào. Không dè bọn lưu manh thu dụng “tên cựu sĩ quan Ngụy” cốt để làm bung xung giờ đầu chịu báng cho các hành vi tham nhũng của chúng. Chúng ăn cắp xi-măng và vật liệu bán chợ đen lấy tiền chia nhau, nhưng bắt nó ký giấy tờ chứng nhận. Nội vụ đổ bể, chúng câu kết trút hết tội lên đầu nó. Ra tòa, nó lãnh án mười năm tù, giam ở khám Chí Hòa.

Năm 2005, tôi có việc về Sài gòn và gặp lại Diễn, lúc ấy mới được thả ra. Như ngày nào, nó thản nhiên, bao dung, và không một chút hận đời. Nhìn vợ nó là Thu Sương âu yếm săn sóc chồng, tôi nhớ lại buổi tối mùa hè ở nhà hàng Thanh Bạch hơn 35 năm trước. Hai người yêu nhau từ phút đầu tiên gặp gỡ, cùng nhau đương đầu với những nghịch cảnh khắc nghiệt của cuộc đời, và cuối cùng sống hạnh phúc bên nhau.

Với mối tình sắt son của Thu Sương, thời vận của Diễn không hoàn toàn xúi quẩy như mọi người nghĩ. Để đầu gì mà yêu và được yêu thắm thiết như thế?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 7 tháng Hai, 2024

NGUYỄN NGỌC HOA

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và để trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

- Sinh năm 1947 ở Quảng Bình, di cư vào Nam năm 1954, và hầu như lớn lên ở Huế.
- Học trung học ở Huế và Ban Mê Thuột; kỹ thuật điện ở Trung tâm Quốc Gia Kỹ thuật, Sài gòn; và điện tử và viễn thông ở Đại học Khoa học Sài gòn.
- Giảng viên vật lý và kỹ thuật điện tại một số đại học y khoa và kỹ thuật ở Sài gòn.
- Đồng tác giả cuốn sách giáo khoa *Giải Tích Mạch Điện* gồm hai tập, xuất bản tại Sài gòn năm 1974 và 1975.
- Sang Hoa kỳ tỵ nạn năm 1975; định cư tại Bismarck, North Dakota; và làm chuyên viên kế hoạch cho một công ty tiện ích đến năm 2012 thì về hưu.
- Lần lượt học quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế ở University of North Dakota ở Grand Forks, North Dakota.
- Phụ trách mục “Đố Vui Để Học” và viết bài về khoa học và kỹ thuật trong Tạp chí Lửa Việt, nguyệt san chống Cộng xuất bản ở Toronto, Canada từ 1980 đến 1993.



Nguyễn Ngọc Hoa

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Dạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và để trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

Trích trong truyện ngắn

“Bao La Như Biển Thái Bình”:

VC ngu ngơ tin rằng mỹ nhân kế trước sau gì cũng sẽ thành công, và cha sẽ đồng ý với thỏa hiệp ngầm “có lợi cho cả đôi bên”: Nếu cha ngó lơ cho chúng đưa quân chiếm đóng các quận miền núi Phú Yên, chúng sẽ nép mình nằm yên không tấn công các đồn bót quốc gia trong tỉnh, và nhờ đó cha sẽ có thành tích “bình định” hoàn hảo để báo cáo với thượng cấp. Chúng tự giăng bẫy cho mình mà không biết! Một thiếu phụ chất phác như bà Hoài làm sao đủ bản lãnh để mà mắt một sĩ quan cao cấp nửa đời kinh nghiệm phản gián như cha? Bà không khai thác được gì nơi cha mà ngược lại, bị cha khôn khéo dụ hỏi và phẫn lẩn ra tin tức để Ban 2 (ban Tình báo) của tiểu khu theo dõi tông tích những tên VC nằm vùng. Cuối năm đó, hai tiểu đoàn VC nằm im ở quận Sơn Hòa và quận Đồng Xuân bị diệt trọn ổ, và tổ đặc công Tuy Hòa bị tóm trọn gói.

GIÁ BÁN: \$US 30.00